

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
2. Mã chứng khoán : NT2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
5. Người thực hiện CBTT: Nguyễn Ngọc Hải
6. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2019 (đính kèm).
8. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 19/03/2020 tại địa chỉ:
<http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BGD;
- BKS;
- Lưu VT; KHTH.

Đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2019.



**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Nguyễn Ngọc Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

PETROVIETNAM

PVPower NT2

SÁNG MÃI NIỀM TIN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

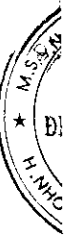




BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC | 9 |
| TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI | 11 |
| 1. Tâm nhìn..... | 11 |
| 2. Sứ mệnh..... | 11 |
| 3. Giá trị cốt lõi..... | 11 |
| I. TỔNG QUAN CÔNG TY | 12 |
| 1. Thông tin khái quát..... | 12 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển..... | 13 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty | 15 |
| 3.1 Ngành nghề kinh doanh | 15 |
| 3.2 Địa bàn kinh doanh..... | 15 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 15 |
| 4.1 Mô hình quản trị..... | 15 |
| 4.2 Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| 4.3 Hội đồng quản trị | 15 |
| 4.4 Ban Kiểm soát..... | 16 |
| 4.5 Ban Điều hành..... | 16 |
| 4.6 Các phòng chức năng và phân xưởng vận hành..... | 16 |
| 4.7 Sơ đồ tổ chức..... | 17 |
| 4.8 Công ty con, công ty liên kết của NT2..... | 17 |
| 5. Định hướng phát triển | 18 |
| 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty..... | 18 |
| 5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn..... | 18 |
| 5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững | 18 |
| 5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường..... | 19 |
| 5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động..... | 19 |
| 5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội..... | 20 |
| 5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty..... | 20 |
| 5.5 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng | 20 |





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|-------|---|----|
| 5.5.1 | Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng | 20 |
| 5.5.2 | Công tác bảo vệ môi trường..... | 21 |
| 5.5.3 | Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường..... | 22 |
| 5.5.4 | Tiết kiệm năng lượng | 23 |
| 6. | Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty..... | 24 |
| 6.1 | Rủi ro đặc thù | 24 |
| 6.1.1 | Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào..... | 24 |
| 6.1.2 | Rủi ro tỷ giá | 24 |
| 6.1.3 | Rủi ro về cạnh tranh | 25 |
| 6.2 | Rủi ro kinh tế | 25 |
| 6.3 | Rủi ro chính sách, luật pháp..... | 26 |
| 6.4 | Rủi ro về biến động giá cổ phiếu..... | 26 |
| 6.5 | Rủi ro về môi trường | 26 |
| II. | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 27 |
| 1. | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 27 |
| 1.1 | Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 27 |
| 1.2 | Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường | 28 |
| 1.3 | Công tác kế hoạch, quản lý chi phí, công tác tiết kiệm | 29 |
| 1.4 | Công tác thị trường điện..... | 29 |
| 1.5 | Công tác thương mại hợp đồng | 29 |
| 1.6 | Công tác tài chính:..... | 30 |
| 1.7 | Công tác quan hệ nhà đầu tư..... | 30 |
| 1.8 | Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy | 30 |
| 1.9 | Công tác an sinh xã hội..... | 31 |
| 1.10 | Các giải thưởng tiêu biểu: | 31 |
| 2. | Tổ chức và nhân sự | 31 |
| 2.1 | Hội đồng quản trị | 31 |
| 2.1.1 | Thành viên Hội đồng quản trị | 31 |
| 2.1.2 | Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị | 32 |
| 2.2 | Ban điều hành | 35 |
| 2.2.1 | Thành viên Ban Điều hành..... | 35 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|-------|--|----|
| 2.2.2 | Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành | 35 |
| 3.1 | Ban Kiểm soát | 40 |
| 3.1.1 | Thành viên Ban kiểm soát | 40 |
| 3.1.2 | Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát | 40 |
| 3.2 | Sự thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát trong năm 2019 | 42 |
| 3.3 | Số lượng lao động và cơ cấu lao động | 43 |
| 4. | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn | 44 |
| 5. | Tình hình tài chính | 44 |
| 5.1 | Tình hình tài chính | 44 |
| 5.2 | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 45 |
| 6. | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 45 |
| 6.1 | Cổ phiếu | 45 |
| 6.2 | Cơ cấu cổ đông | 46 |
| 6.2.1 | Theo tỷ lệ sở hữu | 46 |
| 6.2.2 | Theo loại hình cổ đông | 46 |
| 6.3 | Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 47 |
| 6.4 | Giao dịch cổ phiếu quỹ | 47 |
| 6.5 | Các chứng khoán khác | 47 |
| III. | BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY | 48 |
| 1. | Quản lý nguồn nguyên liệu | 48 |
| 1.1 | Sử dụng nguồn nguyên liệu | 48 |
| 1.2 | Tái chế nguồn nguyên liệu | 48 |
| 2. | Tiêu thụ năng lượng | 48 |
| 2.1 | Nhiên liệu khí và dầu DO | 48 |
| 2.2 | Điện sử dụng | 50 |
| 2.3 | Khí thải | 51 |
| 3. | Tiêu thụ nước | 52 |
| 3.1 | Nguồn nước cung cấp | 52 |
| 3.3 | Biện pháp tiết kiệm nước | 53 |
| 3.4 | Xử lý nước thải | 53 |
| 4. | Chất thải | 57 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|-------|---|----|
| 4.1 | Chất thải rắn sinh hoạt | 57 |
| 4.2 | Chất thải nguy hại..... | 57 |
| 5. | Tiếng ồn..... | 58 |
| 6. | Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả | 58 |
| 6.1 | Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả..... | 58 |
| 6.2 | Mức năng lượng tiết kiệm | 59 |
| 7. | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường..... | 61 |
| 8. | Chính sách liên quan đến người lao động | 61 |
| 8.1 | Tóm tắt chính sách đối với người lao động..... | 61 |
| 8.2 | Số lượng lao động và mức lương bình quân..... | 63 |
| 8.3 | Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động..... | 64 |
| 8.3.1 | Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Giữ giữ giá trị bền vững..... | 64 |
| 8.3.2 | Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường | 65 |
| 8.4 | Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo | 68 |
| 8.4.1 | Các chương trình đào tạo | 68 |
| 8.4.2 | Số giờ đào tạo | 68 |
| 8.5 | Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động | 69 |
| 9. | Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương | 70 |
| IV. | BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC..... | 70 |
| 1. | Tình hình phát triển ngành Điện..... | 70 |
| 2. | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 72 |
| 2.1 | Đánh giá chung | 72 |
| 2.2 | Những thay đổi, biến động về thị trường và nguồn cung cấp..... | 73 |
| 2.3 | Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2019..... | 73 |
| 3. | Tình hình tài chính..... | 74 |
| 3.1 | Tình hình Tài sản..... | 74 |
| 3.2 | Tình hình Nguồn vốn | 75 |
| 3.3 | Tình hình nợ phải trả: | 75 |
| 3.4 | Nguồn vốn chủ sở hữu:..... | 75 |
| 3.5 | Khả năng sinh lời..... | 75 |
| 4. | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 76 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|-------|--|----|
| 4.1 | Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng | 76 |
| 4.2 | Nâng cao công tác thị trường điện, thương mại | 76 |
| 4.3 | Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật | 76 |
| 4.4 | Áp dụng phương pháp 5S, hệ thống ISO, OHSAS vào hoạt động sản xuất kinh doanh | 77 |
| 4.5 | Thay đổi ca kíp vận hành | 78 |
| 5. | Kế hoạch phát triển tương lai | 78 |
| 5.1 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 | 78 |
| 5.2 | Nhiệm vụ kế hoạch SXKD | 78 |
| 5.2.1 | Công tác SXKD | 78 |
| 5.2.2 | Công tác đầu tư phát triển | 79 |
| 5.2.3 | Công tác khác | 79 |
| 6. | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty | 79 |
| 6.1 | Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường | 79 |
| 6.2 | Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động | 81 |
| 6.3 | Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương | 81 |
| V. | ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 82 |
| 1. | Về các mặt hoạt động của Công ty | 82 |
| 2. | Về hoạt động của Ban Điều hành | 82 |
| 3. | Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020 | 83 |
| VI. | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 83 |
| 1. | Hội đồng quản trị | 83 |
| 1.1 | Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị | 83 |
| 1.2 | Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2019 | 84 |
| 1.3 | Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 84 |
| 1.4 | Hoạt động của Hội đồng quản trị | 84 |
| 1.5 | Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành | 86 |
| 1.6 | Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành | 86 |
| 1.7 | Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị Công ty | 86 |
| 2. | Ban Kiểm soát | 87 |
| 2.1 | Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát | 87 |
| 2.2 | Hoạt động của Ban Kiểm soát | 87 |



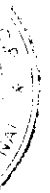
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|-------|---|----|
| 2.2.1 | Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát..... | 87 |
| 2.2.2 | Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát..... | 87 |
| 2.3 | Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát..... | 87 |
| 2.3.1 | Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty..... | 87 |
| 2.3.2 | Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Công ty..... | 88 |
| 3. | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS..... | 88 |
| 3.1 | Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác..... | 88 |
| 3.2 | Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty..... | 88 |
| 3.3 | Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con..... | 89 |
| 3.4 | Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty..... | 89 |
| VII. | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG | 89 |
| 1. | Tổng quan về phát triển bền vững..... | 89 |
| 2. | Ứng xử của các bên liên quan..... | 90 |
| 2.1 | Đối với cổ đông..... | 90 |
| 2.2 | Đối với đối tác..... | 90 |
| 2.3 | Đối với chính phủ..... | 90 |
| 2.4 | Đối với cộng đồng..... | 90 |
| 2.5 | Đối với môi trường..... | 90 |
| 3. | Công tác an toàn Sức khỏe và Bảo vệ môi trường..... | 91 |
| 3.1 | Duy trì và cải tiến hệ thống An toàn Sức khỏe Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế..... | 91 |
| 3.2 | Tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng khi áp dụng phương pháp 5S..... | 91 |
| 3.3 | Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy..... | 92 |
| 3.4 | Công tác bảo vệ môi trường..... | 92 |
| 4. | Sử dụng tài nguyên hiệu quả..... | 93 |
| 4.1 | Sử dụng năng lượng hiệu quả..... | 93 |
| 4.2 | Sử dụng nước..... | 93 |
| 5. | Chăm lo đời sống người lao động..... | 94 |
| 5.1 | Chế độ lương và phúc lợi..... | 94 |
| 5.2 | Chế độ đào tạo và phát triển..... | 94 |
| 5.3 | Quan hệ xã hội và phát triển cộng đồng..... | 95 |
| 6. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 96 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|----|--|----|
| 1. | Ý kiến kiểm toán | 96 |
| 2. | Báo cáo tài chính được kiểm toán | 96 |





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và CBCNV

Năm 2019 khép lại với việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh là một điểm nhấn của Công ty trong bối cảnh nguồn khí cung cấp bị suy giảm, Qc phân bố thấp, tình hình thời tiết biến đổi thất thường, nhu cầu huy động của thị trường không cao, nhưng Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) vẫn phát lên lưới điện quốc gia 4,95 tỷ kWh, đạt 106,5% và lợi nhuận sau thuế là 754,17 tỷ đồng, đạt 101,5% là kết quả đáng ghi nhận và khích lệ. NT2 tự hào là nhà phát điện độc lập, đáng tin cậy. Nguồn điện từ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đi khắp muôn nơi, sáng mãi niềm tin cho một tương lai phát triển của đất nước.

Qua 08 năm vận hành thương mại, NT2 đã sản xuất được hơn 40,61 tỷ kWh điện thương phẩm, một kỷ lục đối với một đơn vị phát điện độc lập có quy mô công suất tương tự. Cùng ngày NT2 càng khẳng định độ tin cậy, bền bỉ, ổn định vượt trội, độ an toàn và khả dụng rất cao, cũng như vị trí rất quan trọng trong hệ thống điện quốc gia, đặc biệt ở khu vực tam giác kinh tế trọng điểm miền Đông Nam bộ. Công tác an toàn sức khỏe, môi trường, việc thực hiện các nghĩa vụ xã hội của NT2 cũng được chú trọng thực hiện tốt và được đánh giá cao trong ngành Dầu khí, trong nước và tại địa phương.

Trong quá trình hoạt động, NT2 tập trung vào giá trị cốt lõi, hướng tới phát triển bền vững, vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ổn định, độ khả dụng cao và hiệu quả. Công tác bảo dưỡng sửa chữa chú trọng đến việc phòng ngừa, hạn chế tối đa việc dừng máy bất thường. Vì vậy, việc bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ các tổ máy được Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2019, NT2 không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Công tác tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đạt chất lượng, vượt tiến độ 02 ngày so với kế hoạch và công suất mỗi tổ máy tăng 3 MW so với thời điểm trước tiểu tu.

Về tài chính, lợi nhuận sau thuế của NT2 đạt 754,17 tỷ đồng, bằng 101,5% kế hoạch năm. Nhờ các biện pháp quyết liệt và hiệu quả trong sản xuất, tiết giảm chi phí tài chính và chi phí quản lý, tiết kiệm các chi phí vật tư tiêu hao,... chúng ta đã khẳng định được giá trị bền vững của doanh nghiệp qua các năm. Năm 2019, NT2 đã tiết kiệm được 107,52 tỷ đồng, đồng thời kiểm soát tốt các rủi ro tài chính, dòng tiền ổn định. NT2 luôn thực hiện đúng hạn và đầy đủ các nghĩa vụ tài chính. Dự nợ gốc và lãi vay quốc tế được thanh toán đều hàng năm và năm 2021 sẽ trả hết khoản vay ngoại tệ, từ đó dòng tiền ổn định hơn và kỳ vọng tỷ lệ cổ tức cao hơn cho cổ đông. Hơn nữa, NT2 tài tình trong thu xếp khoản vay, cân bằng giữa USD và EUR nên NT2 là một trong số ít doanh nghiệp không bị lỗ tỉ giá mà còn có lãi chênh lệch tỉ giá trong năm 2019. NT2 tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo thanh toán cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Mặc dù, trải qua một năm thị trường có nhiều biến động bất lợi như đã trình bày ở trên ảnh hưởng đến việc huy động cũng như giảm biên lợi nhuận của NT2 vào những lúc cao điểm. Nhờ sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV sự ủng hộ, hợp tác của các cấp quản lý, các đối tác và các cổ đông, NT2 đã đưa ra các giải pháp sản xuất kinh doanh linh hoạt, triển khai kịp thời, đảm bảo tối ưu lợi nhuận và quyền lợi cao nhất cho quý cổ đông/nhà đầu tư và Công ty.

Năm 2019, NT2 không chỉ vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, còn được đánh giá cao qua các bảng xếp hạng uy tín. NT2 được vinh danh Top 3 doanh nghiệp Midcap có hoạt động IR tốt nhất, Top 10 doanh nghiệp bền vững Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2019, Doanh nghiệp vì người lao động...



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác và CBCNV!

Chào đón năm mới 2020 với nhiều tin hiệu khả quan. Theo dự báo, cả nước sẽ đối diện với nguy cơ thiếu điện trong năm 2020. Nhu cầu điện Việt Nam cần tăng khoảng 10% mới bù đắp phần thiếu hụt điện trên thị trường. Nhiều nhà máy điện chậm tiến độ chưa đưa vào khai thác vận hành, thêm vào đó, các hồ thủy điện thiếu nước thì nhiệt điện luôn chiếm ưu thế. Đó là những tin hiệu tích cực cho NT2 trong năm 2020.

NT2 sở hữu và vận hành Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp bước qua năm thứ 09 vẫn duy trì ổn định, an toàn và khả dụng cao để phát điện cao hằng năm. Tập thể đội ngũ vận hành, CBCNV NT2 tập trung nguồn lực, vận hành nhà máy liên tục 24/7 đồng thời phát huy các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng trình độ khoa học kỹ thuật trong quản lý điều hành sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động.

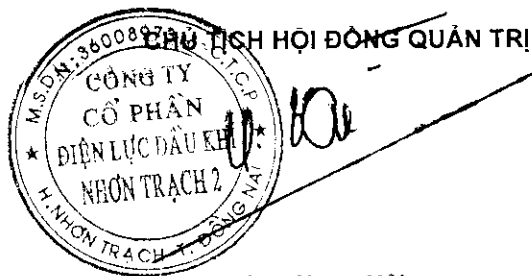
Qua 12 năm phát triển, NT2 đã khẳng định được vị thế trên thị trường điện và thị trường chứng khoán. Mặc dù, thị trường chứng khoán Việt Nam những phiên cuối năm 2019 đến đầu năm 2020 điều chỉnh mạnh, lực bán tăng, nhiều phiên chao đảo thì những mã cổ phiếu ổn định, cổ tức đều đặn như NT2 càng được đánh giá cao, là mã cổ phiếu hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

NT2 vẫn luôn giữ vững quan điểm kinh doanh rõ ràng, minh bạch tài chính, tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

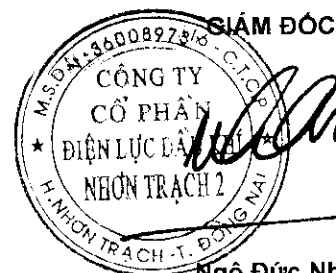
Với phương châm “ Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, NT2 luôn cố gắng đảm bảo quyền lợi cao nhất, tạo niềm tin vững chắc cho quý cổ đông/nhà đầu tư

Nhân dịp này, NT2 gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông/nhà đầu tư, các đối tác đã tin tưởng, đồng hành cùng NT2 trong thời gian qua và tin tưởng quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ, cổ vũ NT2 trong chặng đường phát triển tiếp theo.

Trân trọng./.



Uông Ngọc Hải



Ngô Đức Nhân



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tâm nhìn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phấn đấu trở thành công ty phát điện độc lập hàng đầu trong thị trường điện Việt Nam.

2. Sứ mệnh

- Đảm bảo cung cấp điện năng thương phẩm ổn định, an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường.
- Nâng cao năng lực Cán bộ - Công nhân viên, làm chủ công nghệ.
- Tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.

3. Giá trị cốt lõi

NT2 Trở thành biểu tượng thân thiện, hiệu quả và an toàn:

- **Thân thiện:** Công nghệ thân thiện với môi trường; thân thiện trong hợp tác, ứng xử; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể CBCNV và địa chỉ đầu tư tin cậy cho các cổ đông.
- **Hiệu quả:** Tập trung vào hoạt động cốt lõi, đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả, cơ cấu bộ máy tổ chức tinh gọn, thực hành tiết kiệm, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đem lại hiệu quả thiết thực và bền vững cho Công ty và cổ đông.
- **An toàn:** Đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, tránh các sự cố máy móc thiết bị và con người; nhân sự được trang bị đầy đủ kiến thức an toàn sức khỏe môi trường.

1973/2
GTY
HÂN
ĐẦU
ẠCH
T. ĐC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

I. TỔNG QUAN CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Tên tiếng Anh: PetroVietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
- Giấy CNĐKDN: số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ XII ngày 31/05/2018
- Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 4.126.938.642.188 đồng
- Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 2225 899
- Số fax: (0251) 2225 897
- Website: www.pvpnt2.vn
- Mã cổ phiếu: NT2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2007

- Ngày 15/06/2007, thành lập Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Năm 2008.

- Ngày 04/09/2008, tổ chức lễ Phát động thi đua san lấp mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Năm 2009.

- Ngày 29/04/2009, ký kết hợp đồng EPC với Liên danh tổng thầu EPC: LILAMA và PVC.
- Ngày 27/06/2009, nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bấm nút phát động khởi công xây dựng Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Năm 2010

- Ngày 22/01/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCoM.
- Ngày 06/4/2010, ký kết hợp đồng mua bán khí dài hạn với Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas).
- Ngày 31/12/2010, lần đầu phát điện lên lưới quốc gia và cấm biển "Công trình thanh niên" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Năm 2011

- Ngày 23/03/2011, đạt 02 giải thưởng quốc tế về thu xếp vốn "Best ECA Backed Facilities" và "Best Emerging Market Solution".
- Ngày 16/10/2011, phát điện chu trình hỗn hợp, vận hành thương mại toàn bộ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vượt tổng tiến độ 45 ngày.
- Ngày 12/11/2011, tổ chức lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

Năm 2012

- Ngày 02/05/2012, ký Hợp đồng mua bán điện (PPA) giá tạm tính với Công ty mua bán điện (EPTC).
- Ngày 16/10/2012, cán mốc sản lượng điện 05 tỷ kWh sau 01 năm vận hành thương mại.
- Tháng 10/2012, đạt "Giải vàng Châu Á cho Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất" do Hội điện lực Châu Á trao tặng.

Năm 2013:

- Ngày 28/1/2013, NT2 được vinh dự cấm biển 1 trong 10 công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2007-2012.
- Ngày 25/9/2013, đạt mốc sản lượng 10 tỷ kWh.

Năm 2014

- Ngày 05/11/2014, NT2 đạt mốc sản lượng 15 tỷ kWh.
- Ngày 28/5/2014 ký hợp đồng mua bán điện giá chính thức với Công ty Mua bán điện (EPTC).



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Năm 2015

- Ngày 12/06/2015, trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu NT2 trên HoSE.
- Ngày 11/10/2015, đạt mốc sản lượng điện 20 tỷ kWh.
- Ngày 15/10/2015, vốn điều lệ lên 2.739 tỷ đồng.

Năm 2016

- Ngày 08/05/2016, tăng vốn điều lệ lên gần 2.849 tỷ đồng.
- Ngày 04/09/2016, đạt mốc sản lượng điện 25 tỷ kWh.
- Năm 2016, vinh dự nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Năm 2017

- Ngày 24/02/2017, tăng vốn điều lệ lên 2.879 tỷ đồng.
- Ngày 15/06/2017, kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty;
- Ngày 03/10/2017, hoàn thành công tác đại tu nhà máy, vượt tiến độ 06 ngày, công suất tăng 24MW so với trước đại tu.
- Ngày 26/10/2017, đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh.

Năm 2018

- Ngày 18/11/2018, đạt mốc sản lượng điện 35 tỷ kWh.
- Ngày 14/06/2018, NT2 được vinh danh Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Forbes bình chọn.

Năm 2019

- Ngày 09/08/2019, NT2 đạt top 3 doanh nghiệp Midcap có hoạt động IR tốt nhất năm 2019.
- Ngày 06/11/2019, NT2 đạt Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2019.
- Ngày 13/11/2019, NT2 đạt mốc sản lượng điện 40 tỷ kWh.
- Ngày 27/11/2019, NT2 đạt Top 10 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam năm 2019.
- Ngày 15/12/2019, NT2 đạt Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2019.
- Ngày 09/01/2020, NT2 đạt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THẦN THIÊN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện;
- Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện;
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện;
- Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Trụ sở Công ty và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đặt tại Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó 01 chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 thành viên Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, trong đó 01 trưởng ban kiểm soát viên và 02 kiểm soát viên.
- Ban Điều hành: 06 thành viên, trong đó 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các Phòng chức năng và Phân xưởng Vận hành.

4.2 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua định hướng phát triển, kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.3 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ:

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của NT2;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành;



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của NT2;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ NT2.

4.4 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, BĐH trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.5 Ban Điều hành

Ban Điều hành (BĐH) của Công ty bao gồm: 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc điều hành chung toàn bộ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của NT2;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của NT2;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của NT2;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong NT2, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám Đốc.

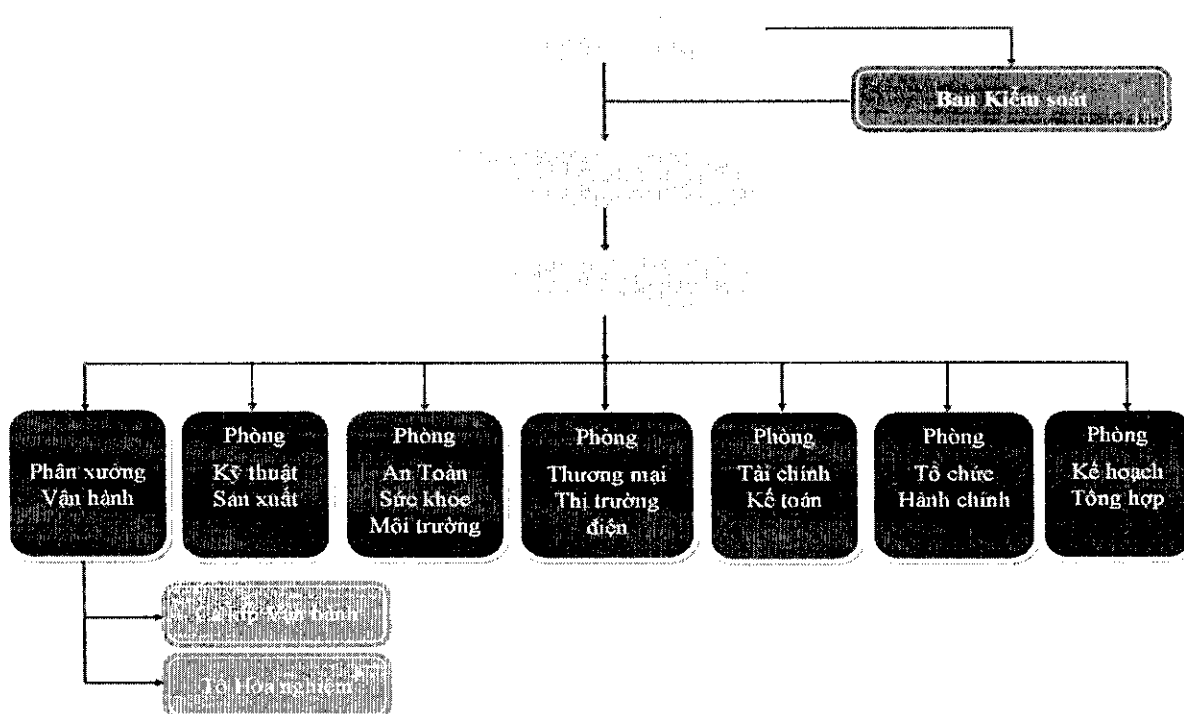
4.6 Các phòng chức năng và phân xưởng vận hành

NT2 có 06 phòng chức năng và 01 phân xưởng vận hành: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Phòng Thương mại – Thị trường Điện, Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và Phân xưởng vận hành. Các phòng chức năng được phân công nhiệm vụ theo Quyết định số 196/QĐ-CPNT2 ngày 30/05/2019 và Quyết định số 85/QĐ-CPNT2 ngày 25/02/2020, cụ thể:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của công ty;
- Xây dựng các quy chế, quy định và các văn bản về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng;
- Tổ chức xử lý, giải quyết các công việc thuộc nhiệm vụ và theo thẩm quyền của Phòng/Phân xưởng; đề xuất thực hiện các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng;
- Phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo định kỳ và/hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty;
- Tham gia phối hợp với các phòng/phân xưởng liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng. Phòng/Phân xưởng chủ trì, chủ động giải quyết công việc, xin ý kiến của Phòng/Phân xưởng liên quan khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

4.7 Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PVPOWER NT2



4.8 Công ty con, công ty liên kết của NT2

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty con, công ty liên kết: Hiện nay NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết.
- Tỷ lệ sở hữu tại công ty con và công ty liên kết: NT2 chưa có công ty con hoặc công ty liên kết
- Hoạt động, tình hình tài chính của công ty con và công ty liên kết: Không đề cập vì NT2 không sở hữu công ty con và công ty liên kết.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước.
- Đảm bảo đủ nhiên liệu cho sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận, mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn; nâng cao công tác quản trị tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao hình ảnh, thương hiệu NT2.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực theo hướng tập trung, chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo quản lý kỹ thuật, thị trường điện cạnh tranh.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất.
- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp.
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình quy định.
- Nghiên cứu sử dụng các nguồn cung cấp khí bổ sung, đảm bảo hoạt động ổn định nhà máy.
- Phối hợp với các nhà máy thuộc Trung tâm điện lực Nhơn Trạch để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển theo hướng gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Nghiên cứu nâng công suất nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ máy; giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.
- Phát triển năng lượng tái tạo để góp phần bảo vệ môi trường và hiệu quả trong việc sử dụng điện tự dùng.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

Hiện nay môi trường đang bị đe dọa trầm trọng vì tốc độ phát triển kinh tế, tình trạng xả thải khiến môi trường bị đe dọa ô nhiễm. Bên cạnh đó, khai thác quá mức làm cạn kiệt tài nguyên, thay đổi hệ sinh thái dẫn đến hạn hán, thiên tai, lũ lụt.

Tại chương trình nghị sự Phát triển bền vững đến năm 2030 tại Newyork ngày 25/09/2015 đã xác định 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu có tính khả thi. Phát triển bền vững phải mang lại cuộc sống hạnh phúc cho con người trong khi phải tuân thủ đầy đủ những giá trị của môi trường do người dân sở hữu thì cần phải có sự tham gia đầy đủ của người dân. Trong đó, 03 tiêu chí cơ bản của phát triển bền vững đó là kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững nên trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, NT2 luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người dân xung quanh khu vực nhà máy,



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

không ngừng thực hiện các chủ trương an sinh xã hội để thúc đẩy, tạo điều kiện tốt hơn cho người dân. Bên cạnh đó, NT2 còn tạo điều kiện cho lực lượng lao động tại chỗ có việc làm ổn định tại nhà máy, góp phần nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực. Trong quá trình phát triển, NT2 đề ra các việc làm cụ thể như sau:

- Sử dụng nhiên liệu sạch để hạn chế khí phát thải góp phần bảo vệ môi trường;
- Nâng cao và cải thiện đời sống cho CBCNV và thường xuyên thực hiện an sinh xã hội tại địa phương;
- Phát triển năng lượng tái tạo để bảo vệ môi trường;
- Vận hành ổn định, hiệu quả nhà máy để góp phần phát triển kinh tế đất nước và khu vực.

Về các mục tiêu phát triển bền vững, NT2 tập trung vào các nội dung:

- Mục tiêu về sản xuất và môi trường
- Mục tiêu với người lao động
- Mục tiêu với cộng đồng và xã hội

5.3.1 Mục tiêu, trách nhiệm về sản xuất và môi trường

- Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- Đầu tư vào công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.
- Tiết kiệm năng lượng.
- Xây dựng thương hiệu NT2 theo đúng phương châm “ Thân thiện - Hiệu quả - An toàn”.
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng; giảm phát thải nhà kính.
- Minh bạch thông tin.
- Đảm bảo an sinh xã hội.

5.3.2 Mục tiêu, trách nhiệm đối với người lao động

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động
- Chú trọng công tác lao động, tiền lương và chế độ chính sách cho người lao động
- Thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm, ốm đau
- Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên phát động các phong trào văn hóa thể thao cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

5.3.3 Mục tiêu, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

Trong quá trình phát triển, NT2 luôn đồng hành, có trách nhiệm với cộng đồng. Qua 08 năm vận hành thương mại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, NT2 đã đóng góp ngân sách trên 2.500 tỷ đồng, thực hiện an sinh xã hội hơn 32 tỷ đồng. Tiếp tục phát huy truyền thống "Lá lành đùm lá rách", NT2 luôn hướng tới cộng đồng và xã hội như một cam kết. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được phát động và tổ chức không chỉ bởi Công ty và triển khai sâu rộng đến từng Cán bộ Công nhân viên – Người lao động NT2. Mỗi người lao động NT2 đều ý thức sâu sắc với tinh thần tương thân tương ái đối với các hoàn cảnh khó khăn bằng các việc làm cụ thể như sau:

- Nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.
- Ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí bằng cách làm thêm giờ, ngày công.
- Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt bằng cách làm thêm giờ, ngày công.
- Ủng hộ xây trường học tại các địa phương gặp khó khăn.
- Hỗ trợ một số hộ nghèo tại huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Hỗ trợ xây trường học, ủng hộ học sinh nghèo.
- Tham gia chương trình hiến máu nhân đạo.

5.4 Chương trình chính liên quan đến mục tiêu ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành. Thực hiện tốt công tác trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong năm 2020 vượt tiến độ đề ra, an toàn, tiết kiệm.
- Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện đảm bảo tối ưu công tác vận hành để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tăng cường công tác An toàn, vệ sinh lao động và PCCC.
- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Chú trọng phát triển công nghệ môi trường, công nghệ sạch, công nghệ năng lượng mới.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện tốt công tác An sinh xã hội.
- Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn.

5.5 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

5.5.1 Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Tại Hội nghị Thượng đỉnh liên hiệp quốc về phát triển bền vững tại New York - Mỹ vào năm 2015, các thành viên Liên hiệp quốc trong đó có Việt Nam đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là quan trọng trong việc định hướng, đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trên cơ sở Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Nghị định Chính phủ số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/03/2011 về quy định chi tiết và biện pháp thi



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THẦN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, NT2 triển khai các công tác, kế hoạch với mục tiêu phát triển bền vững.

Vấn đề bảo vệ môi trường luôn là vấn đề nóng trên các diễn đàn quốc tế, Việt Nam cũng không là ngoại lệ khi kinh tế, công nghiệp ngày càng phát triển. Trong mục 4, Điều 3, Luật Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững được định nghĩa: “Phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”. Đây là định nghĩa có tính tổng quát, nêu bật những yêu cầu và mục tiêu trọng yếu nhất của phát triển bền vững, phù hợp với điều kiện và tình hình ở Việt Nam.

NT2 thuộc ngành công nghiệp sản xuất và kinh doanh điện năng luôn hướng tới phát triển bền vững, đặc biệt công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động Phát triển bền vững của NT2 càng thực sự có ý nghĩa hơn khi gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh.

NT2 đề cao công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh luôn được NT2 duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả CBCNV trong vấn đề bảo vệ môi trường. Cụ thể, hằng năm, NT2 phối hợp cùng Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình dầu khí tổ chức kiểm tra, và lập báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty.

5.5.2 Công tác bảo vệ môi trường

Để sản xuất ổn định và an toàn, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đặc biệt chú ý đến công tác bảo vệ môi trường, thống nhất ý kiến từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đến toàn thể CBCNV. NT2 phân công nhiệm vụ cụ thể trong Ban Giám đốc và các phòng chức năng/phân xưởng vận hành công tác liên quan đến môi trường.

Về công tác bảo vệ môi trường, NT2 có phòng An Toàn – Sức Khỏe – Môi trường phụ trách công tác An toàn Sức khỏe Môi trường gồm các kỹ sư có trình độ, chuyên môn và có kinh nghiệm trong công tác môi trường. Ban hành chính sách ATSKMT, sổ tay ATSKMT và các tài liệu hướng dẫn liên quan công tác bảo vệ môi trường để áp dụng thống nhất trong Công ty. Đồng thời, NT2 cũng có một Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực Kỹ thuật sản xuất và an toàn phòng cháy chữa cháy theo quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc.

Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với Công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 22/01/2008. NT2 đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2019.

- Kết quả quan trắc môi trường năm 2019 được thực hiện nhằm mục đích đánh giá chất lượng môi trường Công ty cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Kết quả giám sát môi trường là cơ sở để theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, cũng như có các biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực.
- Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Ngoài ra, báo cáo kết quả quan trắc môi trường còn là cơ sở để cung cấp số liệu, thông tin về hiện trạng môi trường của Công ty cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 cho cơ quan quản lý môi trường.

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 do NT2 quản lý, vận hành hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NO_x, CO, bụi và một lượng nhỏ SO_x, do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường. NT2 còn lắp đặt ống khói chính có chiều cao khoảng 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh khoảng là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhánh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 19:2009/BTNMT; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói chính.

NT2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và có đầy đủ các hồ sơ pháp lý liên quan:

- Giấy xác nhận về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành được cấp bởi Bộ Tài Nguyên và Môi Trường theo số 207/TCMT – TĐ ngày 01 tháng 03 năm 2012;
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SDK-CCBVM do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Đồng Nai cấp lần 3, ngày 05 tháng 12 năm 2013;
- Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 06/PVPNT2.ATSKMT – VINAUSEN/2018/DV ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 với Công ty CP Môi trường Việt Úc.
- Hợp đồng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt số 63/PVPNT2.HCTH-HTXLT/2017/DV ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 với Hợp Tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ.

5.5.3 Chính sách An toàn Sức khỏe Môi trường

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường (ATSKMT) là trách nhiệm hàng đầu của các cấp quản lý và CBCNV, là bộ phận quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. NT2 áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ra tai nạn lao động, thiệt hại về tài sản hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Để đạt được mục tiêu trên, NT2 cam kết thiết lập và duy trì hệ thống quản lý ATSKMT đảm bảo:

- Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan;
- Cung cấp các nguồn lực cần thiết để quản lý, giám sát rủi ro. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm có thể gây ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản và gây ra ô nhiễm môi trường;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin nội bộ, trao đổi thông tin với bên ngoài. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, xử lý nghiêm các trường hợp có hành vi vi phạm các quy định về ATSKMT;
- Đào tạo cán bộ công nhân viên công ty có kiến thức về ATSKMT để nâng cao nhận thức và trách nhiệm tuân thủ;

- Bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp luôn được cập nhật, phát huy tính hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp;
- Định kỳ kiểm tra xem xét đánh giá công tác ATSKMT tìm cơ hội cải tiến liên tục;
- Toàn thể CBCNV trong Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chính sách ATSKMT của Công ty đã được phê duyệt.

5.5.4 Tiết kiệm năng lượng

a. Sử dụng năng lượng hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu. Công tắc chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tắc vị trí đó được bật. Phòng làm việc thiết kế đều đón được ánh sáng ban ngày nên tiết kiệm được năng lượng. Công ty sử dụng nhiều bóng đèn compact và bóng T5 và đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

b. Giải pháp chuyển đổi sang sử dụng đèn Led

NT2 xem xét sử dụng đèn Led, tiết kiệm điện năng tiêu thụ lên đến 50%. Tuổi thọ đèn Led cao trên 45.000 giờ, sẽ giảm chi phí bảo trì thay thế. Bên cạnh đó, đèn Led không chứa các chất độc hại, do vậy không tốn chi phí xử lý rác thải nguy hại.

Hiệu quả hằng năm từ tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Giá trị |
|-----|---------------------------------|-------------|-------------|
| 1 | Lượng điện tiết kiệm/ngày | kWh | 1.304 |
| 2 | Thời gian chiếu sáng hằng năm | Ngày | 365 |
| 3 | Lượng điện tiết kiệm/năm | kWh | 475.782 |
| 4 | Đơn giá điện trung bình | Đồng/kWh | 1.400 |
| 5 | Số tiền tiết kiệm được hằng năm | Đồng | 666.095.041 |

a. Kết quả thực hiện tiết kiệm

Năm 2019, NT2 triển khai đến các phòng chức năng để thực hành tiết kiệm ngay từ đầu năm. Công tác tiết kiệm bao gồm tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, vật tư thiết bị, đầu tư xây dựng, tiết kiệm chi phí quản lý... Mọi khoản thu chi, hạch toán đều được NT2 nghiêm túc thực hiện theo quy định của Nhà nước, Chính phủ và các bên liên quan, tuân thủ theo Pháp luật.

Công tác thực hành tiết kiệm năm nay được đánh giá cao. Tổng tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong năm 2019 đạt được 107,52 tỷ đồng, tiết kiệm được nhiều hơn 33,54 tỷ đồng so với năm 2018 (73,98 tỷ đồng).

NT2 hạn chế đầu tư và mua sắm các công trình chưa cần thiết; tập trung chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng, ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng

lượng, lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch sử dụng năng lượng cho các giai đoạn.

Các vấn đề về môi trường: xác định rủi ro môi trường, môi nguy, xử lý chất thải, khí thải... thực hiện đúng quy định. Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 luôn được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào. Trong vấn đề bảo vệ môi trường, NT2 chủ trương phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng, các đơn vị liên quan để mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng công tác thực hành tiết kiệm, NT2 đã thực hiện tốt công tác tiết kiệm, tránh gây thất thoát, lãng phí, tạo tài chính lành mạnh cho Công ty và mang đến hiệu quả tốt nhất cho cổ đông.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

6.1 Rủi ro đặc thù

6.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Đối với các công ty nhiệt điện, thì giá nguyên liệu đầu vào từ than, khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp điện năng, Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm trên 60% giá thành sản xuất điện. Tình hình sản xuất kinh doanh của NT2 phụ thuộc vào việc cung cấp khí.

Nguồn cung cấp khí đầu vào:

NT2 đã ký Hợp đồng mua bán khí dài hạn với PVGas (Hợp đồng GSA thời hạn 25 năm) với khối lượng khí được cam kết cung cấp hàng năm gần 784 triệu Sm³ và chính sách giá khí theo phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức được tính toán trên cơ sở bao gồm tất cả các chi phí đầu vào của NT2, đồng thời cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí vào giá bán điện bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Như vậy, khối lượng khí đầu vào của NT2 được PVGas cam kết đảm bảo. PVGas có trách nhiệm tìm kiếm, bổ sung các nguồn khí mới khi các mỏ khí đang khai thác suy giảm. Ngoài các mỏ khí cung cấp cho NT2 hiện nay, trong những năm tới sẽ có thêm các nguồn khí mới từ các mỏ Sao vàng Đại Nguyệt, LNG,...

Với nguồn cung cấp khí ổn định và chính giá khí mới không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó yếu tố rủi ro nguyên liệu đầu vào đối với NT2 là không đáng kể.

6.1.2 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ của Doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

Hiện nay, trong thành phần giá điện của NT2 cũng như các công ty nhiệt điện khí khác, chi phí nhiên liệu khí được quy đổi theo giá khí tính bằng đồng USD và tỷ giá ngày xuất hóa đơn định kỳ hàng tháng theo thông báo của Bên bán khí. Như vậy, theo cơ chế giá khí được chuyển ngang vào

giá điện nên tỷ giá USD thanh toán theo giá khí hàng tháng không ảnh hưởng đến NT2. Đối với thành phần giá điện tính từ khoản vay ngoại tệ để đầu tư nhà máy, hiện nay tất cả các đơn vị phát điện đều chưa được áp dụng thanh toán từng kỳ theo tỷ giá. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Công thương từ năm 2015 các đơn vị phát điện có khoản vay ngoại tệ sẽ được quyết toán khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện hàng năm với EVN.

Tại thời điểm 31/12/2019, số dư khoản vay ngoại tệ của Công ty bằng USD và EUR gần tương đương nhau, do đó biến động tỷ giá EUR/VND sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của NT2 nhưng với diễn biến tỷ giá trái chiều giữa USD/VND và EUR/VND trong những năm vừa qua sẽ giảm thiểu đáng kể yếu tố rủi ro này. Năm 2021, NT2 sẽ thanh toán hết khoản vay nước ngoài. Vì thế, rủi ro về tỷ giá cũng được giảm thiểu.

6.1.3 Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển của ngành trong thời gian gần đây, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công thương, trong đó có quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu có rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao. Tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 đều có giá bán điện cao hơn, mặt khác không phải nhà máy điện nào cũng có tính năng vận hành linh hoạt vượt trội và vị trí "vàng" trong hệ thống điện như NT2, do đó tính cạnh tranh của NT2 vẫn được đảm bảo trong dài hạn.

Khi thị trường bán buôn điện chính thức vận hành, NT2 có thể ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với nhiều khách hàng khác ngoài EVN. Ngoài các khách hàng là các Tổng Công ty điện lực, còn có các khách hàng tiềm năng mua điện trực tiếp như Khu công nghệ cao, SAMSUNG, HYOSUNG (250MW năm 2020), sân bay quốc tế Long Thành, các Khu Công nghiệp hoặc các nhà máy sản xuất tiêu thụ điện lớn....Khi đó, ngoài bán điện trên thị trường giao ngay thông qua EVN như hiện nay (đơn vị phát điện chào bán và Khách hàng chào mua), NT2 có thể chào Hợp đồng bán điện cho các khách hàng lớn khác trên thị trường bán buôn điện nhằm linh hoạt trong việc mua bán điện và gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho NT2.

6.2 Rủi ro kinh tế

Trong năm 2019, kinh tế Việt Nam khởi sắc. Theo đánh giá tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%. Đây là năm thứ 2 liên tiếp kinh tế Việt Nam đạt trên 7%. Song ý nghĩa hơn con số trên, là dù tăng trưởng cao nhưng Việt Nam vẫn duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô với việc giữ được mục tiêu CPI, thâm hụt ngân sách giảm, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện... và đặc biệt các doanh nghiệp tiếp tục tin tưởng vào triển vọng kinh tế Việt Nam. Tổng cục Thống kê đánh giá, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, kết quả tăng trưởng 7,02% khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

Tăng trưởng GDP: Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% năm 2014, tăng 6,68% năm 2015, tăng 6,21% năm 2016, tăng 6,81%



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

năm 2017, năm 2018 là 7,08% và năm 2019 là 7,02%. Mức tăng trưởng GDP năm 2019 của Việt Nam là 02 năm liên tiếp GDP tăng trên trên 7%, điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của NT2.

Lạm phát: Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,10% năm 2014. Năm 2015 mức lạm phát chỉ có 0,6%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Tuy nhiên, năm 2016 mức độ lạm phát tăng lên 1,83% so với năm 2015. Năm 2017 mức lạm phát 3,53%. Mức độ lạm phát năm 2018 là 3,54%. Năm 2019, lạm phát ở mức 2,73%, thấp hơn nhiều so với tăng trưởng. Như vậy lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây khi năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53%.

Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Lãi suất: Bước sang năm 2020, Lãi suất dao động từ 6,8% đến 8,5% và dư nợ hai khoản vay USD và EUR đã giảm nhiều nên rủi ro lãi suất ngoại tệ của NT2 không cao như các năm trước.

6.3 Rủi ro chính sách, luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro mà các nhà đầu tư cần lường trước, tương tự như đối với các mã chứng khoán khác.

6.5 Rủi ro về môi trường

Môi trường luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Các ảnh hưởng về môi trường như khí hậu, nguồn nước, chất thải, dịch bệnh... đều ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Vì vậy, công ty đã bố trí phòng An toàn Sức khỏe Môi trường chuyên môn để phụ trách và đặc biệt quan tâm, hạn chế tối đa rủi ro do môi trường gây ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | TH năm 2018 | KH năm 2019 | TH năm 2019 | Đánh giá | |
|-----|--------------------|---------|-------------|-------------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | | | TH 2019/KH 2019 | TH 2019/TH 2018 |
| 1 | Sản lượng điện | Tr.kWh | 4.750,16 | 4.650 | 4.952,09 | 106,5% | 104,3% |
| 2 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 7.774,0 | 7.482,0 | 7.740,8 | 103,5% | 99,6% |
| 3 | Tổng Chi phí | Tỷ đồng | 6.950,1 | 6.699,5 | 6.943,4 | 103,6% | 99,9% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 782,2 | 743,3 | 754,2 | 101,5% | 96,4% |

Ngày 08/12/2019, đạt 100% kế hoạch sản lượng điện 4.650 Tr.kWh, về đích trước 23 ngày; Sản lượng điện sản xuất năm 2019: 4.952,09 triệu kWh đạt 106,5% so với kế hoạch 2019; Sản lượng điện đạt mốc 40 tỷ kWh vào ngày 13/11/2019 sau 08 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2019 là 40,61 tỷ kWh.

Tổng doanh thu, thu nhập khác năm 2019 vượt 3,5% so với kế hoạch năm 2019. Doanh thu vượt kế hoạch do Công ty gia tăng hiệu quả trong thị trường điện.

Tổng chi phí năm 2019 vượt 3,6% so với kế hoạch năm 2019. Tỷ lệ % tổng chi phí tăng nhưng thấp hơn so với tỷ lệ % sản lượng điện là sự nỗ lực của NT2 áp dụng tối ưu hóa phương pháp cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm, tiết giảm tối đa các chi phí không cấp thiết nên các chi phí quản lý, đào tạo, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở... đều thấp hơn chi phí kế hoạch được phê duyệt nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động SXKD.

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 1,5% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2019. Lý do, cụ thể như sau:

- Qc năm 2019 giảm thấp hơn các năm trước (giảm từ 4,02 tỷ kWh còn 3,79 tỷ kWh).
- Lượng khí cung cấp không đáp ứng đủ nhu cầu vận hành theo Thị trường: Thiếu khí nên trực tiếp làm giảm phần lợi nhuận sản xuất điện ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty. Lượng khí cung cấp trung bình 2,6 triệu sm³/ngày trong khi nhu cầu phát cao là 3,1 triệu sm³/ngày.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Phải vay tiền phục vụ SXKD (330 tỷ) và chịu rủi ro trong trường hợp EVN chậm thanh toán tiền điện theo quy định của Hợp đồng.

Ngoài đạt hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, Công ty đã hoàn thành vượt mức nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (NSNN) trong năm 2019 với giá trị là 304,06 tỷ đồng bằng 115,6% KH 2019 (262,93 tỷ đồng).

Với tình hình khó khăn như trên nhưng Công ty vẫn vượt qua thử thách để hoàn thành vượt kế hoạch năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông giao trong bối cảnh đa số các nhà máy nhiệt điện (than, khí) khác trong cùng hệ thống điện không hoàn thành kế hoạch. Kết quả SXKD năm 2019 đạt được như trên là nhờ Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV NT2 đã nhận định được những khó khăn thách thức từ đầu năm và chỉ đạo, quản lý sát sao công tác vận hành SXKD, cũng như tiết giảm, tiết kiệm tối đa chi phí, đặt mục tiêu hoàn thành kế hoạch theo từng quý cụ thể để tập trung nỗ lực hết mình nhằm hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

1.2 Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường

Công tác vận hành các tổ máy trong năm 2019 đều khả dụng theo thị trường phát điện cạnh tranh và không có sự cố bất thường thiết bị lớn nào xảy ra. Trong dịp lễ tết, ngày phụ tải thấp, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chủ động chào giá ngừng dự phòng theo thị trường điện để đảm bảo tối ưu hiệu quả vận hành và kinh tế.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ luôn được NT2 kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị không xảy ra sự cố chủ quan nghiêm trọng nào.

Xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong năm 2019 là phải hoàn thành công tác tiểu tu Nhà máy được an toàn, hiệu quả, Ban lãnh đạo Công ty đã quan tâm sát sao, chủ động trong quá trình sửa chữa từ nhân sự, vật tư, công tác huấn luyện an toàn... cho đến những công việc phát sinh ngoài kế hoạch. Lãnh đạo Công ty đã theo dõi, chỉ đạo sát sao để đảm bảo công tác tiểu tu thực hiện kịp tiến độ, chất lượng và an toàn. Trong suốt quá trình tiểu tu, NT2 kết hợp với nhà cung cấp thiết bị chính Siemens (Đức), nhà thầu PVPS và các đơn vị liên quan khắc phục các tồn tại, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị sẵn sàng vận hành với độ tin cậy và khả dụng cao.

Sau 09 ngày làm việc tích cực, ngày 19/9/2019, NT2 đã hoàn thành công tác tiểu tu nhà máy và đưa các tổ máy GT11, GT12 vào vận hành, vượt tiến độ hơn 02 ngày so với kế hoạch đã đăng ký với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0). Hiệu suất các tổ máy được cải thiện đáng kể và công suất mỗi tổ máy tăng 2-3MW so với trước khi tiểu tu.

Tình hình cung cấp khí: Lượng khí cung cấp không đáp ứng đủ nhu cầu vận hành, huy động của A0 theo thị trường nên trực tiếp làm giảm phần lợi nhuận sản xuất điện ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty. Lượng khí cung cấp trung bình 2,6 triệu sm³/ngày trong khi nhu cầu phát cao là 3,1 triệu sm³/ngày; do đó, mặc dù giá thị trường, nhu cầu phụ tải cao Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cũng phải giảm công suất phát không theo nguyên tắc thị trường.

||R|| Q L O O ||



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

1.3 Công tác kế hoạch, quản lý chi phí, công tác tiết kiệm

Năm 2019, PVPower NT2 đã thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước, Chính phủ, chỉ thị của PVN/PV Power và được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty nên công tác triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí của NT2 đã đạt kết quả tốt và không để xảy ra các vụ việc vi phạm nào. Kết quả tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong năm 2019: 107,52 tỷ đồng, đạt 156% KH 2019, mang lại hiệu quả rất lớn cho cổ đông Công ty trong bối cảnh hết sức khó khăn của tình hình SXKD năm 2019.

1.4 Công tác thị trường điện

Phụ tải hệ thống điện vẫn tăng trưởng bình quân đều các năm hơn 10% nhưng năm 2019 tình hình tham gia thị trường điện của NMDN Nhơn Trạch 2 đầy những khó khăn và thử thách, cụ thể như sau:

- Bộ Công thương tiếp tục điều chỉnh tỷ lệ điện năng thanh toán theo giá Hợp đồng đối với các Nhà máy nhiệt điện là 80% (giảm 5% tương ứng 116 Tỷ VNĐ so với năm 2018 và 10% tương ứng 323 Tỷ VNĐ so với năm 2017);
- Trung bình giá Công suất thị trường áp dụng cho năm 2019 là 140 đồng/kWh (thấp hơn so với năm 2018 là 75 đồng/kWh);
- Các mỏ khí cung cấp cho các Nhà máy điện bị suy giảm: Tổng lượng khí cung cấp tối đa của khí Đông Nam cho sản xuất điện hiện nay là khoảng 16 triệu Sm³/ngày, trong khi tổng nhu cầu tiêu thụ của các nhà máy điện là hơn 22.6 triệu Sm³/ngày. Do thiếu khí dẫn đến Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã xây dựng phương án vận hành chỉ tính cho từng tháng, phù hợp với nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia và giảm công suất phát liên tục trong khi sản lượng Hợp đồng Qc trong mùa khô được giao rất cao và giá thị trường điện hầu hết các chu kỳ đều đang ở mức giá trần dẫn đến sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận của Nhơn Trạch 2 bị sụt giảm.

Nhận thức được các khó khăn nêu trên, ngay từ đầu năm Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và chỉ đạo sát sao, cụ thể hàng quý Ban lãnh đạo tổ chức hội thảo tổng kết tình hình vận hành theo thị trường điện và lên kế hoạch phương án vận hành cho từng tháng của quý tiếp theo. Trên cơ sở kế hoạch vận hành Quý được Ban lãnh đạo thông qua, Tổ thị trường điện triển khai tính toán và lên phương án chạy theo tháng, ngày và giờ nhằm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.5 Công tác thương mại hợp đồng

Hợp đồng mua bán điện, mua bán khí được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán đúng thời gian quy định.

Hợp đồng mua bán khí: Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc.

Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được thực hiện tốt.

Công tác mua sắm vật tư trang thiết bị đúng theo quy định và quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí góp phần hoàn thành vượt tiến độ công tác tiêu tu nhà máy hơn 2 ngày.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

1.6 Công tác tài chính:

Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Trả nợ vay nước ngoài năm 2019 là: 25.030.795,71 USD và 22.174.780,09 EUR tương ứng 1.172.242.453.734 VNĐ.

(Đợt 01 là 12.449.462,46 USD, 11.143.756,77 EUR, tương ứng 580.424.196.209 VNĐ và đợt 02 là 12.581.333,25 USD, 11.031.023,32 EUR, tương ứng 591.818.257.525 VNĐ).

Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.

Trong năm 2019, NT2 đã trả cổ tức còn lại năm 2018 là 259,09 tỷ đồng (tương ứng 9%) và trong Quý I/2020, NT2 đã tạm ứng cổ tức năm 2019 là 287,88 tỷ đồng (tương đương 10%).

1.7 Công tác quan hệ nhà đầu tư

Năm 2019, NT2 luôn thực hiện tốt các công tác liên quan đến hoạt động IR, xây dựng thương hiệu NT2 thành thương hiệu mạnh trên thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư; Tổ chức thành công các sự kiện: Đại hội cổ đông thường niên, gặp gỡ nhà đầu tư...; thực hiện tốt công tác CBTT theo quy định của thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền cổ đông; Website Công ty cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời thông tin hoạt động SXKD của Công ty; xây dựng mối quan hệ nhà đầu tư và các đối tác liên quan; phản hồi thông tin nhanh chóng đến nhà đầu tư và các đối tác liên quan, thực hiện xử lý thông tin một cách kịp thời; Quảng cáo tiếp thị thu hút nhà đầu tư tiềm năng, quảng bá, nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường chứng khoán đưa mã NT2 trở thành cổ phiếu tin cậy, có giá trị tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nhìn chung hoạt động IR trong năm nay đã nâng tầm thêm một bước. Là sự kết hợp đồng bộ mang tính chiến lược giữa công tác tài chính, truyền thông và marketing trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật tạo nên mối quan hệ hai chiều hiệu quả giữa Công ty, cộng đồng tài chính và các bên có quyền lợi liên quan. Qua đó nâng cao truyền tải giá trị Công ty đến với các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng; hỗ trợ công tác phát hành cổ phiếu, huy động vốn thành công, giảm chi phí sử dụng vốn. Hiện nay, các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước rất quan tâm đến việc trở thành cổ đông chiến lược, góp vốn đầu tư dài hạn vào những dự án trong tương lai của NT2.

1.8 Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy

Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đến nay luôn đảm bảo và không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và hình ảnh Công ty NT2 được ghi nhận với số điểm an toàn gần như tuyệt đối (98,5/100 điểm).

Hoàn thành tốt các công tác kiểm tra, sát hạch, diễn tập, huấn luyện... nhằm đảm bảo tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT).

Tham gia Hội thao ATVSLĐ – PCCN lần thứ XI và Hội nghị ATSKMT lần X của PV Power tổ chức vào tháng 05/2019 tại Cà Mau.

Tổ chức diễn tập PCCC cứu hộ cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu có sự phối hợp nhiều lực lượng; Tổ chức tuyên truyền về ngày Môi trường Thế giới 05/06/2019.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Định kỳ thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy (PCCC) trong Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

1.9 Công tác an sinh xã hội

Thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...

Tặng quà cho các hộ nghèo đón Tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 của 4 xã: Phước Khánh, Phước An, Vĩnh Thanh và Long Thọ.

Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội năm 2019 với giá trị là 1,1 tỷ đồng và tiếp tục thực hiện các chương trình an sinh xã hội tại các địa phương khó khăn trên cả nước.

1.10 Các giải thưởng tiêu biểu:

Năm 2019 là năm có nhiều khó khăn, bất lợi đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD và gây khó khăn cho việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của Công ty. Tuy nhiên cùng với sự Lãnh đạo sáng suốt, đồng lòng của Đảng ủy và Lãnh đạo cấp trên, toàn thể CBCNV Công ty với tinh thần đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Năm 2019 NT2 vinh dự đón nhận các giải thưởng cao quý như: Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2019; Top VNR500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2019; Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận lớn nhất Việt Nam; Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất 2019; Thương hiệu dẫn đầu năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

2.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị

| Tên | Chức vụ |
|----------------------|------------------------------|
| Ông Ưông Ngọc Hải | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Ngô Đức Nhân | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Ông Trần Quang Thiên | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên Hội đồng quản trị |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

2.1.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị

| | |
|---|---|
| 1. Ông Uông Ngọc Hải | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ngày tháng năm sinh | : 28/10/1972 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư cầu đường, Thạc sỹ QTKD |
| Sở hữu cổ phần | : 68.412.850 cổ phần, chiếm 23,765% vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power | : 68.370.680 cổ phần, chiếm 23,750% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 42.170 cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ |
| Quá trình công tác | |
| - Từ tháng 05/1993 – 06/1996 | : Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật, Công ty chế biến lương thực Colusa, Tổng Công ty lương thực Tp.Hồ Chí Minh. |
| - Từ tháng 06/1996 – 10/2007 | : Kỹ sư Phòng cơ nhiệt, Phó Trưởng Phòng thiết kế nhiệt điện, Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ, Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). |
| - Từ tháng 11/2007 – 08/2008 | : Chuyên viên, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương. |
| - Từ tháng 08/2008 – 07/2011 | : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 |
| - Từ tháng 08/2011 – 11/2015 | : Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch |
| - Từ tháng 11/2015 đến nay | : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. |
| 2. Ông Ngô Đức Nhân | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc |
| Ngày tháng năm sinh | : 05/10/1966 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế |
| Sở hữu cổ phần | : 45.631.904 cổ phần, chiếm 15,85% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | : 45.580.200 cổ phần, chiếm 15,83% vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 51.704 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ. |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Quá trình công tác

- Từ năm 1991 - 1993 : Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp.
- Từ năm 1993 - 1996 : Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng Bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp.
- Từ năm 1996 – 2000 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 2001 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí- Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2001 - 2004 : Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2004 - 2006 : Phó phòng Chuẩn bị Sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2006 - 2007 : Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí -Điện - Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị Sản xuất - Đào tạo.
- Từ năm 2007 - 2010 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2010 đến 04/2018 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ 04/2018 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Nguyễn Công Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kinh tế đối ngoại.

Sở hữu cổ phần

: 28.487.600 cổ phần, chiếm 9.90% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 28.487.600 cổ phần, chiếm 9.90% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- 5/2005 – 5/2007 : Chuyên viên phòng Thương mại – Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí, nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS).



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- 10/2007 – 4/2009 : Phó Ban Thương mại Thẩm định thầu – Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS).
- 4/2009 – 8/2011 : Trưởng phòng Thương mại – Công ty Nhập khẩu và Phân phối than Dầu khí (PV Coal).
- 8/2011 – 3/2013 : Phó Giám đốc – PV Coal.
- 5/2013 – 12/2015 : Phó Ban Nhập khẩu và Phát triển thị trường khí – PV GAS.
- 1/2016 – 8/2016 : Phó Ban Thương mại – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PV Power).
- 9/2016 – 4/2019 : Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch – PV Power.
- 5/2019 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

4. Ông Trần Quang Thiên

Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh : 15/01/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ – Kỹ nghệ công nghiệp và Quản lý, kỹ sư Kỹ thuật Công nghiệp
- Sở hữu cổ phần : 28.487.614 cổ phần, chiếm 9,90% vốn điều lệ.**
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 28.487.600 cổ phần, chiếm 9,90% vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 14 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ năm 1996 - 1998 : Chuyên viên Ban Quản lý các dự án Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa.
- Từ năm 1998 - 2002 : Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ năm 2002 - 2003 : Tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á.
- Từ năm 2004 -07/2007 : Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ tháng 08/2007 - 06/2009 : Quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 07/2009 – 11/2010 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 11/2010 - 04/2018 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2018 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

5. Ông Lương Ngọc Anh Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh : 09/02/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Sở hữu cổ phần : **23.820.625 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ**

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ : 23.796.115 cổ phần, chiếm 8,27% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 24.510 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ năm 1982 – 1994 : Cán bộ Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên.
- Từ năm 1994 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 06/2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.2 Ban điều hành

2.2.1 Thành viên Ban Điều hành

| Tên | Chức vụ |
|----------------------|----------------|
| Ông Ngô Đức Nhân | Giám đốc |
| Ông Trần Quang Mẫn | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hải | Phó Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Giám đốc |
| Ông Trịnh Việt Thắng | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Việt An | Kế toán trưởng |

2.2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành

1. Ông Ngô Đức Nhân Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 05/10/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIÊN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | |
|--------------------------------------|---|
| Sở hữu cổ phần | : 45.631.904 cổ phần, chiếm 15,85% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | 45.580.200 cổ phần, chiếm 15,83% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 51.704 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ |
| Quá trình công tác | |
| - Từ năm 1991 - 1993 | : Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp. |
| - Từ năm 1993 - 1996 | : Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng Bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp. |
| - Từ năm 1996 – 2000 | : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam. |
| - Từ năm 2000 - 2001 | : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau. |
| - Từ năm 2001 - 2004 | : Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau. |
| - Từ năm 2004 - 2006 | : Phó phòng Chuẩn bị Sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau. |
| - Từ năm 2006 - 2007 | : Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị Sản xuất - Đào tạo. |
| - Từ năm 2007 - 2010 | : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. |
| - Từ năm 2010 đến 04/2018 | : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. |
| - Từ tháng 04/2018 đến nay | : Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. |

2. Ông Trần Quang Mẫn **Phó Giám đốc**

| | |
|---------------------|-----------------------|
| Ngày tháng năm sinh | : 06/02/1972 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư hệ thống Điện |

| | |
|--------------------------------------|--|
| Sở hữu cổ phần | : 09 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 09 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |

11-11-2019 14:30:00



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Quá trình công tác

- Từ năm 1993 - 1998 : Kỹ sư điện Phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế điện 2 (Nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC 2).
- Từ năm 1998 - 1999 : Tổ Trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện – PECC2.
- Từ năm 1999 - 2002 : Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ – PECC2.
- Từ năm 2002 - 2007 : Phó Ban Tư vấn Nhiệt Điện 3 – PECC2.
- Từ năm 2007 - 2011 : Trưởng Phòng Dự án Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2011 đến nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Nguyễn Ngọc Hải

Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 19/12/1977

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Sở hữu cổ phần : 14 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 14 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2002 - 2005 : Kỹ sư, chuyên viên Công ty Kinh doanh Công trình giao thông 565
- Từ năm 2005 - 2006 : Chuyên viên Phòng Dự án – Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2007 – tháng 03/2010 : Phó Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 03/2010 – 11/2011 : Trưởng Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 11/2011 – 11/2013 : Trưởng Phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 11/2013 đến nay : Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | |
|--------------------------------------|---|
| 4. Ông Trịnh Việt Thắng | Phó Giám đốc |
| Ngày tháng năm sinh | : 11/05/1975 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Cử nhân Tài chính – Tín dụng, Thạc sĩ QLDA Quốc tế |
| Sở hữu cổ phần | : 06 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 06 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| Quá trình công tác | |
| - Từ tháng 02/1998 - 12/1998 | : Chuyên viên Thanh tra Bộ Tài chính. |
| - Từ tháng 12/1998 - 06/2001 | : Chuyên viên Công ty Thương Mại Dầu khí. |
| - Từ năm 2001 - 2003 | : Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu. |
| - Từ năm 2004 – tháng 04/2006 | : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu. |
| - Từ tháng 04/2006 – 06/2006 | : Phó Ban Quản lý Dự án Trung tâm thể thao thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu. |
| - Từ tháng 06/2006 – 05/2007 | : Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Ban Quản lý Dự án Điện Nhon Trạch. |
| - Từ tháng 05/2007 – 08/2007 | : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch. |
| - Từ tháng 08/2007 – 08/2008 | : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch. |
| - Từ tháng 08/2008 – 09/2009 | : Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch. |
| - Từ tháng 09/2009 – 11/2015 | : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhon Trạch. |
| - Từ tháng 11/2015 đến nay | : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhon Trạch 2. |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Giám đốc |
| Ngày tháng năm sinh | : 06/03/1979 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Cử nhân Ngoại thương, Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng |
| Sở hữu cổ phần | : 07 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 07 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Quá trình công tác

- Từ tháng 03/2001 – 12/2001 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Golden Friends.
- Từ tháng 01/2002 – 08/2002 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Ô tô Phương Khanh.
- Từ tháng 09/2002 – 11/2006 : Chuyên viên Lao động tiền lương – Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TPHCM.
- Từ tháng 12/2006 – 08/2007 : Phó phòng Hành chính – Tổ chức – Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 09/2007 – 11/2009 : Trưởng Phòng Hành chính – Tổ chức – Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 12/2009 – 04/2017 : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2017 – 04/2019 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 05/2019 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

6. Ông Lê Việt An

Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 27/06/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.**
 - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 02/2006 – 07/2007 : Chuyên viên tư vấn ứng dụng tại Công ty Cổ phần phần mềm Quản lý doanh nghiệp FAST.
- Từ tháng 08/2007 - 07/2009 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 8/2009 – 04/2017 : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2017– 12/2017 : Phụ trách Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 12/2017 đến nay : Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

3.1 Ban Kiểm soát

3.1.1 Thành viên Ban kiểm soát

| Tên | Chức vụ |
|---------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Minh | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Văn Kỳ | Kiểm soát viên |
| Ông Trần Quốc Hùng | Kiểm soát viên |

3.1.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát

| | |
|--------------------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Minh | Ban kiểm soát |
| Ngày tháng năm sinh | : 13/07/1971 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Trình độ chuyên môn | : Cử nhân Kinh tế |
| Sở hữu cổ phần | : 52.844 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần đại diện phần vốn | : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ |
| - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân | : 52.844 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ |
| Quá trình công tác | |
| - Từ tháng 09/1993 – 05/1994 | : Nhân viên kế toán Công ty Chế biến Nông sản Xuất khẩu Thanh Hóa. |
| - Từ tháng 06/1994 – 09/1997 | : Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh Hóa. |
| - Từ tháng 02/1998 – 10/1999 | : Kế toán Ban Điều hành dự án Kiến thiết cơ bản mở Nhà máy xi măng Nghi Sơn. |
| - Từ tháng 10/1999 – 01/2001 | : Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xây dựng kỹ thuật hạ tầng - Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng. |
| - Từ tháng 01/2001 – 04/2001 | : Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1. |
| - Từ tháng 05/2001 – 10/2007 | : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1. |
| - Từ tháng 10/2007 – 11/2007 | : Nhân viên Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch |
| - Từ tháng 12/2007 – 01/2008 | : Phó Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch. |
| - Từ tháng 01/2008 – 04/2009 | : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tư vấn |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THẦN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 04/2009 – 06/2010 : Kế toán trưởng - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
 - Từ tháng 07/2010 – 04/2017 : Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
 - Từ tháng 04/2017 đến nay : Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Ông Nguyễn Văn Kỳ

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Sở hữu cổ phần** : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2003 đến nay : Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 04/2015 đến nay : Kiểm soát viên Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Trần Quốc Hùng

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
- Sở hữu cổ phần** : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1997 – 12/1997 : Chuyên viên Kế toán chuyên quản công ty địa phương - Chi nhánh Bảo hiểm Nhân thọ Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ (Bảo Việt).
- Từ tháng 01/1998 – 08/2001 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán chuyên quản - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

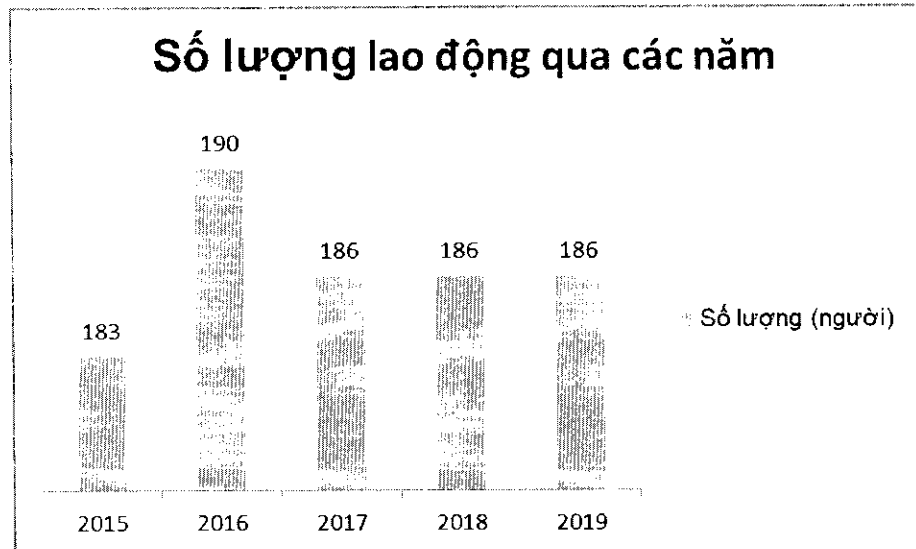
- Từ tháng 09/2001 – 09/2003 : Chuyên viên Phát triển và Quản lý đại lý – Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 10/2003 – 02/2004 : Phó Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 15 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 03/2004 – 06/2005 : Phụ trách Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 19 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 07/2005 – 01/2010 : Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 07 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 02/2010- 12/2010 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán quản trị, Kế toán hồ sơ thanh toán điện, khí - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 01/2011 đến nay : Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 04/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3.2 Sự thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát trong năm 2019

| Họ và Tên | Chức vụ | Thời gian làm việc | Lý do thay đổi |
|----------------------|-----------------|-----------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên HĐQT | 01/01/2018-24/04/2019 | Không còn tham gia TV.HĐQT theo NQ số 07/NQ-CPNT2 ngày 24/04/2019. |
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên HĐQT | 24/04/2019-31/12/2019 | Tham gia TV.HĐQT theo NQ số 07/NQ-CPNT2 ngày 24/04/2019 |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Giám đốc | 24/04/2019-31/12/2019 | Tham gia Ban Điều hành theo QĐ số 16/QĐ-CPNT2 ngày 24/04/2019 |

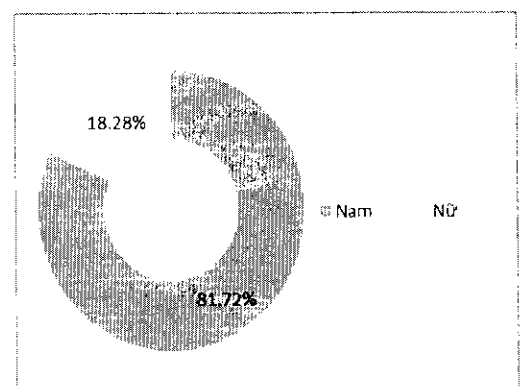
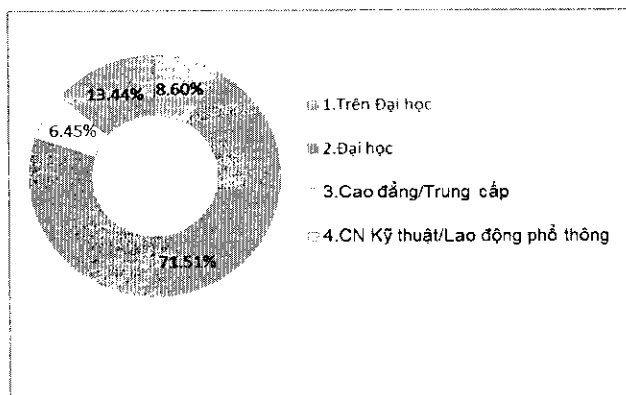
3.3 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

❖ **Số lượng lao động:**



| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|------------------|------|------|------|------|------|
| Số lượng (người) | 183 | 190 | 186 | 186 | 186 |

❖ **Cơ cấu lao động:**





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ trọng |
|--|------------|-------------|
| I. Phân theo trình độ | 186 | 100% |
| 1. Trên Đại học | 16 | 8,60% |
| 2. Đại học | 133 | 71,51% |
| 3. Cao đẳng/Trung cấp | 12 | 6,45% |
| 4. Công nhân Kỹ thuật/Lao động phổ thông | 25 | 13,44% |
| II. Phân theo giới tính | 186 | 100% |
| 1. Nam | 152 | 81,72% |
| 2. Nữ | 34 | 18,27% |

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

Hiện tại, NT2 chưa đầu tư các dự án lớn, tuy nhiên để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và góp phần phát triển bền vững, Công ty đang xem xét thực hiện các giải pháp sau đây:

- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình quy định.
- Nghiên cứu sử dụng các nguồn cung cấp khí bổ sung, đảm bảo hoạt động ổn định nhà máy.
- Phối hợp với các nhà máy thuộc Trung tâm điện lực Nhơn Trạch để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển theo hướng gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Nghiên cứu nâng công suất nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ máy; giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.
- Phát triển năng lượng tái tạo để góp phần bảo vệ môi trường và hiệu quả trong việc sử dụng điện tự dùng.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | TH năm 2018 | TH năm 2019 | % so với năm trước |
|-----|-----------------------------------|---------|-------------|-------------|--------------------|
| 1 | Tổng giá trị Tài sản | Tỷ đồng | 8.852,2 | 7.564,1 | 85,4% |
| 2 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 7.774,0 | 7.740,8 | 99,6% |
| 3 | Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 7.669,7 | 7.653,7 | 99,8% |
| 4 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 794,7 | 767,2 | 96,5% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 823,8 | 797,4 | 96,8% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 782,2 | 754,2 | 96,4% |

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 | Tăng/giảm |
|------------|------------------------------------|------|----------|----------|-----------|
| I | Khả năng thanh toán | | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 0,80 | 0,82 | 0,02 |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | lần | 0,72 | 0,72 | 0,00 |
| II | Cơ cấu nguồn vốn | | | | |
| 1 | Hệ số Nợ/Tổng Tài sản | % | 58,4 | 45,4 | (13,0) |
| 2 | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 140,3 | 83,3 | (57,0) |
| III | Năng lực hoạt động | | | | |
| 1 | Vòng quay Hàng tồn kho | vòng | 25,6 | 23,7 | (1,9) |
| 2 | Vòng quay Tổng Tài sản | vòng | 0,8 | 0,93 | 0,13 |
| IV | Khả năng sinh lời | | | | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 10,2 | 9,9 | (0,3) |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 21,2 | 19,3 | (1,9) |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản | % | 8,8 | 9,2 | 0,4 |
| 4 | Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 10,4 | 10,0 | (0,4) |

Để nâng cao các chỉ tiêu trong năm 2019, Công ty sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp sau: (i) nâng cao sự chuyên nghiệp và nhạy bén trong công tác quản lý vận hành và công tác thị trường điện, thực hiện chiến lược chào giá hợp lý, (ii) tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

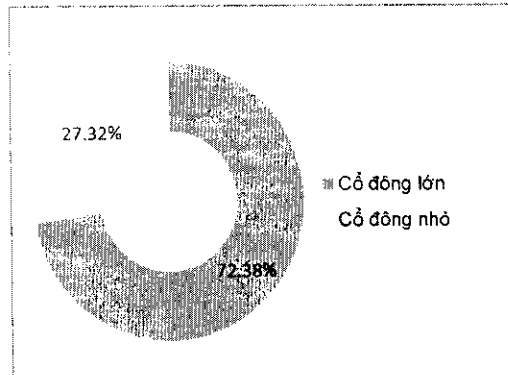
6.1 Cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 287.876.029 cp.
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 287.876.029 cp.
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cp

6.2 Cơ cấu cổ đông

6.2.1 Theo tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

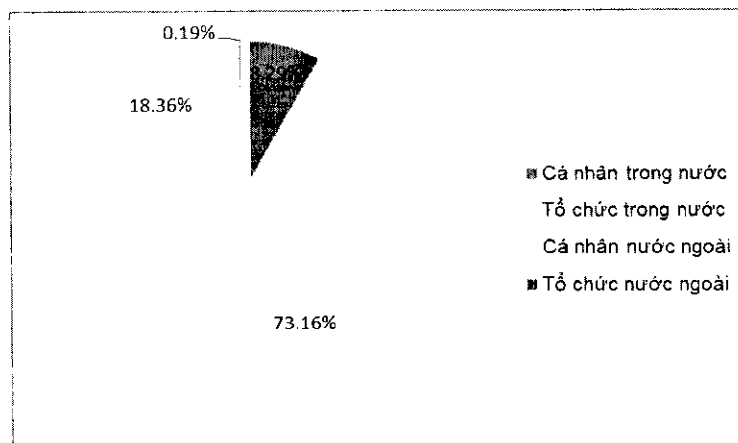


Nguồn: DSCĐ tại ngày 10/01/2020

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng CP | Tỷ lệ |
|------------------|------------------|--------------------|----------------|
| Cổ đông lớn | 3 | 209.228.035 | 72,68% |
| Cổ đông nhỏ | 3.615 | 78.647.994 | 27,32% |
| Tổng cộng | 3.618 | 287.876.029 | 100,00% |

6.2.2 Theo loại hình cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình



Nguồn: DSCĐ tại ngày 10/01/2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ |
|---------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------|
| Cổ đông trong nước | 3.441 | 234.472.667 | 81.45% |
| Tổ chức | 45 | 210.598.393 | 73.16% |
| Cá nhân | 3.396 | 23.874.274 | 8.29% |
| Cổ đông nước ngoài | 177 | 53.403.362 | 18.55% |
| Tổ chức | 79 | 52.855.730 | 18.36% |
| Cá nhân | 98 | 547.632 | 0.19% |
| Tổng cộng | 3.618 | 287.876.029 | 100,00% |

6.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2019: Không phát sinh

6.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

6.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

III. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên liệu

1.1 Sử dụng nguồn nguyên liệu

Mỗi đơn vị sản xuất đều ảnh hưởng phần nào đó đến môi trường và xã hội; Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) cũng không ngoại lệ. Việc quản lý, sử dụng nguồn nguyên vật liệu đặc biệt đối với các công ty sản xuất và kinh doanh điện năng như NT2 có tác động liên quan đến môi trường.

NT2 là chủ sở hữu quản lý vận hành và khai thác Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2. NT2 sử dụng nguồn nguyên liệu chính là khí thiên nhiên hay còn gọi Gas được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Ngoài ra, NT2 sử dụng thêm nguồn nguyên liệu dự phòng dầu DO.

NT2 được đánh giá là nhà máy “thân thiện”, với công nghệ Tuabin khí Chu trình hỗn hợp không gây nhiều tiếng ồn, sử dụng khí thiên nhiên đảm bảo sạch hơn so với các nhiên liệu khác. Với đặc thù ngành điện, nếu thủy điện tàn phá rừng, môi trường sinh thái, sử dụng sức nước để sản xuất gây ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng. Điện than gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nguồn nước tẩy rửa, ảnh hưởng môi trường đất. Đặc biệt, điện than cần lượng lớn người lao động, môi trường độc hại, ảnh hưởng sức khỏe. Theo xu thế, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải nhà kính, các nước ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và điện khí, hạn chế điện than. Theo đánh giá, nếu năm 2012 sử dụng điện than chiếm 40% thì xu thế đến năm 2040 sẽ giảm xuống 29%, trong khi đó, điện năng lượng tái tạo tăng từ 22% đến 29%, điện khí như NT2 sẽ tăng từ 22% lên 28% (nguồn: www.eia.gov).

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chỉ sử dụng dầu DO là nhiên liệu dự phòng, nhiên liệu chính là khí tự nhiên là nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, sản phẩm điện đặc thù được phát lên lưới điện quốc gia, không tồn kho nên không tốn nguyên vật liệu để lưu trữ như các ngành tiêu dùng, được phẩm, ... góp phần bảo vệ môi trường chung.

1.2 Tái chế nguồn nguyên liệu

Do nguồn nguyên liệu của NT2 là nguyên liệu đặc thù khí tự nhiên; khí tự nhiên được dẫn theo đường ống vào và sản xuất ra điện năng, nguồn khí vào được đốt sản sinh ra điện. Khí tự nhiên không được tồn trữ, lưu trữ nên không tái chế khí tự nhiên.

2. Tiêu thụ năng lượng

2.1 Nhiên liệu khí và dầu DO

Nhiên liệu chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng là khí thiên nhiên được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Để bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững thì ngày nay các nước đang tập trung phát triển điện khí và nguồn điện từ năng lượng tái tạo: Điện gió, điện mặt trời. Đó là một xu thế chung để phát triển bền vững bởi trong quá trình sản xuất điện năng, thủy điện làm tàn phá tài nguyên rừng, điện than ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong môi trường độc hại, khói bụi. Điện khí ngày càng được ưu tiên. Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu khí ngày càng khan hiếm, tài nguyên dần cạn kiệt; vì vậy, chúng ta cần khai thác và sử dụng nhiên liệu khí hợp lý, đồng thời tăng cường tìm kiếm nguồn

nguyên liệu mới thay thế.

Sản lượng khí năm 2019 NT2 sử dụng là 927,12 triệu Sm³ khí, tăng 8,4% lượng khí tiêu thụ năm 2018 là 879,7 Sm³ khí. Nếu thiếu khí NT2 sẽ sử dụng thêm lượng dầu DO dự phòng sử dụng khi nguồn khí dừng cung cấp. Lượng dầu DO sử dụng trong năm 2019 là 926,934 tấn, do thiếu khí nên lượng dầu DO năm 2019 gia tăng. (Năm 2018: 38 tấn).

❖ **Tiết kiệm nhiên liệu khí:**

| Tháng/ Năm 2019 | Đơn vị | Tiết kiệm |
|--------------------|--------|-----------|
| Tháng 01 | Tr.BTU | 52.094 |
| Tháng 02 | | 42.020 |
| Tháng 3 | | 43.233 |
| Tháng 4 | | 41.497 |
| Tháng 5 | | 37.542 |
| Tháng 6 | | 31.288 |
| Tháng 7 | | 57.127 |
| Tháng 8 | | 56.085 |
| Tháng 9 | | 43.627 |
| Tháng 10 | | 54.288 |
| Tháng 11 | | 52.003 |
| Tháng 12 | | 45.101 |
| Tổng cộng | | 555.905 |

❖ **Tiết kiệm nhiên liệu dầu DO**

| Tháng/ Năm 2019 | Định mức hao hụt (lít 15oC) | Hao hụt trong kỳ (lít 15oC) | Tiết kiệm (lít 15oC) |
|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| Tháng 01 | 278 | 271 | 07 |
| Tháng 02 | 278 | 263 | 15 |
| Tháng 03 | 278 | 264 | 14 |
| Tháng 04 | 278 | 259 | 19 |
| Tháng 05 | 278 | 254 | 24 |
| Tháng 06 | 278 | 128 | 150 |
| Tháng 07 | 278 | 229 | 49 |
| Tháng 08 | 278 | 136 | 142 |
| Tháng 09 | 278 | 227 | 51 |
| Tháng 10 | 277 | 163 | 114 |
| Tháng 11 | 183 | 178 | 6 |
| Tháng 12 | 504 | 490 | 14 |
| Tổng cộng | 3466 | 2862 | 605 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

2.2 Điện sử dụng

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) tập trung làm việc tại tòa nhà hành chính và khu vực vận hành, chỉ có 186 cán bộ công nhân viên – người lao động và là đơn vị sản xuất điện nên lượng điện sử dụng không nhiều. NT2 thuộc Top 10 doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2019. Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

NT2 sử dụng điện chiếu sáng cho các khu vực: Nhà bảo vệ, khu vực hành chính, căn tin, phòng điều khiển trung tâm, các gian máy GT5, GT6, ST4, lò thu hồi nhiệt, trạm bơm dầu, nhà kho, đèn chiếu an ninh, đường nội bộ, nhà xe bảo vệ.

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Văn phòng làm việc tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng đèn cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Chủ yếu Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện năng, công ty đang xem xét giải pháp thay thế nhiều đèn Led bởi hệ thống đèn Led giúp tiết kiệm điện năng lên đến 50%.

Do đặc thù sản xuất và kinh doanh điện năng nên nguồn điện mua ngoài rất ít. Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã tận dụng nguồn điện do Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sản xuất được để vận hành một số thiết bị của Nhà máy và điện sinh hoạt cho Công ty, tiết kiệm được nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đồng thời, hệ thống đèn chiếu sáng của NT2 hướng tới sử dụng thiết bị đèn led thay thế đèn huỳnh quang, tiết kiệm điện năng. Các tổ máy vận hành nhiên liệu khí được tối ưu hóa khi sử dụng điện.

Điện tự dùng tiết kiệm của NT2 như sau: năm 2018: 2.474.523 kWh, năm 2019: 5.764.819 kWh.

❖ Tiết kiệm Điện tự dùng:

❖ Tiết kiệm Điện tự dùng:

| Tháng/ Năm 2019 | Đơn vị | Tiết kiệm |
|--------------------|--------|-----------|
| Tháng 01 | kWh | 1.223.235 |
| Tháng 02 | | 807.619 |
| Tháng 03 | | 384.072 |
| Tháng 04 | | 321.511 |
| Tháng 05 | | 443.302 |
| Tháng 06 | | 324.847 |
| Tháng 07 | | 378.703 |
| Tháng 08 | | 347.333 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | |
|------------------|-----|------------------|
| Tháng 09 | kWh | 194.466 |
| Tháng 10 | | 464.271 |
| Tháng 11 | | 421.753 |
| Tháng 12 | | 453.707 |
| Tổng cộng | | 5.764.819 |

Như vậy, năm 2019 lượng điện tự dùng của NT2 tiết kiệm được 5.764.819 kWh kWh góp phần giảm chi phí cho Công ty, đồng thời tiết kiệm năng lượng, nâng cao công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

2.3 Khí thải

2.3.1 Khí thải từ các phương tiện

❖ Tác động:

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu tại cảng nhập dầu và vận chuyển nội bộ trong nhà máy. Các phương tiện vận tải với nhiên liệu tiêu thụ chủ yếu là xăng và dầu diesel thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm không khí. Thành phần chủ yếu là COx, NOx, SOx, cacbua hydro, aldehyd và bụi. Nguồn ô nhiễm này phân bố rải rác và không đáng kể vì NT2 hạn chế chạy nhiên liệu dầu DO để bảo vệ môi trường.

❖ Biện pháp:

Do số lượng phương tiện vận chuyển của Nhà máy không nhiều, khí thải từ phương tiện vận chuyển là nguồn thải phân tán, không đều đặn. NT2 đề ra các biện pháp giảm thiểu khí thải đã được nhà máy thực hiện như sau:

- Trang bị phương tiện vận chuyển mới, sử dụng nhiên liệu ít ô nhiễm và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao;
- Quy hoạch thời gian làm việc, tránh tập trung cùng lúc nhiều phương tiện vận chuyển gây tắc nghẽn giao thông, gây ô nhiễm không khí;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc, tránh thất thoát nhiên liệu, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt;
- Bổ sung thêm các chậu cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên công ty để góp phần điều hòa không khí được tốt hơn.

2.3.2 Khí thải từ các tuabin

❖ Tác động:

Nhà máy hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NOx, CO, bụi và một lượng nhỏ SOx, do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường. Dầu DO là nguồn nhiên liệu dự phòng trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn. Dầu DO được dự trữ trong bồn chứa 8.000 m³. Tuy nhiên trường hợp này rất ít khi xảy ra. Các khí phát sinh từ hoạt động đốt dầu DO chủ yếu là NOx, SOx, CO và bụi.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

❖ Biện pháp:

Hoạt động của các tua bin khí thải thường xuyên ra môi trường một lượng NO_x, CO₂ và CO qua các ống khói. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ các tua bin khí được áp dụng như sau:

- Sử dụng các tua bin khí có công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và làm giảm lượng khí thải tính trên mức khí tiêu thụ;
- Xử lý khí thải nhằm giảm lượng SO_x thải ra môi trường trong trường hợp đốt dầu DO;
- Thường xuyên giám sát quá trình vận hành để đảm bảo các tua bin hoạt động đúng theo thiết kế của nhà sản xuất;
- Tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của nhà sản xuất;
- Theo thiết kế của nhà sản xuất, tuabin khí được lắp đặt 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Hàm lượng khí phát thải như NO_x, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009. Ngoài ra, nhà máy còn được thiết kế lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m nên các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NO_x và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009 và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2009. Bên cạnh đó, nhà máy còn lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói để theo dõi, giám sát các thành phần khí thải để kịp thời xử lý, đảm bảo lượng khí thải phát ra phù hợp với quy định QCVN:2009.
- Đồng thời, trong năm 2019 NT2 đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải làm mát theo quy định.

2.3.3 Tổng lượng khí thải:

Tổng lượng khí thải năm 2019 là 53.570.560.680 m³, tăng 2% so với tổng lượng khí thải năm 2018 là 52.391.455.740 m³, hệ thống được giám sát chặt chẽ.

3. Tiêu thụ nước

3.1 Nguồn nước cung cấp

Theo thống kê, Việt Nam chủ yếu trước năm 2015 là thủy điện, tiếp đến là điện than, tiêu thụ rất nhiều nước. Hầu hết tất cả các hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu thụ và tiêu hủy sau vòng đời của các nhà máy điện đều có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước hoặc gây ô nhiễm nguồn nước.

Nếu như mỗi giai đoạn trong vòng đời của than từ khai thác – xử lý – vận chuyển – đốt than sản xuất điện ở nhà máy điện than đều có tác động tiêu cực tới nguồn nước thì ngược lại điện khí như nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lại có những ưu điểm nổi bật trong việc bảo vệ môi trường nước.

NT2 được Bộ tài nguyên môi trường cấp giấy phép số 2564/GP-BTNMT ngày 14/11/2014 về việc cục thẩm định đã thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước mặt.

Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải sinh hoạt, nước làm mát và nước thải công nghiệp... Việc quan trắc được tiến hành thường xuyên, tần suất và vị trí quan trắc tuân thủ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

theo đúng yêu cầu đã được phê duyệt.

Nguồn nước làm mát chính được cung cấp từ sông Đồng Tranh nằm bên cạnh NT2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng nước nguồn nước này làm mát và vận hành nhà máy. Tổng lượng nước sử dụng nước làm mát năm 2019 là 361.743.750 m³.

Nước sử dụng cho NT2 là nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty cấp nước Đồng Nai. Nước dùng để sinh hoạt và nước khử khoáng phục vụ cho sản xuất điện. Lượng nước sinh hoạt tiêu thụ năm 2019 của NT2 là 82.680 m³.

3.2 Lượng nước tái chế và sử dụng

Do đặc thù sản xuất điện, NT2 chủ yếu chỉ sử dụng nước để làm mát, không tái chế và tái sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

3.3 Biện pháp tiết kiệm nước

Nguồn nước sạch ngày càng bị thu hẹp do ô nhiễm, xả thải... Nhận thức được điều đó, NT2 đưa biện pháp tiết kiệm nước không chỉ trong sản xuất điện mà cả sinh hoạt hằng ngày. NT2 áp dụng hệ thống quản lý chất lượng OHSAS 18000 và ISO 14000 trong kiểm soát môi trường, trong đó chú trọng kiểm soát nguồn nước.

Để tiết kiệm và tránh lãng phí nước, NT2 kiểm tra đường ống thường xuyên tránh thất thoát nước, lắp đặt đồng hồ nước có kiểm định, theo dõi thống kê hàng tháng, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước. NT2 thường xuyên kiểm tra các đường ống xem có bị rò rỉ hay không, tiến hành kiểm tra số nước trên công tơ trước và sau 2 giờ không sử dụng nước. Nếu phát hiện bị rò rỉ sẽ sửa chữa ngay để tránh thất thoát nước.

Ngoài ra, NT2 hằng năm lập kế hoạch, định mức nước sử dụng cho nhà máy và nước sinh hoạt.

3.4 Xử lý nước thải

Tất cả nước thải từ nhà máy được xử lý theo tiêu chuẩn TCVN trước khi thải ra môi trường. Nguồn nước thải trong khu vực nhà máy bao gồm: nước thải nhiễm nhiệt, nước thải nhiễm dầu, hóa chất, nước thải sinh hoạt... Hệ thống xử lý nước thải thu gom nước đã xử lý từ các trạm xử lý nước thải để xử lý đạt chuẩn thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

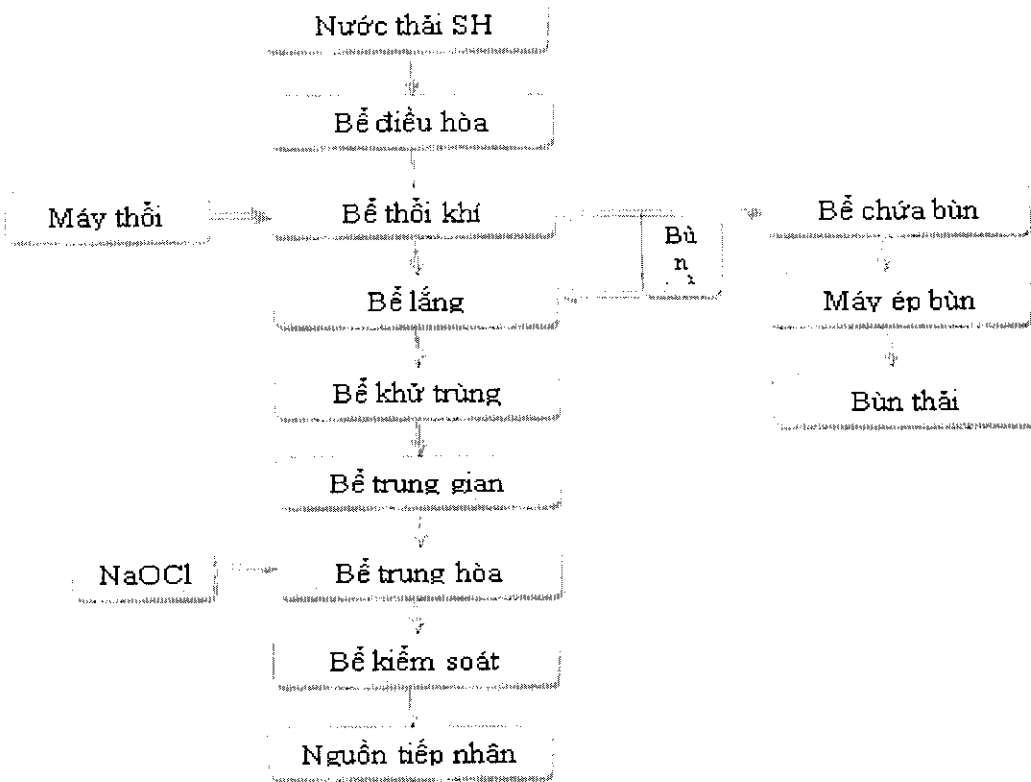
a) Nước thải sinh hoạt:

❖ Tác động:

- Lượng nước sinh hoạt được tính như sau: định mức sử dụng cho 1 ca làm việc 8h x hệ số điều hòa x số người.
- Số nhân viên trong Công ty là 186 người thì lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính như sau: $(45 \text{ lít/người} \times 2,5 \times 186) = 20.925 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (định mức sử dụng được tính theo TCXDVN 33:2006 - Mục 3.7 – Bảng 3.4: Tiêu chuẩn cấp nước dùng cho cơ sở sản xuất công nghiệp).
- Như vậy lượng nước thải sinh hoạt trung bình khoảng 16,74 m³/ngày đêm (80% lượng nước sử dụng). Sự có mặt với hàm lượng chất hữu cơ cao và lượng vi sinh vật trong nước thải dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước gây ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh và đến khả năng tự làm sạch của sông.

❖ **Biện pháp:**

Để giảm thiểu các tác động do nước thải sinh hoạt, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã áp dụng quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



b) Nước thải sản xuất:

❖ **Nước thải làm mát**

• **Tác động:**

Nước làm mát được lấy từ sông Đồng Tranh qua hệ thống bơm nước làm mát chính lấy nước với công suất lớn nhất là 16 m³/s. Nước làm mát không tham gia vào quá trình công nghệ mà chỉ được dùng với mục đích trao đổi nhiệt, do đó nước làm mát được xếp loại là nước thải sạch, không cần phải xử lý trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên, nhiệt độ của nước sẽ tăng cao do quá trình trao đổi nhiệt trong quá trình làm mát.

Nhu cầu sử dụng nước làm mát trung bình khoảng: 1.416.000 m³/ngày.đêm.

• **Biện pháp:**

Vị trí lấy nước và thải nước làm mát cách nhau tối thiểu 1km, mương thải tạo song để làm tăng khả năng phát tán nhiệt và tránh hiện tượng quần nhiệt nước thải nóng;

Điều tiết lưu lượng thải hợp lý nhằm làm tăng khả năng thải nhiệt cũng như tăng khả năng trao đổi nhiệt với môi trường tiếp nhận. Tránh ô nhiễm nhiệt nước sông;

Theo dõi và giám sát thường xuyên nhiệt độ lấy nước vào và thải nước ra tại điểm xả của nhà máy và môi trường nước bên ngoài để đảm bảo chênh lệch nhiệt độ không vượt quá 5 °C và có thể xử lý kịp thời trong các trường hợp xấu nhằm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT.

Việc Clo hóa nước được thực hiện để ngăn ngừa việc bám rong rêu trong hệ thống nước làm



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

mát. Clo được bơm vào với 1 tỉ lệ mà khi thải ra mức còn lại của chúng thấp hơn 0,02 ppm tại ống xả. Với hàm lượng này Clo không gây tác động đáng kể nào tại điểm thải. Riêng hàm lượng TSS có thể tăng lên khoảng 15-20% so với ban đầu nhưng vẫn luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng với hàm lượng TSS của sông Lòng Tàu (do có quá trình sơ lắng các chất lơ lửng trong hệ thống kênh dẫn và hố bơm). Trong trường hợp pH của sông Đồng Tranh bị phen hóa (vào mùa mưa), nước làm mát được phun một lượng vừa đủ NaOH để đảm bảo nước làm mát có pH luôn lớn hơn hoặc bằng 5,5. Do vậy dù nước thải làm mát có pH, TSS và nhiệt độ khác nhau với môi trường nhưng vẫn không gây ảnh hưởng đáng kể nào đến chất lượng nước sông Lòng Tàu.

❖ Nước thải từ hệ thống khử khoáng

Trong quá trình khử khoáng, tái sinh các hạt nhựa trao đổi ion, cần thiết phải sử dụng các dung dịch axit hoặc bazơ tương ứng. Nước thải liên tục của nhà máy tại hệ thống khử khoáng khoảng 27,756 m³/ngày.đêm. Trong đó:

Nước từ hệ thống RO là 23,593 m³/ngày.đêm;

Lượng nước thải nhiễm hóa chất với lưu lượng thải khoảng 4,164 m³/ngày.đêm (Trong đó: nước từ hoạt động rửa màng MMF là 3,007 m³/ngày.đêm và nước thải từ khu vực bồn chứa là 1,157 m³/ngày.đêm).

Loại nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống môi trường xung quanh.

❖ Nước thải nhiễm dầu

Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ khu vực bồn chứa dầu và gian máy tại nhà máy khoảng 96,52 m³/ngày.đêm.

Lượng nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nguồn tiếp nhận. Dầu và mỡ là nguồn ô nhiễm môi trường nước, nếu không xử lý sẽ tạo nên màng trên bề mặt nước làm giảm sự trao đổi oxy giữa nước và không khí. Mặt khác, dầu có khối lượng phân tử lớn bám dính vào các hạt lơ lửng trong cột nước và lắng đọng xuống đáy sông, rạch làm ảnh hưởng tới sinh vật sống trong vùng đáy.

❖ Nước thải từ lò thu hồi nhiệt

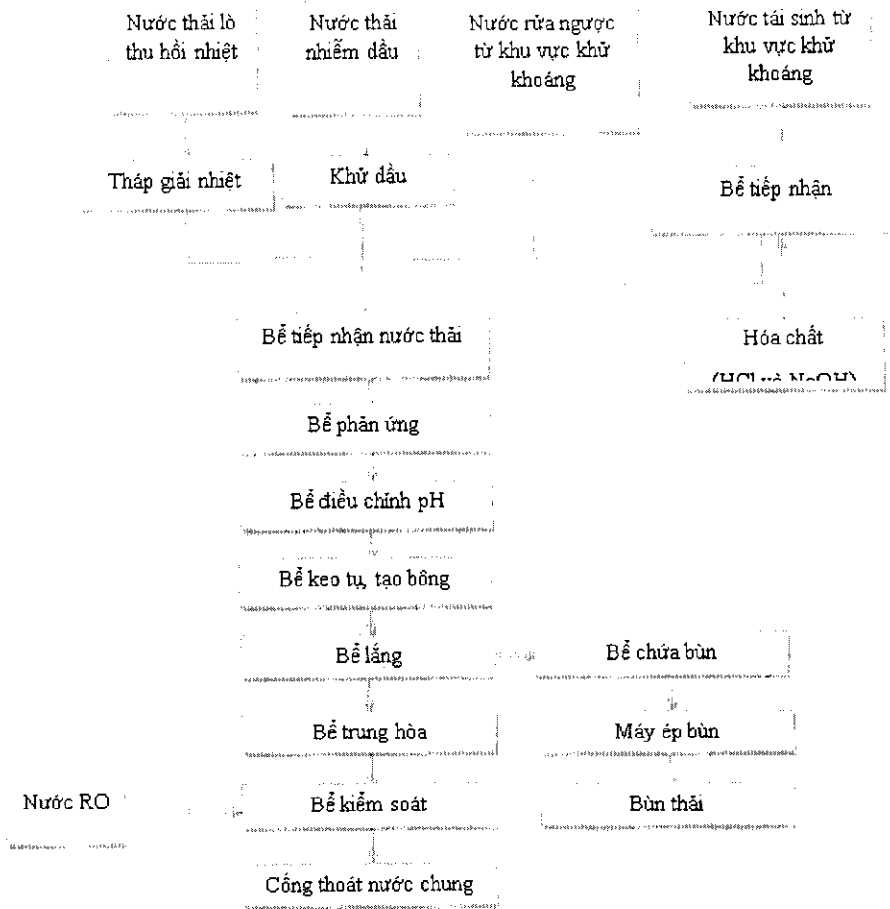
Phát sinh thường xuyên với lưu lượng 5 m³/ngày.đêm.

Nước thải từ lò thu hồi nhiệt: nước cung cấp cho lò thu hồi nhiệt là nước khử khoáng, thành phần nước của lò thu hồi nhiệt tương đối sạch và nước thải từ lò thu hồi nhiệt chỉ thải ra ngoài khi nước không đạt các yêu cầu về độ dẫn, pH... Vì thế nước thải từ lò thu hồi nhiệt sau khi thải ra sẽ được thu gom vào bể chứa nước thải Blowdown, sau đó bơm sang bể chứa nước thải và sau đó được đưa qua các công đoạn xử lý cho đạt chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Tranh.

Toàn bộ nước thải từ lò thu hồi nhiệt, nước thải nhiễm dầu, nước thải từ hệ thống khử khoáng đều được xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất được thể hiện trong hình sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN



Hình: Quy trình xử lý nước thải sản xuất

❖ Tổng lượng nước thải

Năm 2019, tổng lượng nước thải công nghiệp NT2 đã thải ra **30.681 m³**, giảm **26%** so với năm **2018** (năm 2018 là **41.307m³**). Tổng công suất hệ thống xử lý 922m³/ngày; tỉ lệ nước thải được xử lý 100%. Trong đó, số đợt giám sát nước thải 04 lần.

Tổng lượng nước làm mát nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là 369.941.283,75 m³ với nhiệt độ trung bình 36 độ C.

Tất cả lượng nước thải và quá trình xử lý đều đạt theo tiêu chuẩn TCVN 40:2011.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

4. Chất thải

4.1 Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Tác động:

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy bao gồm:

- Chất hữu cơ: thực phẩm dư thừa, rau quả...
- Các sản phẩm có nguồn gốc từ giấy: giấy, bia carton, báo...
- Chất vô cơ: chất dẻo, PVC, thủy tinh...
- Kim loại: thùng, hộp kim loại...

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng tháng khoảng 6.250 kg/tháng

Sự phân hủy các chất thải sinh hoạt như thực phẩm, rau quả dư thừa sẽ phát sinh mùi hôi gây khó chịu và ô nhiễm môi trường. Các loại rác thải khó phân hủy như túi nilon, giấy, vỏ lon khi thải vào môi trường tự nhiên sẽ gây tích tụ trong môi trường đất, nước, làm mất mỹ quan và ảnh hưởng đến giao thông thủy. Về lâu dài, các chất này sẽ phân hủy thành các hợp chất gây độc cho môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của vi sinh vật trên cạn và dưới nước.

❖ Biện pháp:

Để khống chế ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chọn vật liệu thích hợp, ít phát sinh rác hoặc có thể tái sử dụng nếu có thể;
- Phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thải để có biện pháp thu xử lý và thải thích hợp;
- Bố trí các thùng thu gom chất thải rắn tại những vị trí thích hợp kèm theo bảng hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công tác thu gom và tránh rơi vãi chất thải trong Nhà máy;
- Hợp đồng với Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ thu gom và xử lý theo quy định.

❖ Tổng lượng chất thải rắn thông thường

Năm 2019, tổng khối lượng chất thải rắn là 103.200 kg và đã được xử lý 100%, tăng 13,9% so với năm 2018 là 90.600 kg. NT2 đã thuê nhà thầu Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ xử lý chất thải nêu trên.

4.2 Chất thải nguy hại

❖ Tác động:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bao gồm: Bùn thải, Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; bao bì cứng bằng kim loại; bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại thải; xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại; Dầu nhớt thải động cơ; cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại... Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2019 là 8.247 kg. Lượng chất thải này được Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

❖ Biện pháp:

Công ty đã lập sổ đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SĐK- CCBVMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 3 ngày 05/12/2013 và hợp đồng với Công ty Cổ phần



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 về Quy định về quản lý chất thải nguy hại và Quy định an toàn về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại trên địa bàn Tỉnh.

Chất thải nguy hại trước khi được thu gom bởi đơn vị có chức năng, được phân loại theo từng chủng loại trong các bao bì thích hợp, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có mái che, có biển báo chất thải nguy hại, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, ký hiệu rõ ràng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kiểm tra, xác nhận chất thải nguy hại trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy có đến đúng địa điểm, cơ sở theo quy định của hợp đồng.

❖ Tổng lượng chất thải nguy hại:

Năm 2019, tổng khối lượng chất thải nguy hại là 8.247 kg và đã được xử lý 100%.

NT2 đã thuê nhà thầu Công ty Cổ phần Môi trường Việt Úc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

5. Tiếng ồn

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế tiêu chuẩn làm giảm tối đa tiếng ồn đảm bảo cho CBCNV làm việc tại NT2 và khu vực xung quanh.

Trong điều kiện vận hành bình thường tiếng ồn giới hạn dưới 85 dB(A) ở khoảng cách 1m cách xa thiết bị gây ồn và cao 1,5m trên mức bề mặt thiết bị gây ồn.

NT2 sử dụng các biện pháp nhằm giới hạn tiếng ồn đảm bảo điều kiện lao động và đạt chuẩn đối với môi trường sống xung quanh:

- Các tuabin khí được cách âm.
- Ống dẫn không khí của Tuabin khí được lắp cách âm.

Những bộ phận máy móc nhỏ được thiết kế chống ồn và được bọc vỏ cách âm phụ. Ngoài ra, dầu bôi trơn, dầu điều khiển các bộ phận được đặt trong buồng tách lọc. Những bức tường của gian tuabin khí và tuabin hơi được thiết kế cách âm và gia công làm tăng khả năng hấp thụ.

6. Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

6.1 Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Để khuyến khích phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, NT2 đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên CBCNV thi đua sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Sáng kiến thứ nhất, Công ty sử dụng Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc.

Sáng kiến thứ hai, Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Ngoài những sáng kiến tiết kiệm năng lượng nêu trên, Công ty còn có sáng kiến “Giải pháp lắp đặt thêm nguồn điều khiển cho van ESV trạm Gas Lot 3 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2”. Giải pháp từ sáng kiến này với giá trị làm lợi tương ứng với giảm giá trị thiệt hại khi nhà máy xảy ra sự cố, cụ thể: Tăng 380 EOH/2 tổ máy, tương ứng với khoản chi phí khoảng 228.000€; Sản lượng thiếu hụt trong khoảng 2 giờ khắc phục sự cố là 1.500MWh, giảm lợi nhuận khoảng 130 triệu; Chi phí khởi động cho mỗi tổ máy tương đương 1 tỷ đồng. Đồng thời, có thêm sáng kiến thứ tư là “Giải pháp chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục của Tuabin khí Tuabin hơi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” đã thực hiện và làm lợi hơn 2 tỷ đồng.

NT2 khẳng định tiêu chí “thân thiện” trong phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Tiết kiệm năng lượng là tiêu chí nhằm tiết giảm kinh phí cho Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy sáng kiến cải tiến và đặc biệt quan tâm hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Thêm vào đó, Công ty chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới của Công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành nhằm tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường.

6.2 Mức năng lượng tiết kiệm

Thực hiện tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh là phương châm xuyên suốt của Ban điều hành Công ty trong việc tiết giảm các chi phí và bảo vệ môi trường, cụ thể năm 2019, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã thực hiện vận hành tiết kiệm như sau:

❖ Tiết kiệm nhiên liệu khí:

| Tháng/ Năm 2019 | Đơn vị | Tiết kiệm |
|--------------------|--------|----------------|
| Tháng 01 | Tr.BTU | 52.094 |
| Tháng 02 | | 42.020 |
| Tháng 03 | | 43.233 |
| Tháng 04 | | 41.497 |
| Tháng 05 | | 37.542 |
| Tháng 06 | | 31.288 |
| Tháng 07 | | 57.127 |
| Tháng 08 | | 56.085 |
| Tháng 09 | | 43.627 |
| Tháng 10 | | 54.288 |
| Tháng 11 | | 52.003 |
| Tháng 12 | | 45.101 |
| Tổng cộng | | 555.905 |

❖ **Tiết kiệm Điện tự dùng:**

| Tháng/ Năm 2019 | Đơn vị | Tiết kiệm |
|--------------------|--------|------------------|
| Tháng 01 | kWh | 1.223.235 |
| Tháng 02 | | 807.619 |
| Tháng 03 | | 384.072 |
| Tháng 04 | | 321.511 |
| Tháng 05 | | 443.302 |
| Tháng 06 | | 324.847 |
| Tháng 07 | | 378.703 |
| Tháng 08 | | 347.333 |
| Tháng 09 | | 194.466 |
| Tháng 10 | | 464.271 |
| Tháng 11 | | 421.753 |
| Tháng 12 | | 453.707 |
| Tổng cộng | | 5.764.819 |

❖ **Tiết kiệm nhiên liệu dầu DO**

| Tháng/ Năm 2019 | Định mức hao hụt (lít 15oC) | Hao hụt trong kỳ (lít 15oC) | Tiết kiệm (lít 15oC) |
|--------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| Tháng 01 | 278 | 271 | 07 |
| Tháng 02 | 278 | 263 | 15 |
| Tháng 03 | 278 | 264 | 14 |
| Tháng 04 | 278 | 259 | 19 |
| Tháng 05 | 278 | 254 | 24 |
| Tháng 06 | 278 | 128 | 150 |
| Tháng 07 | 278 | 229 | 49 |
| Tháng 08 | 278 | 136 | 142 |
| Tháng 09 | 278 | 227 | 51 |
| Tháng 10 | 277 | 163 | 114 |
| Tháng 11 | 183 | 178 | 6 |
| Tháng 12 | 504 | 490 | 14 |
| Tổng cộng | 3466 | 2862 | 605 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm soát ô nhiễm; tái chế chất thải; tiết kiệm tài nguyên... là trách nhiệm xã hội của các Công ty, đồng thời giúp phát triển bền vững. Vì vậy, trước tiên là tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Bộ Luật Lao động, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Thanh tra kiểm tra... Trong lĩnh vực môi trường, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phải có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu, bảo vệ môi trường với chất thải rắn, khí thải... Đồng thời, hoạt động về môi trường NT2 cần đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, NT2 phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập báo cáo tác động môi trường của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 132/QĐ0BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008; đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, trầm tích và thực hiện lập Báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng quý, hàng năm trong quá trình vận hành sản xuất.

Thông qua các đợt đánh giá của các đoàn kiểm tra, NT2 luôn tuân thủ các quy định, công tác môi trường được đánh giá cao. Trong thời gian qua, NT2 chưa bị phạt vi phạm môi trường bởi các cơ quan chức năng. Bên cạnh tuân thủ pháp luật, NT2 còn tuyên truyền và ban hành các quy định sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường như: tắt các thiết bị điện/nước không cần thiết; giảm ít nhất 50% số lượng đèn chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sảnh; khuyến khích sử dụng bóng đèn LED tại các vị trí thích hợp; tận dụng tối đa ánh sáng trời và thông thoáng tự nhiên; tổ chức khóa học sử dụng năng lượng tiết kiệm cho tất cả CBCNV Công ty.

8. Chính sách liên quan đến người lao động

8.1 Tóm tắt chính sách đối với người lao động

a) Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức năng công việc đảm nhận, đẩy mạnh tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, nước ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý. Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

- Đối với đội ngũ kỹ thuật: Bộ phận kỹ thuật sắp xếp thời gian hợp lý bố trí tổ chức đào tạo nội bộ trước khi thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ của nhà máy. Các cán bộ kỹ thuật lên chương trình đào tạo và hướng dẫn cụ thể cho nhân viên cấp dưới, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm cũng cố thêm kiến thức thực chuyên sâu



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

về nhà máy.

- Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất (PXVH): Công tác phát triển đội ngũ kế thừa được chú trọng, bồi dưỡng tay nghề một cách liên tục, bài bản. Trước mỗi lần thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, đội ngũ vận hành sẽ được đào tạo tiếp cận với từng danh mục công việc, nghiên cứu và tham khảo thêm từ các đơn vị cùng ngành đi trước. Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề, xử lý các tình huống giả định phù hợp với yêu cầu vận hành thiết bị nhà máy, đảm bảo công tác vận hành nhà máy luôn ổn định, an toàn và đạt hiệu quả kinh tế.
- Đối với đội ngũ văn phòng: Các chương trình bồi dưỡng đào tạo năng lực cho từng cá nhân đang từng bước triển khai thay thế dần cho các khóa đào tạo theo kiểu truyền thống. Điều này giúp cho mỗi CBCNV tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Công ty, nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

b) Chính sách tiền lương, thưởng

Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế theo quy định của Pháp luật. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực và hiệu quả công việc, hàng năm đều tiến hành họp Hội đồng lương để xét tăng lương cho người lao động, khuyến khích người lao động làm việc tích cực, hoàn thành tốt, nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương.

Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng Quý. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Đồng thời, khuyến khích và thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt nhân dịp Quốc tế thiếu nhi,... cũng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo năng suất lao động.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

c) Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có năng lực và nhân sự giỏi có kinh nghiệm. Hiện nay, Công ty đã có được một đội ngũ CBCNV có đạo đức với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

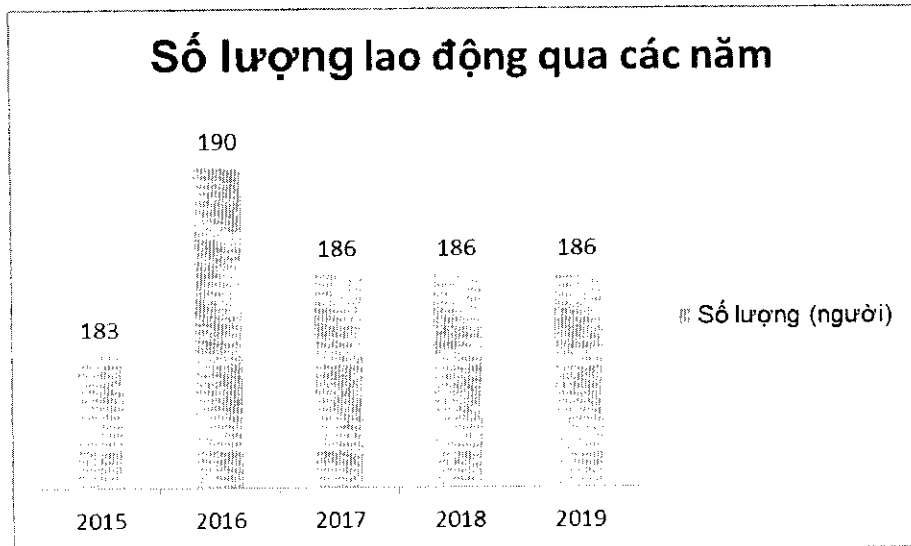
Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV Công ty; Bảo hiểm nhân thọ và tài trợ một phần lớn Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm gắn kết sự gắn bó, trung thành và cống hiến của người lao động. Công ty cũng đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

NT2 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà ở Công vụ để CBCNV, người lao động ổn định cuộc sống, yên tâm công tác đồng thời nghiên cứu và xây dựng nhiều chính sách phù hợp để giữ chân CBCNV và thu hút thêm nguồn lao động chất lượng cao trong tương lai.

Để gắn kết các cá nhân cũng như tạo tinh thần đoàn kết giữa các CBCNV trong Công ty hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, chương trình hoạt động từ thiện ngày hội gia đình truyền thống... để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò và thể hiện sự quan tâm gắn bó với nhau.

8.2 Số lượng lao động và mức lương bình quân

❖ Số lượng lao động:



| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|------------------|------|------|------|------|------|
| Số lượng (người) | 183 | 190 | 186 | 186 | 186 |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

❖ Mức lương bình quân

Triệu đồng/người/tháng

| Năm | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|-------|-------|------|------|------|
| Thu nhập bình quân của người lao động (triệu/tháng) | 27,12 | 27,12 | 24,8 | 24 | 24,9 |

8.3 Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

8.3.1 Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Giữ gìn giá trị bền vững

Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là nguồn tài sản quý giá, quyết định sự phát triển bền vững của Công ty, NT2 chú trọng xây dựng một đội ngũ nhân sự: “Chuyên nghiệp – trách nhiệm – hiệu quả - tận tâm” đây được coi là một trong những chiến lược dài hạn của Công ty.

Để làm được điều đó, hàng năm Người quản lý lao động và Chủ tịch công đoàn Công ty thực hiện ký kết thỏa ước lao động trong Hội nghị người lao động của Công ty, nhằm đảm bảo các chế độ phúc lợi, lương thưởng cho người lao động như đã ký kết trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực, duy trì và phát triển đội ngũ kế thừa được thực hiện một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng nhân lực.

Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ: NT2 luôn đưa ra các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực như: luân chuyển nội bộ thay thế cho tuyển dụng mới, NT2 mong muốn tạo thêm và duy trì ở mức cao nhất cơ hội việc làm cho người lao động, những người lao động đã gắn bó và tạo nên giá trị cốt lõi cho sự phát triển của NT2.

NT2 ban hành bộ quy tắc ứng xử nhằm góp phần xây dựng và nâng cao giá trị văn hóa của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ với mục đích thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định giữa Người quản lý lao động với Người lao động để:

- Tạo điều kiện cho Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được đóng góp và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.
- Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người quản lý lao động với Người lao động, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) của Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại Công ty.

Vượt qua không ít khó khăn và thách thức trong những năm qua, NT2 đã và đang đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được các mục tiêu, chiến lược của Công ty. NT2 đánh giá con người là nhân tố then chốt để tiếp tục thúc đẩy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo tài sản vô giá, nhân tố quyết định sự thành công và phát triển bền vững của NT2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

8.3.2 Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường

NT2 với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, nên ngay từ những ngày đầu thành lập NT2 luôn đặt công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường lên hàng đầu, vì đây là một trong những yêu cầu đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu của NT2. Các chỉ số về An toàn – Sức khỏe – Môi trường tốt sẽ là lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hợp tác quốc tế hiện nay. Một hệ thống quản lý An toàn- Sức khỏe – Môi trường vững mạnh là hệ thống xuyên suốt và đồng nhất giữa các phòng ban, phân xưởng vận hành trong Công ty. Do đó trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, NT2 luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An toàn, Sức khỏe và Bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường. Cụ thể hàng năm NT2 luôn có chính sách chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, trang bị đầy đủ các biện pháp an toàn trong sản xuất và hướng tới một môi trường thân thiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ luật pháp của Việt Nam và quốc tế.

a) Công tác bảo vệ môi trường

NT2 luôn xem công tác An toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2, do đó Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- Ban hành chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường với mục đích đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và bảo vệ môi trường được ưu tiên hàng đầu, sản xuất kinh doanh luôn song hành với trách nhiệm cộng đồng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh.
- Điều kiện làm việc và an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng mà Lãnh đạo công ty đặc biệt chú ý quan tâm vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo điều kiện làm việc và an toàn lao động là hai vấn đề có mối quan hệ khăng khít. Một trong những nhân tố liên quan đến an toàn lao động là do điều kiện làm việc chưa được đảm bảo và sự thiếu hiểu biết của mỗi cán bộ công nhân viên. Định kỳ hàng năm NT2 thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh theo quy định của Pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (ĐTM)
- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012. Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.

Trong năm 2019, Lãnh đạo NT2 tiếp tục duy trì phương pháp 5S vào tất cả các phòng ban của NT2 với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, tiện nghi và an toàn sức khỏe cho CBCNV Công ty. Đồng thời NT2 tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và hưởng ứng chương trình "Giờ trái đất" tại khu nhà công vụ Công ty.

Hàng năm NT2 đều trang bị và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt hút và thông gió, đảm bảo hệ thống ánh sáng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường làm việc tốt cho CBCNV. Việc trang bị BHLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ Luật lao động. Đồng thời tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải độc hại.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Với những nỗ lực đã đạt được trong công tác ATSKMT, NT2 đã được tổ chức BSI duy trì Giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001.

b) Công tác đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp

Với tiêu chí “An toàn để sản xuất – Sản xuất phải an toàn”, NT2 luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong vấn đề đảm bảo an toàn, PCCC trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong suốt những năm qua, NT2 luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị lao động, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác ATVSLĐ, PCCC và cứu nạn cứu hộ cho 100% CBCNV Công ty giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

Công ty đã phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập PCCC và CNCH cho CBCNV theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp cập nhật nhà máy điện Nhơn Trạch 2 của Công ty được chấp thuận tại quyết định số 199/QĐ-BCT ngày 29/01/2019 của Bộ Công thương.

Hàng năm, NT2 phối hợp với cảnh sát PCCC huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có phối hợp nhiều lực lượng. NT2 diễn tập Phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) tại Công ty nhằm chủ động phòng ngừa và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất về người và tài sản do cháy gây ra.

Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện PCCC như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, hệ thống chữa cháy tự động CO2, hệ thống chữa cháy tự động bằng Foam, tổ chức kiểm tra định kỳ thứ 6 hàng tuần đảm bảo các phương tiện PCCC trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu nạn cứu hộ của Công ty nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Trong năm 2019, NT2 thực hiện công tác tiêu tu nhà máy theo kế hoạch, Công tác đảm bảo an toàn luôn được chú trọng, trong suốt quá trình tiêu tu đã kiểm tra test thử tất cả các đầu dò khói, nhiệt của hệ thống báo cháy tự động trong nhà máy và không có sự cố nào ảnh hưởng đến công tác an toàn sửa chữa bảo dưỡng. Năm 2019, NT2 không để vụ cháy nổ nào xảy ra làm ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy.

c) Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của OHSAS 18001-2007&ISO 14001-2010, NT2 luôn nghiêm túc thực hiện và duy trì các hoạt động sau:

- ❖ Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty.
- ❖ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Công ty.

Đầu tư hệ thống trồng rau sạch trong Công ty do công đoàn và đoàn thanh niên thực hiện nhằm đảm bảo nguồn cung cấp rau cho bữa ăn hàng ngày của CBCNV tại Công ty. Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín về chất lượng sản phẩm.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

d) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp cần thiết để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, và các điều kiện nguy hiểm, độc hại khác,... Phương tiện vệ sinh cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về: tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng, thẩm mỹ và tính năng bảo vệ.

Hàng năm Công ty đều mua sắm, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật và quy định của PVN. Người lao động phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân theo đúng quy định trong suốt thời gian làm việc.

e) Công tác an toàn vệ sinh lao động

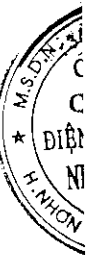
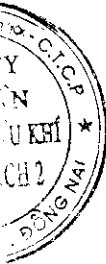
Tổ chức lao động, sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị phù hợp với người lao động.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các khu vực làm việc. Theo dõi việc ghi chép sổ sách và các biểu mẫu theo quy định. Hàng tháng tổ chức kiểm tra chéo về ATVSLĐ giữa các phòng chức năng/PXVH, hợp rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác an toàn vệ sinh viên lao động tại Công ty.

Một số hoạt động về An toàn vệ sinh lao động đã thực hiện trong năm 2019:

- Hưởng ứng tham gia tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động phong trào xanh – sạch – đẹp.
- Thực hiện công tác đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm soát điều kiện làm việc cho người lao động tại Công ty.
- Huấn luyện ATVSLĐ cho 156 CBCNV định kỳ theo quy định.
- Huấn luyện 35 nhân viên vận hành xe cầu và thiết bị nâng; 25 nhân viên an toàn hóa chất ; 62 nhân viên an toàn điện; 26 cán bộ về ATLĐVSLĐ Cho cán bộ quản lý; 07 cho nhân viên làm công tác ATSKMT.
- Kiểm tra định kỳ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, thoát nạn.
- Thực hiện tái kiểm tra để cấp thẻ An toàn lao động đối với khối Vận hành sản xuất và khối hành chính văn phòng.
- Kiểm tra vệ sinh công nghiệp môi trường an toàn lao động tại Công ty 12 lượt/năm.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 186 người lao động.
- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 75 người lao động.
- Tổ chức và tham gia các phong trào An toàn vệ sinh viên do Tập đoàn và Tổng Công ty tổ chức.



8.4 Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo

8.4.1 Các chương trình đào tạo

NT2 luôn quan tâm, chú trọng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các khóa đào tạo trong và ngoài nước, ngắn và dài hạn, tổ chức mở các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận về chính trị, quản lý,...

Công tác đào tạo nhằm đảm bảo yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD của Công ty.

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc được CBCNV tích cực hưởng ứng tham gia.

Mặt khác, Công ty cũng kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động để tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,... Công ty đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Dầu khí đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân để phục vụ vận hành nhà máy điện.

8.4.2 Số giờ đào tạo

Công tác đào tạo năm 2019 của Công ty thực hiện với giá trị 1.405 triệu đồng với 200 lượt học viên.

Các chương trình và thời gian đào tạo năm 2019 như sau:

| Stt | Các khóa đào tạo | Thời gian | Số lượt học viên | Chi phí cho một học viên (Triệu VNĐ) | Tổng số tiền (Triệu VNĐ) |
|-----|---|-------------|------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| I | Đào tạo Chuyên sâu (định hướng phát triển chuyên gia) | | | | |
| 1 | Nâng cao về hệ thống điều khiển DCS, S7-300, S7-400 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 | 25/2-01/3 | 17 | 14,70 | 250 |
| II | Đào tạo về Quản lý | | | | |
| 1 | Nâng cao năng lực kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp | 6/6-7/6 | 1 | 2,80 | 2,8 |
| 2 | Hệ thống điện kế hoạch vận hành TTĐ, mô phỏng dự báo vận hành TTĐ năm tới, kế hoạch vận hành tham gia thị trường bán buôn | 29/11-01/12 | 35 | 12,73 | 445,6 |
| 3 | Tính toán thực hiện mua bán điện trong TTĐ, thanh toán trong thị trường bán buôn | 11/12-15/12 | 35 | 12,85 | 449,7 |
| III | Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức CM/NV | | | | |
| 1 | Thị trường bán buôn điện cạnh tranh cho các đơn vị phát điện độc lập | 27/3-29/3 | 3 | 3 | 9 |

| | | | | | |
|----|---|-------------|------------|------|--------------|
| 2 | Kỹ năng soạn thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng kinh doanh nhận diện những sai lầm về hợp đồng dẫn đến thiệt hại về kinh tế doanh nghiệp cần tránh, giải pháp xử lý hiệu quả | 21/6-22/6 | 2 | 1,75 | 3,5 |
| 3 | Ôn thi chứng chỉ kế toán viên | 18/5-29/9 | 1 | 11,9 | 11,9 |
| 4 | Bồi dưỡng kiến thức về kế toán, tài chính và pháp luật về thuế | 18/5-29/9 | 5 | 10,9 | 54,5 |
| 5 | Thiết kế đồ họa 2D | 23/7-31/12 | 1 | 6,5 | 6,5 |
| 6 | Bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu về luật lao động, tiền lương, luật BHXH, BHYT, BHTN áp dụng năm 2019-2020 | 20/9-21/9 | 5 | 1,4 | 7 |
| 7 | Tập huấn nghiệp vụ về y tế | 23/10-25/10 | 1 | 3,5 | 3,5 |
| 8 | Đào tạo các cương vị vận hành, thi giữ bậc | | 85 | 1,52 | 129,2 |
| 9 | Cách thức xây dựng thang lương, bảng lương theo phương pháp 3P | 19/11-20/11 | 3 | 1,75 | 5,25 |
| 10 | Chi phí huấn luyện nâng cao tay nghề trên mô hình Simulator | 07-08/11 | 6 | 4,50 | 27 |
| 11 | Tổng chi phí thực hiện năm 2019 | | 200 | | 1.405 |

8.5 Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch Công ty; cập nhật các nghị định, thông tư, hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, các loại thuế, chính sách, lao động tiền lương, BHYT, BHXH, Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Hải quan, thuế xuất nhập khẩu; Luật Doanh nghiệp, Thông tư, Nghị định; Xây dựng cơ bản; nghiệp vụ hành chính văn phòng....
Tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ: Chuyên đề về quản lý vận hành bảo trì bảo dưỡng, chuyên đề về quản lý bảo trì nâng cao, chuyên đề về bảo vệ Role trong hệ thống điện...

Tổ chức và tham gia các hội thi như hội thi tay nghề, giao lưu với các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm, đồng thời tổ chức và tham gia các hội thi tay nghề, hội thảo, hội nghị liên quan đến lĩnh vực Nhà máy điện.

Tổ chức tham quan, học tập và giao lưu với các Nhà máy điện trong ngành, ngoài ngành Dầu khí để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để tìm và nghiên cứu các giải pháp sáng tạo phục vụ tốt hơn trong công tác vận hành.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển của mình, NT2 không những làm tốt vai trò là cờ đầu của ngành điện khí về quy mô, thương hiệu, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận, trích nộp ngân sách nhà nước, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương, mà NT2 còn là đơn vị đi đầu trong công tác an sinh xã hội. NT2 luôn ý thức việc thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp, các hoạt động và chương trình ASXH luôn được CBCNV Công ty hưởng ứng nhiệt tình. Cụ thể:

Thực hiện công tác an sinh xã hội đến nay là 1,10 tỷ đồng; Tiếp tục thực hiện chương trình an sinh xã hội - Tài trợ cho huyện Thạch Hà, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh

Đảng ủy, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần của tập thể CBCNV, tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV ổn định cuộc sống. Đảng ủy đã chỉ đạo Công ty xây dựng khu nhà ở công vụ khang trang, với đầy đủ cơ sở vật chất và sân bãi thể thao, là nơi an cư của đa số CBCNV cùng gia đình tại Nhơn Trạch.

Có thể nói những nỗ lực của NT2 suốt những năm qua trong công tác an sinh xã hội là nét đẹp văn hóa đầy tính nhân văn cao cả và cũng là truyền thống của thế hệ lãnh đạo cùng gần 200 CBCNV Công ty. An sinh xã hội đã góp phần mang lại những thành công nhất định trong việc hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa, nhiều xã thuộc địa phương sau khi có sự hỗ trợ của NT2 đã thay đổi diện mạo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các hộ nghèo được cải thiện và nâng cao rõ rệt...

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình phát triển ngành Điện

Ngành điện Thế giới đã trải qua hơn 150 năm phát triển với nhiều xu hướng đầu tư, từ thủy điện, nhiệt điện nhiên liệu hóa thạch, nhiệt điện khí, năng lượng hạt nhân và năng lượng tái tạo. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng thứ 2 khu vực Đông Nam Á và thứ 30 trên thế giới, với đa dạng loại hình nguồn điện như: thủy điện, nhiệt điện đốt than, nhiệt điện đốt dầu FO, tua bin khí chu trình hỗn hợp đốt khí, tua bin khí chu trình đơn đốt dầu DO, diesel.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực phát triển ngành năng lượng nước nhà. Theo Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ, mục tiêu dài hạn của ngành năng lượng là phải bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo đảm giữ vững an ninh, quốc phòng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ của đất nước; cung cấp đầy đủ năng lượng với chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội; khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước; đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng, hình thành và phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh; phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững ngành năng lượng đi đôi với bảo vệ môi trường. Như vậy, với phương châm “năng lượng phải đi trước một bước”, ngành năng lượng phải đảm bảo cung cấp đủ các yêu cầu về điện, than, các loại hình nhiên liệu khác, làm tiền đề vững chắc cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

Căn cứ Báo cáo của Bộ công thương số 58/BC-BCT ngày 04/06/2019 về việc tình hình thực hiện các dự án điện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh thì công suất và cơ cấu nguồn điện như sau:

Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh, giai đoạn 2016 -2030 có tổng cộng 116 dự án nguồn điện đưa

vào vận hành (chưa bao gồm các nguồn năng lượng tái tạo chưa ghi rõ tên hoặc chưa lập dự án), trong đó có 43 dự án thủy điện, 57 dự án nhiệt điện, 11 dự án năng lượng tái tạo, 03 dự án thủy điện tích năng và 02 dự án điện hạt nhân.)

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đến năm 2020, tổng công suất các nhà máy điện khoảng 60.000 MW trong đó: Thủy điện lớn và thủy điện tích năng chiếm khoảng 30,1%, nhiệt điện than và khí khoảng 57,6%, nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) khoảng 9,9%, nhập khẩu điện khoảng 2,4%.

Trong giai đoạn 2016-2020 sẽ đưa vào vận hành tổng cộng 21.651 MW trong đó: Tổng công suất các dự án nhiệt điện là 13.845 MW (chiếm 63,95%), các dự án thủy điện là 4.084 MW (chiếm 16,86%), các dự án điện sử dụng năng lượng tái tạo là 3.722 MW (chiếm 17,19%).

- Giai đoạn đến năm 2025

Đến năm 2025, tổng công suất các nhà máy điện khoảng 96.500 MW trong đó: Thủy điện lớn và thủy điện tích năng chiếm khoảng 21,1%, nhiệt điện than và khí khoảng 64,9%, nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) khoảng 12,5%, nhập khẩu điện khoảng 1,5%.

Trong giai đoạn 2021-2025 sẽ đưa vào vận hành tổng cộng 38.010 MW trong đó: Tổng công suất các dự án nhiệt điện là 29.365 MW (chiếm 77,3%), các dự án thủy điện và thủy điện tích năng là 2.355 MW (chiếm 6,2%), các dự án điện sử dụng năng lượng tái tạo là 6.290 MW (chiếm 16,5%).

Đến năm 2030, tổng công suất các nhà máy điện khoảng 129.500 MW trong đó: Thủy điện lớn và thủy điện tích năng chiếm khoảng 16,9%, nhiệt điện than và khí khoảng 57,3%, nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối) khoảng 21%, nhập khẩu điện khoảng 1,2%.

Trong giai đoạn 2026 - 2030 sẽ đưa vào vận hành tổng cộng 36.192 MW trong đó: Tổng công suất các dự án nhiệt điện là 14.350 MW (chiếm 39,6%), các dự án thủy điện và thủy điện tích năng là 2.052 MW (chiếm 5,7%), các dự án điện sử dụng năng lượng tái tạo là 15.190 MW (chiếm 42,0%), điện hạt nhân là 4.600 MW (chiếm 12,7%).

- Về phụ tải và tình hình cung ứng điện:

Các năm 2019-2020 dự kiến sẽ đưa vào vận hành khoảng 6.900 MW. Các năm 2021-2025, nhu cầu huy động điện càng gia tăng, hệ thống điện không đáp ứng nhu cầu phụ tải và xảy ra tình trạng thiếu điện tại miền Nam với mức thiếu hụt từ 3,7 tỷ kWh (năm 2021), lên gần 10 tỷ kWh (năm 2022), mức thiếu hụt cao nhất vào năm 2023 khoảng 12 tỷ kWh, sau đó giảm dần xuống 07 tỷ kWh năm 2024 và 3,5 tỷ kWh năm 2025.

Tổng công suất các nguồn điện có khả năng đưa vào vận hành cả giai đoạn 15 năm 2016-2030 dự kiến khoảng 80.500 MW.

Lượng điện thiếu hụt tại miền Nam tăng cao do tiến độ các dự án khí Lô B, Cá Voi Xanh đều chậm tiến độ 9 tháng đến 01 năm, Các dự án Nhiệt điện Kiên Giang 1&2 không đáp ứng tiến độ hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025, thậm chí lùi sau năm 2030, dự án Ô Môn III lùi tiến độ đến năm 2025.

- Về đầu tư phát triển nguồn điện: Theo quy hoạch phát triển điện VII điều chỉnh, tổng công suất các nguồn điện dự kiến đưa vào vận hành giai đoạn 2016-2020 trên toàn hệ thống là 21.650 MW trong đó: các nguồn điện do EVN đầu tư là 7.185 MW chiếm 33,2%, các nguồn điện do các doanh nghiệp khác đầu tư là 14.465 MW chiếm 66,8%.

Để có thể huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện và nâng cao việc sử dụng hiệu quả nguồn cung điện, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển thị trường điện cạnh tranh. Theo chiến lược phát triển thị trường Điện cạnh tranh, ngành điện sẽ phát triển qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 2005-2014: Thị trường phát điện cạnh tranh, trong đó các công ty sản xuất điện có thể chào bán điện cho người mua duy nhất.
- Giai đoạn 2015-2022: Thị trường bán buôn điện, trong đó các công ty bán buôn điện có thể cạnh tranh để mua điện trước khi bán cho công ty phân phối điện.
- Giai đoạn sau năm 2022: Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, trong đó người mua điện có thể lựa chọn cho mình nhà cung cấp.

Ngoài Tập Đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong sản xuất và kinh doanh điện năng; đây được xem là 01 trong 05 lĩnh vực mũi nhọn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Theo đánh giá thì giai đoạn 2021-2025 hệ thống điện không đáp ứng đủ nhu cầu phụ tải và sẽ xảy ra tình trạng thiếu điện tại miền Nam với mức thiếu hụt từ 3,7 tỷ kWh đến 12 tỷ kWh và đây là cơ hội tốt để NT2 có thể đưa ra các phương án vận hành sản xuất kinh doanh một cách hợp lý để gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Vượt qua các khó khăn, thách thức trong năm 2019, NT2 đã cơ bản hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019, cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | KH 2019 | TH 2019 | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|-------------|---------|----------|-----------|
| A | B | C | (1) | (2) | (3=2/1) |
| 1 | Sản lượng điện | Triệu kWh | 4.650 | 4.952,09 | 106,5% |
| 2 | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 7.482 | 7.740,8 | 103,5% |
| 3 | Tổng Chi phí | Tỷ đồng | 6.699,5 | 6.943,4 | 103,6% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 743,3 | 754,2 | 101,5% |

2.1 Đánh giá chung

Trong năm 2019, tình hình SXKD gặp nhiều khó khăn như: Qc giảm thấp hơn các năm trước; Thời tiết bất lợi, các nguồn khí cấp cho Nhà máy điện bị suy giảm dẫn đến Nhà máy không được huy động cao trong thị trường điện. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên chỉ đạo sát sao công tác điều hành, khắc phục các khó khăn đồng thời chủ động triển khai thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm chống lãng phí nhằm gia tăng năng suất lao động đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

2.2 Những thay đổi, biến động về thị trường và nguồn cung cấp

Thị trường điện: Qc giảm dẫn đến doanh thu phần Qc giảm năm sau so với năm trước, cụ thể năm 2019 giảm so năm 2017 là 323 tỷ VNĐ, năm 2018 là 116 Tỷ VNĐ. Bên cạnh đó giá CAN năm 2019 thấp hơn năm 2018.

Nguồn Cung cấp: Các mỏ khí suy giảm và chưa có mỏ khí mới bổ sung nên tình trạng chung thiếu khí không thay đổi. Vào những lúc cao điểm của thị trường thì NT2 không được cung cấp đủ khí nên điều này đã làm sụt giảm phần doanh thu cũng như lợi nhuận tương ứng mà NT2 có thể thu được trong thị trường. Ban giám đốc nhận định xu thế sử dụng nhiên liệu NLG để bù đắp cho sự suy giảm các mỏ cung cấp khí là khả quan, cần nghiên cứu áp dụng sớm để đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả trong thời gian tới.

2.3 Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2019

Đạt mốc sản lượng 40 tỷ kWh vào ngày 13/11/2019 sau 08 năm vận hành thương mại. Lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2019 là 40,61 tỷ kWh.

Ngày 08/12/2019, đạt 100% kế hoạch sản lượng điện 4,650 tỷ kWh, về đích trước 23 ngày; sản lượng điện sản xuất năm 2019: 4,952 tỷ kWh đạt 106,5% so với kế hoạch 2019. Tỷ lệ sản lượng điện chỉ vượt kế hoạch 6,5% là do các nguồn khí cấp cho Nhà máy điện đang bị suy giảm dẫn đến Nhà máy không được huy động cao trong thị trường điện, mặc dù Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao để công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ được thực hiện tốt vượt tiến độ đảm bảo nhà máy luôn luôn khả dụng đáp ứng yêu cầu huy động của hệ thống nhằm gia tăng sản lượng điện phát.

Tổng doanh thu cả năm 2019 vượt 3,5% KH 2019; Lợi nhuận sau thuế cả năm 2019 vượt 1,5% KH 2019.

Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2019 vượt 15,6% KH 2019.

Công tác Tiểu tu thực hiện tốt, đạt chất lượng, các tổ máy luôn đạt khả dụng công suất cao, đáp ứng theo huy động của thị trường phát điện cạnh tranh. Công tác tiểu tu nhà máy năm 2019 vượt tiến độ 02 ngày, công suất sau tiểu tu tăng 2-3 MW/tổ máy so với trước thời điểm Tiểu tu.

Công tác vận hành: Từ đầu năm đến nay các tổ máy của NT2 luôn khả dụng, vận hành tin cậy 99%, không có sự cố chủ quan nghiêm trọng nào gây mất an toàn thiết bị và con người.

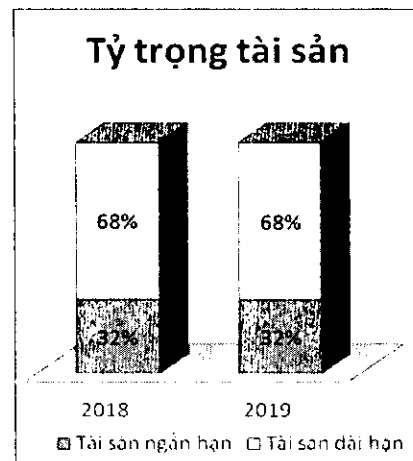
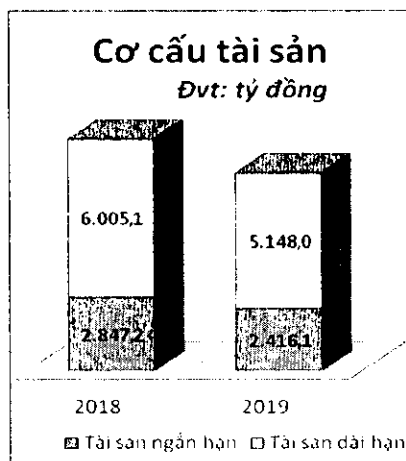
Công tác an toàn sức khỏe môi trường: Luôn đảm bảo an toàn và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến SXKD và hình ảnh Công ty.

Như vậy, NT2 luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 khẳng định được độ tin cậy cao trong thị trường điện, là một trong những nhà máy hiện đại hàng đầu Việt Nam.

3. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 | Tăng/Giảm | Tỷ lệ tăng giảm % |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|-------------------|
| Tài sản ngắn hạn | Tỷ đồng | 2.847,2 | 2.416,1 | (431,1) | (15,1) % |
| Tài sản dài hạn | Tỷ đồng | 6.005,1 | 5.148,0 | (857,0) | (14,3)% |
| Tổng Tài sản | Tỷ đồng | 8.852,2 | 7.564,1 | (1.288,1) | (14,6)% |
| Nợ phải trả | Tỷ đồng | 5.168,8 | 3.437,2 | (1.731,6) | (33,5)% |
| <i>Nợ ngắn hạn</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>3.572,2</i> | <i>2.943,8</i> | <i>(628,4)</i> | <i>(17,6)%</i> |
| <i>Nợ dài hạn</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>1.596,5</i> | <i>493,3</i> | <i>(1.103,2)</i> | <i>(69,1)%</i> |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 3.683,5 | 4.126,9 | 443,5 | 12,0% |
| Tổng Nguồn vốn | Tỷ đồng | 8.852,2 | 7.564,1 | (1.288,1) | (14,6)% |

3.1 Tình hình Tài sản

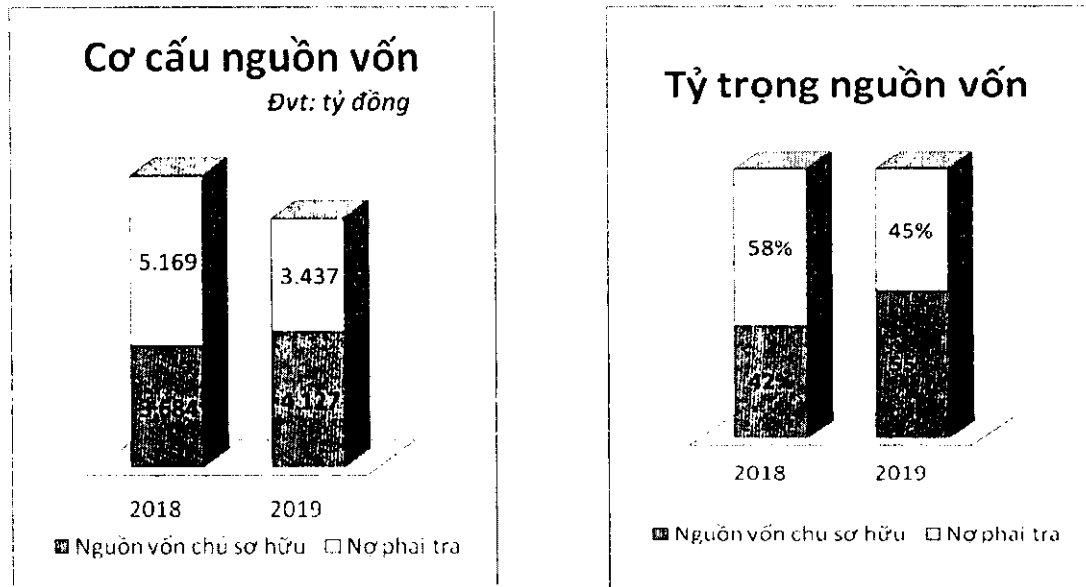


Tổng Tài sản tại thời điểm 31/12/2019 của Công ty đạt: 7.564,1 tỷ đồng giảm 1.288,1 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2018 tương ứng với tỷ lệ giảm 14,6%, trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 431,1 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 857 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn năm 2019 đạt 2.416,1 tỷ đồng giảm 15,1 % so với năm 2018: 2.847,20 tỷ đồng, chiếm 32% tổng giá trị tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu do giảm khoản tiền điện phải thu từ Công ty Mua bán Điện.

Tài sản dài hạn năm 2019 đạt 5.148 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 14,3% so với năm 2018: 6.005,1 tỷ đồng và chiếm 68% tổng giá trị tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu do khấu hao tài sản cố định (690,3 tỷ đồng) và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (136 tỷ đồng) vào chi phí sản xuất kinh doanh.

3.2 Tình hình Nguồn vốn



3.3 Tình hình nợ phải trả:

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ phải trả đạt 3.437,2 tỷ đồng giảm 1.731,6 tỷ đồng so với năm 2018: 5.168,8 tỷ đồng và chiếm 45% Tổng giá trị Nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn giảm 628,4 tỷ đồng và nợ dài hạn giảm 1.103,2 tỷ đồng (do kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang ngắn hạn theo lịch trả nợ).

Nợ ngắn hạn Công ty đạt 2.943,8 đồng giảm 628,4 tỷ đồng so với năm 2018: 3.572,2 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do khoản phải trả người bán giảm 377,5 tỷ đồng và chi phí phải trả ngắn hạn giảm 230,1 tỷ đồng.

3.4 Nguồn vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 của NT2 đạt 4.126,9 tỷ đồng tăng 443,5 tỷ đồng so với năm 2018, nguyên nhân chủ yếu do khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng. Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3.5 Khả năng sinh lời

Năm 2019, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là 19,3%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là 9,2% cho thấy hiệu quả kinh tế của việc sử dụng tài sản trong năm 2019 là cao, thể hiện năng lực của bộ phận quản lý trong việc cân đối một cách hài hòa, hợp lý giữa vốn chủ sở hữu với nợ phải trả để đảm bảo an toàn tài chính.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4.1 Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức các phòng

Năm 2019, NT2 cơ cấu lại tổ chức các phòng ban theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. NT2 có 06 phòng chức năng và 01 phân xưởng vận hành bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Phòng Thương mại – Thị trường Điện, Phòng An toàn Sức khỏe Môi trường và Phân xưởng vận hành. Các phòng chức năng được phân công nhiệm vụ theo Quyết định số 196/QĐ-CPNT2 ngày 30/05/2019, Quyết định số 85/QĐ-CPNT2 ngày 25/02/2020 cụ thể:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của công ty;
- Xây dựng các quy chế, quy định và các văn bản về các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng;
- Tổ chức xử lý, giải quyết các công việc thuộc nhiệm vụ và theo thẩm quyền của Phòng/Phân xưởng; đề xuất thực hiện các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng;
- Phân tích, tổng hợp, cập nhật thông tin và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty theo định kỳ và/hoặc theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty;
- Tham gia phối hợp với các phòng/phân xưởng liên quan để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng/nhiệm vụ của Phòng/Phân xưởng. Phòng/Phân xưởng chủ trì, chủ động giải quyết công việc, xin ý kiến của Phòng/Phân xưởng liên quan khi thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

4.2 Nâng cao công tác thị trường điện, thương mại

Mục tiêu cốt lõi của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) là sản xuất và kinh doanh điện năng, vì vậy, công tác thị trường điện, nâng cao hiệu quả sản xuất vận hành theo thị trường điện là vô cùng quan trọng.

Vì thế, năm 2019 NT2 đã lập thành Phòng Thương mại – Thị trường điện để nghiên cứu chuyên sâu về thị trường điện để hướng tới thị trường điện bán buôn cạnh tranh trong thời gian tới.

Để tối ưu hoạt động trong thị trường điện thì công tác tăng cường mối quan hệ, phối hợp với các đơn vị quản lý, điều hành hệ thống điện là hết sức quan trọng để vận hành nhà máy một cách hiệu quả nhất.

Công tác nắm bắt thông tin đầy đủ, liên tục và dự báo chuẩn sát tình hình hệ thống điện, thị trường điện để xây dựng kịch bản chào giá tối ưu, lập kế hoạch vận hành nhằm gia tăng tối đa lợi nhuận, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4.3 Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật

❖ Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành

Năm 2019, NT2 tiếp tục vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiệu quả, an toàn, có chiến lược chào giá tốt để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh. NT2 chú trọng vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu; triển khai các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh; nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, áp dụng vào thực tiễn.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành điều khiển tự động, kỹ thuật cao, sử dụng công nghệ tuabin khí, chu trình hỗn hợp thể hệ F. Nâng cấp hệ thống điều khiển SPPA-T3000 để nâng cao tính ổn định cho hệ thống điều khiển nhà máy. NT2 luôn chú trọng đến các hoạt động nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thực tiễn vào nhà máy nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

❖ Tiếp tục công tác nghiên cứu đầu tư phát triển

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh chính, NT2 luôn nghiên cứu và tìm các giải pháp để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, NT2 đang xem xét nghiên cứu thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- Tham gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh theo lộ trình quy định.
- Nghiên cứu sử dụng các nguồn cung cấp khí bổ sung, đảm bảo hoạt động ổn định nhà máy.
- Phối hợp với các nhà máy thuộc Trung tâm điện lực Nhơn Trạch để tìm kiếm cơ hội đầu tư phát triển theo hướng gia tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Nghiên cứu nâng công suất nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu nâng cao hiệu suất các tổ máy; giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.
- Phát triển năng lượng tái tạo để góp phần bảo vệ môi trường và hiệu quả trong việc sử dụng điện tự dùng.

4.4 Áp dụng phương pháp 5S, hệ thống ISO, OHSAS vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhận thức được chương trình 5S là một phương pháp cải tiến đơn giản, dễ hiểu đối với mọi người, dễ thực hiện và ít tốn kém chi phí nhưng thu được hiệu quả rất lớn nên Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã duy trì thực hiện tốt trong 05 năm qua. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

Năm 2019, NT2 tiếp tục duy trì thực hiện và áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Sẵn sàng – Sẵn sàng). CBCNV tham gia lớp học đào tạo đã áp dụng tốt 5S trong toàn Công ty. Sau khi tham gia khóa đào tạo, CBCNV được cung cấp những kiến thức, nguyên tắc cơ bản nhất cũng như những yêu cầu để triển khai áp dụng chương trình đạt kết quả tại từng bộ phận nói chung và toàn công ty nói riêng.

Đồng thời, năm 2019 NT2 vẫn tiếp tục duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và OHSAS 18001 theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn ISO 14001 về Hệ thống quản lý môi trường được ban hành lần đầu vào năm 1996 bởi Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO), tiêu chuẩn ISO 14001 hiện đã có mặt tại 138 quốc gia và vùng lãnh thổ. NT2 là một trong những đơn vị triển khai sớm, thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường hàng đầu của thế giới. Những lợi ích của việc thực hiện tiêu chuẩn này bao gồm giảm sự ảnh hưởng của môi trường, giảm sự lãng phí và việc sử dụng năng lượng cũng như cắt giảm chi phí vận hành doanh nghiệp.

Công ty có các tổ chuyên gia đánh giá nội bộ và đơn vị đánh giá độc lập BSI xem xét đánh giá hàng năm để duy trì hệ thống liên tục. Đồng thời nếu phát hiện ra lỗi/vi phạm thì ngay lập tức sửa chữa kịp thời để đảm bảo Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động an toàn, không có sự cố xảy ra; đảm bảo sức khỏe người lao động.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

4.5 Thay đổi ca kíp vận hành

Thực hiện đúng quy định và đảm bảo điều kiện làm việc cho CBCNV. Năm 2019, NT2 thực hiện chế độ 3 ca 5 kíp để cán bộ vận hành đi ca làm việc 8 giờ/ngày, sau đó đổi ca. Trước đây, NT2 thực hiện vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo chính sách 2 ca 5 kíp trong một ngày. Một ca làm 12 giờ/ ngày, sau đó đổi ca. Việc thay đổi ca kíp vận hành là chính sách quản lý mới, ưu điểm giúp đảm bảo sức khỏe cho người lao động; đặc biệt đảm bảo an toàn trong lúc vận hành máy. Điều này đặc biệt quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì nếu để xảy ra sự cố dừng máy, mỗi ngày Công ty sẽ thiệt hại hơn 20 tỷ đồng.

NT2 luôn đề cao an toàn là trên hết, đồng thời quan tâm đến đời sống người lao động. Đó là vốn quý, là tài sản của Công ty.

5. Kế hoạch phát triển tương lai

5.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

| Stt | Các chỉ tiêu chính | Đvt | KH 2020 |
|-----|-------------------------|--------------------|---------|
| 1 | Sản lượng điện | Tr.kWh | 4.500 |
| 2 | Khối lượng khí tiêu thụ | Tr.Sm ³ | 826,3 |
| 3 | Khối lượng Dầu tiêu thụ | Sm ³ | 3.676 |
| 4 | Tổng Doanh thu | Tỷ VNĐ | 7.177,4 |
| 5 | Tổng Chi phí | Tỷ VNĐ | 6.524,8 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ VNĐ | 652,6 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ VNĐ | 620,02 |
| 8 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 20 |

5.2 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD

5.2.1 Công tác SXKD

- Tăng cường phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo đủ nhiên liệu vận hành theo hướng cân đối giữa sản lượng điện và lợi nhuận SXKD.
- Chủ động tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm.
- Hoàn thiện, ký kết để thanh toán đồng bộ các Hợp đồng sửa đổi bổ sung PPA, GSA đảm bảo hiệu quả cho Công ty.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Triển khai công tác mua sắm vật tư đáp ứng nhu cầu SXKD và chuẩn bị tốt nhất cho công tác Trung tu nhà máy.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

5.2.2 Công tác đầu tư phát triển

- Nghiên cứu nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Xem xét nâng cao hiệu suất các tổ máy, giảm công suất tối thiểu các tổ máy để gia tăng hiệu quả sản xuất điện khi giá thị trường thấp.
- Phát triển năng lượng tái tạo để góp phần bảo vệ môi trường và hiệu quả trong việc sử dụng điện tự dùng.

5.2.3 Công tác khác

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao hiệu suất đảm bảo vận hành ổn định, an toàn nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Thực hiện công tác ASXH phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD và chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các hoạt động đoàn thể.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với Công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 22/01/2008. Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua để đảm bảo các tiêu chí môi trường đạt kết quả tốt nhất.

NT2 với tiêu chí “Thân thiện - Hiệu quả - An toàn” luôn chú trọng phát triển bền vững, nỗ lực trong công tác nguồn nhân lực, an toàn sức khỏe môi trường và đóng góp an sinh xã hội. Bên cạnh thành tích hoạt động kinh doanh hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, trách nhiệm môi trường xã hội của Công ty luôn được quan tâm, nâng cao hàng năm.

Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với công nghệ tiên tiến chu trình hỗn hợp thế hệ F. Ngay từ khâu lựa chọn công nghệ ban đầu, Công ty đã lắp đặt loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Loại vòi đốt này được Siemens phát triển từ năm 1995 để nhằm mục đích giảm độ phát thải NOx và tối thiểu sự phát thải CO bằng chế độ đốt hòa trộn trước.

Hàm lượng khí phát thải như NOx, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện); Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009/BTNMT và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn hoạt động trong quá trình vận hành nhà máy, đảm bảo



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

nước thải đầu ra hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp). Định kỳ mỗi quý Công ty tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành phân tích chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, các số liệu được lưu tại phòng ATSKMT.

Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị đặt trong khuôn viên nhà máy. Trong quá trình xây dựng, các khu vực trên đã được thiết kế giảm thiểu độ ồn, độ rung sao cho đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Công ty lập và thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị vận hành để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung phát sinh, đồng thời trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân chống ồn cho công nhân làm việc trong nhà máy đặc biệt tại các khu vực có độ ồn cao. Ngoài ra, Công ty còn giảm thiểu tiếng ồn bằng hình thức xây tường bao quanh, trồng cây xanh.

Chính vì vậy, các chỉ tiêu do các hoạt động xả nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của nhà máy luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Hiện nay, Công ty thiết lập và duy trì hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004.

Việc áp dụng tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001 thể hiện sự quan tâm của NT2 đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

Về công tác thực hành tiết kiệm trong năm qua được đánh giá cao. Trong năm 2019, mục tiêu tiết giảm các chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng, chi phí quản lý, tiết giảm từ quản lý đầu tư xây dựng ... đều vượt chỉ tiêu đề ra với tổng 107,52 tỷ đồng.

Về công tác sử dụng tiết kiệm năng lượng cũng là yếu tố trọng tâm trong đánh giá môi trường. Trong đó, nhiên liệu khí tiết kiệm được 555,905 tr.BTU, điện tự dùng tiết kiệm được 5.764.819 kWh, dầu DO 605 lít.

- + NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng.
- + NT2 ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng.
- + NT2 lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch năng lượng 05 năm (từ năm 2016 - 2020).

- Các vấn đề về môi trường:

Công ty luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- + Thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật và ĐTM.
- + Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012.
- + Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.
- + Công ty đã được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 ngày 20/10/2014 và sau khi đánh giá lại hệ thống, BSI đã tái cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và OHSAS 18001 cho Công ty.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

NT2 luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển Công ty. Vì vậy, Công tác phát triển, nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đặc biệt quan tâm và xem đó là nhân tố quyết định mọi thành bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Là Công ty sản xuất và kinh doanh hoạt động đặc thù, NT2 luôn xác định người lao động là tài sản quý, là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong những năm qua NT2 không chỉ thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, Công ty còn hỗ trợ các chế độ ưu tiên khác cho người lao động như phụ cấp xe cộ, phụ cấp tiền ăn, hỗ trợ nhà ở...

Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương, thưởng hấp dẫn, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, năng động trong công việc mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công ty, Công ty nêu cao vai trò của người lao động nhằm khơi dậy khả năng sáng tạo, chủ động các công tác của người lao động. Với phương châm "Thân thiện, hiệu quả, an toàn", Công ty CP ĐLDK Nhơn Trạch 2 chủ động xây dựng môi trường làm việc thân thiện, trang thiết bị đầy đủ, khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực chuyên môn, khả năng sáng tạo trong công việc.

Công ty tổ chức Bộ phận Y tế phục vụ khám bệnh, cấp phát thuốc và sơ cứu cấp cứu, đồng thời thực hiện đầy đủ các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe của người lao động luôn được chăm sóc tốt nhất.

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường luôn được đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo huấn luyện và diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ mát hàng năm để CBCNV có kỳ nghỉ dưỡng đủ dài giúp tái tạo sức lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng các thực phẩm bổ dưỡng trong quá trình lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Vấn đề an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng luôn thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 bên cạnh sản xuất kinh doanh hiệu quả, thì trách nhiệm với cộng đồng địa phương luôn được quan tâm. NT2 luôn lấy lợi ích cộng đồng là khởi sự cho mọi hoạt động. Hàng năm, Công ty luôn đồng hành cùng các chương trình an sinh xã hội, đóng góp 8,3 tỷ đồng năm 2015; 10,37 tỷ đồng năm 2016; 579 triệu năm 2017; 7,26 tỷ năm 2018; 1,1 tỷ năm 2019 cho các hoạt động: xây nhà tình thương, ủng hộ hộ nghèo, xây dựng trường học...

Các hoạt động thiện nguyện của NT2 thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp dẫn đầu ngành điện. Hàng năm, Công ty phát động phong trào hiến máu cứu người và thực hiện định kỳ. Tất cả các phong trào quyên góp, làm thêm tình nguyện để ủng hộ quỹ tương trợ đồng bào thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ kinh tế cho địa phương đều được NT2 đóng góp với tinh thần tương thân, tương ái.

Luôn nỗ lực vì sự phát triển chung cùng cộng đồng và xã hội, NT2 trong nhiều năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, đó là



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

định hướng phát triển xuyên suốt của NT2 trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

V. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của Công ty để thực hiện, kiểm tra, giám sát; đồng thời hỗ trợ Ban điều hành Công ty trong quá trình triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định chỉ đạo Ban Điều hành (BDH) triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả. Mặc dù năm 2019 là một năm khó khăn chung của ngành Điện lực Dầu khí do Qc năm 2019 thấp hơn các năm trước, tình hình mưa bão thất thường, nguồn khí bị suy giảm mạnh nhưng NT2 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: (i) đạt mốc sản lượng điện 40 tỷ kWh vào ngày 13/11/2019 sau 08 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện sản xuất từ khi vận hành đến ngày 31/12/2019 đạt 40,61 tỷ kWh; (ii) công tác bảo dưỡng sửa chữa tiểu tu Nhà máy đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối không có tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị, vượt tiến độ 02 ngày; (iii) tổng doanh thu năm 2019 đạt 7.740,81 tỷ đồng vượt 103,5% KH, lợi nhuận sau thuế đạt 754,17 tỷ đồng đạt 101,5% KH.

NT2 tiếp tục khẳng định được thương hiệu là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc biệt trên thị trường phát điện cạnh tranh, thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được hoạch định; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn sức khỏe môi trường và chính sách pháp luật trong quá trình hoạt động.

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các chỉ số tài chính năm 2019 đều phản ánh sức mạnh tài chính và bền vững của Công ty.

2. Về hoạt động của Ban Điều hành

Sau gần 08 năm vận hành thương mại, ngày 13/11/2019, NT2 đạt mốc 40 tỷ kWh, tiếp tục khẳng định sứ mệnh đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước, khẳng định đóng góp quan trọng của mình trong hệ thống điện quốc gia, đặc biệt ổn định lưới điện tại khu vực miền Nam.

Để đạt được các thành tích trong sản xuất kinh doanh, Ban Giám đốc đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Điều hành đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD. Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn có sự nhất trí cao, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban Điều hành năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, góp phần to lớn làm nên những thành công đáng tự hào của Công ty trong năm qua.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Sự ổn định và phát triển của Công ty trong năm 2019 có phần đóng góp rất quan trọng từ những nỗ lực và các giải pháp điều hành của Ban Điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Điều hành đã nỗ lực chỉ đạo trong hoạt động SXKD nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020

Căn cứ hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và tình hình thị trường điện cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thành công.
- Chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chỉ đạo công tác Trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoàn thành đúng tiến độ, tiết kiệm, an toàn.
- Chỉ đạo củng cố, tăng cường cơ cấu đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện, Thương mại hợp đồng ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời, đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban Điều hành và Công ty đúng chức năng của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

| Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|----------------------|-----------------|--------------------|--------|
| Ông Ưông Ngọc Hải | Chủ tịch HĐQT | 42.170 | 0,015% |
| Ông Ngô Đức Nhân | Thành viên HĐQT | 51.704 | 0,018% |
| Ông Trần Quang Thiên | Thành viên HĐQT | 8 | 0% |
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên HĐQT | 0 | 0% |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên HĐQT | 24.510 | 0,009% |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

1.2 Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2019

| Họ và Tên | Chức vụ | Thời gian làm việc | Lý do thay đổi |
|----------------------|-----------------|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên HĐQT | 24/4/2019-31/12/2019 | Tham gia TV.HĐQT theo QĐ số 17/QĐ-CPNT2 ngày 24/4/2019 |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên HĐQT | 27/4/2017 - 24/4/2019 | Không còn tham gia TV.HĐQT theo NQ số 08/NQ-CPNT2 ngày 24/4/2019 |

1.3 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đối với các công việc quan trọng, cần nguồn nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

| Họ và Tên | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự |
|----------------------|-----------------------|------------------|---------------|---------------------|
| Ông Ưông Ngọc Hải | Chủ tịch | 03 | 100% | |
| Ông Ngô Đức Nhân | Thành viên – Giám đốc | 03 | 100% | |
| Ông Trần Quang Thiên | Thành viên | 03 | 100% | |
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên | 03 | 100% | |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên | 03 | 100% | |

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên. Ban hành 18 Nghị quyết và 76 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, cụ thể một số Nghị quyết, Quyết định như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| STT | Số NQ/QĐ | Ngày ký | Nội dung |
|-------------------|-------------|------------|---|
| NGHỊ QUYẾT | | | |
| 1 | 02/NQ-CPNT2 | 7/3/2019 | NQ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của NT2 |
| 2 | 04/NQ-CPNT2 | 27/3/2019 | NQ họp HĐQT ngày 27/03/2019 |
| 3 | 05/NQ-CPNT2 | 8/4/2019 | NQ điều chỉnh bổ sung chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2019- Hình thức cử bổ sung thành viên HĐQT |
| 4 | 08/NQ-CPNT2 | 24/4/2019 | NQ miễn nhiệm thành viên HĐQT NT2- Nguyễn Thị Hà |
| 5 | 11/NQ-CPNT2 | 31/7/2019 | NQ họp HĐQT thường niên lần 2 năm 2019 |
| 6 | 13/NQ-CPNT2 | 8/8/2019 | NQ thông qua chủ trương thực hiện trung tu mở rộng NMD NT2 tại 75.000 EOH năm 2020 |
| 7 | 18/NQ-CPNT2 | 22/11/2019 | NQ họp HĐQT lần 3 ngày 22/11/2019 của NT2 |
| QUYẾT ĐỊNH | | | |
| 1 | 06/QĐ-CPNT2 | 31/1/2019 | QĐ phê duyệt phương án thanh lý TSCĐ của NT2 |
| 2 | 11/QĐ-CPNT2 | 28/03/2019 | QĐ hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của NT2 |
| 3 | 16/QĐ-CPNT2 | 24/4/2019 | QĐ bổ nhiệm chức danh PGĐ NT2- Nguyễn Thị Hà |
| 4 | 17/QĐ-CPNT2 | 24/4/2019 | QĐ thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách |
| 5 | 23/QĐ-CPNT2 | 8/5/2019 | QĐ phê duyệt định mức Kinh tế kỹ thuật cho NMD NT2 năm 2019 |
| 6 | 31/QĐ-CPNT2 | 30/5/2019 | QĐ phê duyệt chi tiết kế hoạch HĐ SXKD năm 2019 của NT2 |
| 7 | 34/QĐ-CPNT2 | 10/6/2019 | QĐ phân công nhiệm vụ HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 |
| 8 | 36/QĐ-CPNT2 | 18/6/2019 | QĐ phê duyệt danh mục tài sản cố định và CCDC hư hỏng hết khấu hao tiến hành thanh lý |
| 9 | 37/QĐ-CPNT2 | 19/6/2019 | QĐ phê duyệt KQ LCDV cung cấp dịch vụ và nội dung HĐ soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán BCTC năm 2019 |
| 10 | 50/QĐ-CPNT2 | 6/8/2019 | QĐ phê duyệt nội dung hồ sơ mời sơ tuyển để lựa chọn danh sách ngắn các nhà thầu ký HĐ khung cung cấp nhiên liệu Dầu DO cho NMD NT2 |
| 11 | 51/QĐ-CPNT2 | 9/8/2019 | QĐ thành lập hội đồng thanh lý tài sản của NT2 |
| 12 | 52/QĐ-CPNT2 | 12/8/2019 | QĐ phê duyệt phương án thanh lý tài sản |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

| | | | |
|----|-------------|------------|---|
| 13 | 53/QĐ-CPNT2 | 30/9/2019 | QĐ phê duyệt KQ đánh giá HSDT để lựa chọn các nhà thầu ký HĐ khung cung cấp nhiên liệu dầu DO cho NMD NT2 |
| 14 | 54/QĐ-CPNT2 | 16/10/2019 | QĐ bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty |
| 15 | 60/QĐ-CPNT2 | 24/10/2019 | QĐ phê duyệt sửa đổi, bổ sung quy chế trả lương |
| 16 | 62/QĐ-CPNT2 | 25/10/2019 | QĐ phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu ký HĐ khung cung cấp nhiên liệu dầu DO cho NMD NT2 |
| 17 | 72/QĐ-CPNT2 | 21/11/2019 | QĐ phê duyệt sửa đổi, bổ sung, cập nhật quy chế thi đua khen thưởng của NT2 |

1.5 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2019 về việc phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của Công ty trong Hội đồng quản trị NT2 nhiệm kỳ 2017 – 2022. Theo đó, Hội đồng quản trị đã phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Trong năm 2019, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với trách nhiệm cao, chỉ đạo sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được phân công, góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019.

1.6 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã phê duyệt, ban hành 18 Nghị quyết và 76 Quyết định về mua sắm vật tư thiết bị, các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các quyết định/nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành rất khẩn trương, kịp thời để đảm bảo công tác mua sắm hàng hóa được thực hiện đúng quy định, đầy đủ, tiết kiệm và hiệu quả.

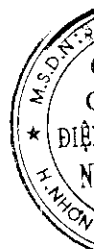
Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công tại Bảng phân công nhiệm vụ ban hành tại Quyết định số 34/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2019 nên hoạt động của HĐQT mang lại hiệu quả rất tích cực. Việc giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự... luôn được kịp thời.

Việc cho ý kiến góp ý về các nội dung theo Phiếu xin ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT trên cơ sở đề xuất của BDH được thực hiện đầy đủ, kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho BDH thực hiện tốt kế hoạch hoạt động SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, BKS đều được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và BDH có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của HĐQT và Giám đốc nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.

1.7 Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị Công ty

Công ty luôn chú trọng trong công tác bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao kiến thức cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cũng như Cán bộ công nhân viên Công ty, đặc biệt là kiến thức về Quản trị





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

| Họ và Tên | Chức vụ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|---------------------|----------------------|--------------------|--------|
| Ông Nguyễn Hữu Minh | Trưởng ban Kiểm soát | 52.844 | 0,018% |
| Ông Nguyễn Văn Kỳ | Kiểm soát viên | 0 | 0% |
| Ông Trần Quốc Hùng | Kiểm soát viên | 0 | 0% |

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

2.2.1 Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát

| Họ và Tên | Chức vụ | Số buổi họp BKS | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự |
|---------------------|----------------|-----------------|---------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Minh | Trưởng BKS | 04 | 100% | - |
| Ông Nguyễn Văn Kỳ | Kiểm soát viên | 04 | 100% | - |
| Ông Trần Quốc Hùng | Kiểm soát viên | 04 | 100% | - |

2.2.2 Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2019, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BDH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, việc thực hiện các quy chế, quy trình. Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty, các cuộc họp HĐQT. Phối hợp với HĐQT, BDH trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành SXKD.

2.3 Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

2.3.1 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với HĐQT và BDH nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BDH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Trong năm, Công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động SXKD, BKS cũng không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức... được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

2.3.2 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Công ty

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHCĐ. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết và 76 Quyết định trong năm 2019, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

❖ Hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành (BĐH) luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

BĐH đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của BĐH đều có sự tham gia của BKS, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được BĐH phản hồi đầy đủ và kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

3.1 Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát.

3.2 Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với Công ty | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Trần Quang Thiên | Người nội bộ của Công ty | 6.684 | 0,002% | 14 | 0% | Bán cổ phiếu |
| 2 | Nguyễn Hữu Minh | Người nội bộ của Công ty | 82.844 | 0,029% | 52.844 | 0,018% | Bán cổ phiếu |
| 3 | Nguyễn Văn Kỳ | Người nội bộ của Công ty | 9.560 | 0,003% | 0 | 0% | Bán cổ phiếu |



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con

Không có.

3.4 Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2007, trở thành công ty đại chúng từ năm 2009 và cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2015. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BĐH luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất và kinh doanh điện, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động SXKD của Công ty.

VII. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan về phát triển bền vững

Xã hội càng phát triển thì vấn đề phát triển bền vững càng cần đề cao. "Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học" (Chiến lược bảo tồn Thế giới – 1980).

Đây là mục tiêu hướng tới nhiều quốc gia trên thế giới. Mỗi quốc gia sẽ dựa theo đặc thù kinh tế, xã hội, chính trị, địa lý, văn hóa... riêng để hoạch định chiến lược phù hợp nhất với quốc gia đó. Vấn đề phát triển bền vững là nhu cầu tất yếu và là thách thức cho mọi quốc gia trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Các nước phát triển và đang phát triển thì vấn đề này càng được đặt ra nhức nhối.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh liên hiệp quốc về phát triển bền vững tại New York - Mỹ vào năm 2015, các thành viên Liên hiệp quốc trong đó có Việt Nam đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu.

Phát triển bền vững có tác động qua lại lẫn nhau giữa các yếu tố: Con người, xã hội và môi trường. Giải quyết các vấn đề trên một cách toàn diện gồm phát triển kinh tế, quan tâm về môi trường và trách nhiệm với xã hội, phát triển nguồn nhân lực. Ở đây con người luôn là trọng tâm trong các vấn đề phát triển bền vững. Các doanh nghiệp tại Việt Nam cần đặt ra các mục tiêu sản xuất hiệu quả đồng thời chú ý đến vấn đề môi trường, an sinh xã hội, con người.

Qua 12 năm phát triển, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 luôn hướng đến sản xuất hiệu quả gắn liền với phát triển bền vững. Ngoài các mục tiêu doanh thu, lợi nhuận hằng năm, Công ty còn đóng góp lớn đến an sinh xã hội với nguồn đóng ngân sách lên tới hơn 2.200 tỷ đồng. Công ty quan tâm đến vấn đề môi trường và bố trí một phòng ban với nhiều cán bộ làm công tác chuyên trách về môi trường. Đặc biệt, yếu tố con người là CBCNV Công ty, cổ đông, đối tác đều được Công ty xem trọng. Vấn đề phát triển bền vững là xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2 thông qua việc triển khai thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí, mỗi việc làm của người lao động đều hướng tới một tương lai tốt đẹp, bền vững.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

2. Ứng xử của các bên liên quan

2.1 Đối với cổ đông

NT2 luôn đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông trong suốt thời gian hoạt động. Công ty công khai thông tin minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, công bố thông tin kịp thời đến cổ đông.

Hàng tháng, NT2 đều cập nhật hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm sản lượng điện, doanh thu, các sự kiện, hoạt động chính của công ty để cổ đông kịp thời nắm bắt thông tin.

NT2 thanh toán cổ tức đều đặn đến cổ đông, khoảng 25%/ năm.

2.2 Đối với đối tác

Với phương châm “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, NT2 luôn giữ mối quan hệ hài hòa với các bên đối tác; hợp tác hai bên cùng có lợi, đảm bảo lợi ích chung. Để đảm bảo phát điện ổn định, Trong quá trình hoạt động, NT2 luôn phối hợp chặt chẽ với bên điều độ và truyền tải điện, cùng các đơn vị liên quan là EVN và PVGas, cung cấp điện ổn định cho hệ thống điện hiệu quả tốt nhất. Đồng thời, NT2 từng bước cập nhật các thông tin, quy định, sẵn sàng tham gia thị trường điện bán buôn khi được triển khai.

2.3 Đối với chính phủ

Công ty tuân thủ các quy định của nhà nước và pháp luật. NT2 đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, tập trung vào giá trị cốt lõi sản xuất và kinh doanh điện năng; không đầu tư dàn trải, gây thất thoát lãng phí như thực tế các đơn vị đã diễn ra.

Nguồn điện từ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. NT2 thực hiện các ca kíp vận hành nhà máy liên tục 24/7 đảm bảo cung cấp điện nhanh khi hệ thống cần, đặc biệt là những lúc cao điểm của hệ thống.

2.4 Đối với cộng đồng

Công tác an sinh xã hội, trách nhiệm với cộng đồng luôn là nhiệm vụ được NT2 đề cao. Năm 2019, NT2 đã nộp ngân sách 297,45 tỷ đồng. Qua 08 năm vận hành thương mại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty đã nộp ngân sách hơn 2.500 tỷ đồng. Công tác an sinh xã hội được thực hiện đều đặn hàng năm. Công ty thường xuyên tặng quà, hỗ trợ các gia đình khó khăn tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. Năm 2019, NT2 tiếp tục thực hiện chương trình an sinh xã hội - Tài trợ cho huyện Thạch Hà, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa và Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 22/05/2018 của Hội đồng quản trị NT2. Số tiền hỗ trợ công tác an sinh xã hội qua các năm như sau:

| Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|--------------|-------------|---------------|--------------|--------------|--------------|
| 3,53 tỷ đồng | 8,3 tỷ đồng | 10,37 tỷ đồng | 0,58 tỷ đồng | 7,26 tỷ đồng | 1,10 tỷ đồng |

2.5 Đối với môi trường

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) thực hiện kiểm tra thường xuyên công tác môi trường và có báo cáo định kỳ cho các bên liên quan. Cụ thể, tại NT2 công tác kiểm soát quan trắc môi trường được thực hiện thường xuyên như sau:

- Tần suất quan trắc các chỉ tiêu môi trường: định kỳ 3 tháng/lần.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

- Tần suất lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường: định kỳ 3 tháng/lần.

Kết quả quan trắc môi trường năm 2019 được thực hiện nhằm mục đích đánh giá chất lượng môi trường Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Kết quả giám sát môi trường là cơ sở để theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, cũng như có các biện pháp giảm thiểu và xử lý các tác động môi trường tiêu cực.

NT2 luôn tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường và được các cơ quan hữu quan đánh giá cao về kết quả thực hiện bảo vệ môi trường của NT2.

3. Công tác an toàn Sức khỏe và Bảo vệ môi trường

3.1 Duy trì và cải tiến hệ thống An toàn Sức khỏe Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

Các doanh nghiệp hoạt động đều có những tác động đến môi trường nhất định với những mức độ ảnh hưởng khác nhau dựa trên loại hình, quy mô, xả thải Và NT2 cũng không là ngoại lệ. Tuy nhiên, NT2 đã kiểm soát các rủi ro quản lý, giảm thiểu tác động lên môi trường của mình. NT2 đã nhiều năm áp dụng tốt và năm 2019 vẫn tiếp tục duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và OHSAS 18001 theo tiêu chuẩn quốc tế. Tiêu chuẩn ISO 14001 về Hệ thống quản lý môi trường được ban hành lần đầu vào năm 1996 bởi Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa (ISO), tiêu chuẩn ISO 14001 hiện đã có mặt tại 138 quốc gia và vùng lãnh thổ. NT2 là một trong những đơn vị triển khai sớm, thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 14001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường hàng đầu của thế giới. Những lợi ích của việc thực hiện tiêu chuẩn này bao gồm giảm sự ảnh hưởng của môi trường, giảm sự lãng phí và việc sử dụng năng lượng cũng như cắt giảm chi phí vận hành doanh nghiệp.

Công ty có bộ phận các tổ chuyên gia đánh giá nội bộ và đơn vị đánh giá độc lập BSI xem xét đánh giá hàng năm để duy trì hệ thống liên tục. Đồng thời nếu phát hiện ra lỗi/vi phạm thì ngay lập tức sửa chữa kịp thời để đảm bảo Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoạt động an toàn, không có sự cố xảy ra; đảm bảo sức khỏe người lao động nên hàng năm NT2 đều được đánh giá cao về Công tác An toàn lao động.

3.2 Tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng khi áp dụng phương pháp 5S

Môi trường làm việc rất quan trọng đối với người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty. Để tạo môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và khoa học, NT2 đã áp dụng phương pháp 5S. Chương trình 5S là một phương pháp cải tiến đơn giản, dễ hiểu đối với mọi người, dễ thực hiện và ít tốn kém chi phí nhưng thu được hiệu quả rất lớn nên Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) đã duy trì thực hiện tốt trong 05 năm qua. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

Năm 2019, NT2 tiếp tục duy trì thực hiện và áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sóc – Sẵn sàng). CBCNV tham gia lớp học đào tạo đã áp dụng tốt 5S trong toàn Công ty. Sau khi tham gia khóa đào tạo, CBCNV được cung cấp những kiến thức, nguyên tắc cơ bản nhất cũng như những yêu cầu để triển khai áp dụng chương trình đạt kết quả tại từng bộ phận nói chung và toàn công ty nói riêng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

3.3 Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) thực hiện tốt công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị. Định kỳ hàng tháng, NT2 kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; Thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.

Tại NT2, công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành Nhà máy. Tham gia Hội thao ATVSLĐ – PCCN lần thứ XI và Hội nghị ATSKMT lần X của PV Power tổ chức vào tháng 05/2019 tại Cà Mau. Tổ chức diễn tập PCCC cứu hộ cứu nạn và ứng phó sự cố tràn dầu có sự phối hợp nhiều lực lượng; tổ chức tuyên truyền về ngày Môi trường Thế giới 05/06/2019. Ngày 17/12/2019, NT2 diễn tập Phòng cháy chữa cháy tại Nhà công vụ NT2.

NT2 thường xuyên kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

NT2 hoàn thành công tác kiểm tra an toàn công trình nhà xưởng, biển báo trước mùa mưa năm 2019. NT2 kiểm tra quy trình/quy phạm kỹ thuật, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động và an toàn điện cho CBCNV năm 2019. Đồng thời, trong năm 2019 NT2 hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc online cho hệ thống nước thải làm mát; hoàn thành phát quang phòng chống cháy lan. Để đảm bảo an toàn, NT2 liên tục kiểm tra điện trở tiếp địa toàn nhà máy; đồng thời Công ty cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân năm 2019 cho toàn thể CBCNV.

3.4 Công tác bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2). Công tác quan trắc chất lượng môi trường nhằm đánh giá khả năng tác động của hoạt động sản xuất đến sức khỏe con người cũng như ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh.

Đây cũng là định hướng trong quá trình phát triển của Công ty. Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững của toàn cầu và thực hiện theo yêu cầu đối với Công ty tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2” số 132/QĐ – BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008. NT2 đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, nước mặt trong năm qua thực hiện lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2019. Công tác quan trắc môi trường bao gồm:

- Thống kê các nguồn phát sinh nước thải, chất thải, khí thải từ các hoạt động sản xuất, xác định số lượng chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải...) phát sinh của Nhà máy;
- Khảo sát, thu thập thông tin về các công tác bảo vệ môi trường đã và đang được thực hiện tại Nhà máy;
- Quan trắc thông số tiếng ồn và độ rung trong không khí xung quanh và khu vực sản xuất;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong khí thải tại nguồn thải;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước thải;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước thải làm mát;
- Quan trắc các thông số ô nhiễm trong nước mặt.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Năm 2019, Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Ngoài ra, công ty còn tích cực xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp, trồng nhiều cây xanh quanh khuôn viên Công ty.

4. Sử dụng tài nguyên hiệu quả

4.1 Sử dụng năng lượng hiệu quả

NT2 sử dụng năng lượng hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang.

Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc văn phòng có tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Công tác chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tắc vị trí đó được bật. Phòng làm việc thiết kế đều đón được ánh sáng ban ngày nên tiết kiệm được năng lượng. Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy; Sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Để tiết kiệm năng lượng, NT2 dần chuyển đổi sang sử dụng đèn Led tiết kiệm điện năng tiêu thụ lên đến 50%. Tuổi thọ đèn Led cao trên 45.000 giờ, sẽ giảm chi phí bảo trì thay thế. Bên cạnh đó, đèn Led không chứa các chất độc hại, do vậy không tốn chi phí xử lý rác thải nguy hại.

4.2 Sử dụng nước

Nguồn nước chính được cung cấp từ sông Đồng Tranh nằm bên cạnh NT2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng nước nguồn nước này làm mát và vận hành nhà máy. Tổng lượng nước sử dụng nước làm mát năm 2019 là 361.743.750 m³.

Nước sinh hoạt được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp nước Đồng Nai cung cấp để sử dụng làm nước sinh hoạt và để tạo nước khử khoáng phục vụ cho sản xuất điện bằng tuabine hơi. Lượng nước sinh hoạt tiêu thụ năm 2019 của NT2 là 82.680 m³.

Để tiết kiệm và tránh lãng phí nước, NT2 kiểm tra đường ống thường xuyên tránh thất thoát nước, lắp đặt đồng hồ nước có kiểm định, theo dõi thống kê hàng tháng, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước. NT2 thường xuyên kiểm tra các đường ống xem có bị rò rỉ hay không, tiến hành kiểm tra số nước trên công tơ trước và sau 2 giờ không sử dụng nước. Nếu phát hiện bị rò rỉ sẽ sửa chữa ngay để tránh thất thoát nước. Ngoài ra, NT2 hằng năm lập kế hoạch, định mức nước sử dụng cho nhà máy và nước sinh hoạt

NT2 được Bộ tài nguyên môi trường cấp giấy phép số 2564/GP-BTNMT ngày 14/11/2014 về việc cục thẩm định đã thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước mặt. Công ty đã xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật. Định kỳ hàng quý, NT2 đóng đầy đủ phí xả nước thải vào nguồn nước.

Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, Nhà máy điện Nhơn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Trạch 2 được lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải sinh hoạt, nước làm mát và nước thải công nghiệp... Việc quan trắc được tiến hành thường xuyên, tần suất và vị trí quan trắc tuân thủ theo đúng yêu cầu đã được phê duyệt.

5. Chăm lo đời sống người lao động

5.1 Chế độ lương và phúc lợi

Hiện nay, NT2 đang thực hiện công tác lao động tiền lương và các chế độ chính sách tuân thủ theo quy định của Pháp luật hiện hành gồm: Trả lương cho người lao động, chi trả khen thưởng, phúc lợi, thưởng vận hành an toàn cho CBCNV Công ty.

Việc thực hiện chi trả cho người lao động thông qua quy chế lương, quy chế thưởng vận hành an toàn, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ và thỏa ước lao động tập thể ... được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

Về thu nhập, đời sống vật chất tinh thần của NLĐ được ổn định; việc thanh toán lương và các chế độ khác cho NLĐ được trả đúng quy định không bị chậm trễ lương. Các chế độ của NT2 nhìn chung đáp ứng nhu cầu, tạo điều kiện gắn bó người lao động, tạo động lực cho người lao động phấn đấu thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ; cách tính:

- Làm thêm giờ vào ngày thường được trả bằng 150%;
- Làm thêm giờ vào các ngày nghỉ hàng tuần được trả bằng 200%;
- Làm thêm giờ vào ngày Lễ, ngày Tết được trả bằng 300%.
- CBCNV làm việc vào ban đêm từ 22h đến 06h sáng, ngoài số tiền trả cho những giờ làm đêm còn được hưởng chế độ phụ cấp làm đêm với mức 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường;
- Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định thì người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động:
- CBCNV nghỉ phép được hưởng nguyên lương, bao gồm cả lương cơ bản và lương chức danh trong thời gian được nghỉ theo quy định của Bộ Luật lao động;
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động. Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Không có

5.2 Chế độ đào tạo và phát triển

Để phát triển nguồn nhân lực, Công ty tập trung vào công tác đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công nhân viên. Hằng năm, công ty lập kế hoạch đào tạo. NT2 đã xây dựng Quy trình Đào tạo theo Quyết định số 84/QĐ - CPNT2 ngày 25/02/2014. Năm 2019, NT2 có 200 lượt người được đi đào tạo với chi phí gần 1,405 tỷ đồng.

Công ty luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất kinh doanh.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

Bên cạnh đó, Công ty ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

100% NLĐ tại NT2 làm việc đều ký HĐLĐ, có việc làm, ổn định thu nhập, làm việc trong môi trường hài hòa, thân thiện. Các chế độ, đảm bảo NLĐ làm việc tại Công ty được thực hiện đầy đủ quyền lợi theo quy định của pháp luật về tiền lương, thời gian làm việc, nghỉ ngơi, BHXH, BHYT và các phúc lợi xã hội khác.

Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 186 người, trong đó: Số người đã tham gia: 186, số người chưa tham gia: 0

Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội hàng tháng, số tiền còn chậm đóng: không có.

Mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care cho CBCNV cụ thể như sau: năm 2017: mua bảo hiểm PVI Care cho 185 CBCNV với số tiền là: 684.860.000 đồng; năm 2018: mua bảo hiểm PVI Care cho 183 CBCNV với số tiền là: 673.207.700 đồng; năm 2019: mua bảo hiểm PVI Care cho 186 CBCNV với số tiền là: 687.987.850 đồng.

Thêm vào đó, NT2 còn mua Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ trả sau cho người lao động.

5.3 Quan hệ xã hội và phát triển cộng đồng

Về công tác An sinh xã hội, NT2 luôn tích cực hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, đóng góp một phần tiền của vật chất từ lương, từ làm thêm ngày để ủng hộ Quỹ tương trợ Dầu khí, Quỹ vì thế hệ trẻ, Quỹ nghĩa tình đồng đội, đồng bào bị thiên tai lũ lụt. Ngoài ra, NT2 còn tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình thương cho địa phương nơi Công ty hoạt động. Năm 2019, NT2 thực hiện An sinh xã hội 1,1 tỷ đồng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ – AN TOÀN

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

[Signature] **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *[Signature]*



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Ngô Đức Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 7 - 31 |

1/57 XH/CC/06

M.S.C.M.
QUA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|---|
| Ông Ưông Ngọc Hải | Chủ tịch |
| Ông Lương Ngọc Anh | Thành viên |
| Ông Trần Quang Thiên | Thành viên |
| Ông Ngô Đức Nhân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Công Dũng | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019) |
| Bà Hồ Xuân Lan | Phụ trách quản trị (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 10 năm 2019) |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Ngô Đức Nhân | Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019) |
| Ông Trần Quang Mẫn | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hải | Phó Giám đốc |
| Ông Trịnh Việt Thắng | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

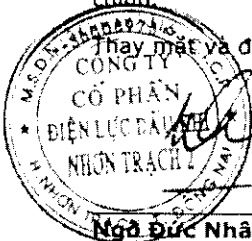
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2020

Số: 0344 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 02 năm 2020 từ trang 3 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 02 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1503-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--|--------------------------|--|
| | | | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.416.097.046.445 | | 2.847.184.716.466 | |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 450.964.667.264 | | 65.113.935.464 | |
| 1. Tiền mặt | 111 | | 64.667.264 | | 113.935.464 | |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 450.900.000.000 | | 65.000.000.000 | |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5 | 200.490.790.416 | | 490.790.416 | |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 200.490.790.416 | | 490.790.416 | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.458.799.421.394 | | 2.520.283.326.109 | |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 1.358.823.860.968 | | 2.418.135.156.945 | |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 55.769.700.389 | | 59.655.001.355 | |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 44.205.860.037 | | 42.493.167.809 | |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 302.120.863.600 | | 260.944.383.187 | |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 302.120.863.600 | | 260.944.383.187 | |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.721.303.771 | | 352.281.290 | |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14 | 3.721.303.771 | | 352.281.290 | |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 5.148.014.782.469 | | 6.005.061.880.025 | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | | 37.652.707.000 | |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | - | | 37.652.707.000 | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.876.270.935.632 | | 5.562.194.064.499 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 4.852.808.179.496 | | 5.537.595.973.136 | |
| - Nguyên giá | 222 | | 11.323.753.071.377 | | 11.321.609.002.973 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.470.944.891.881) | | (5.784.013.029.837) | |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 23.462.756.136 | | 24.598.091.363 | |
| - Nguyên giá | 228 | | 31.338.217.421 | | 30.948.217.421 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (7.875.461.285) | | (6.350.126.058) | |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.416.854.546 | | 2.823.218.182 | |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 1.416.854.546 | | 2.823.218.182 | |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | | - | |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 13 | 11.140.000.000 | | 11.140.000.000 | |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 13 | (11.140.000.000) | | (11.140.000.000) | |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 270.326.992.291 | | 402.391.890.344 | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 266.389.947.120 | | 402.391.890.344 | |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 3.937.045.171 | | - | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 7.564.111.828.914 | | 8.852.246.596.491 | |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Thuyết Mã số minh | | |
|--|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 3.437.173.186.726 | 5.168.770.638.766 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 2.943.846.558.591 | 3.572.245.492.195 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 15 | 195.065.745.117 | 572.609.017.004 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 16 | 174.983.386.609 | 176.769.137.959 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | 16.288.324.912 | 24.300.415.140 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 17 | 863.837.333.400 | 1.093.904.647.256 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 18 | 334.398.690.285 | 305.244.963.679 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 19 | 1.349.778.209.321 | 1.390.766.996.596 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 9.494.868.947 | 8.650.314.565 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 493.326.628.135 | 1.596.525.146.571 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 20 | 492.334.203.239 | 1.558.084.380.674 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 21 | 992.424.896 | 38.440.765.897 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 4.126.938.642.188 | 3.683.475.957.725 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 22 | 4.126.938.642.188 | 3.683.475.957.725 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 2.878.760.290.000 | 2.878.760.290.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 2.878.760.290.000 | 2.878.760.290.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | (457.500.000) | (457.500.000) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 137.294.913.354 | 137.294.913.354 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 1.111.340.938.834 | 667.878.254.371 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | 645.046.254.371 | 576.622.436.326 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | 466.294.684.463 | 91.255.818.045 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | 7.564.111.828.914 | 8.852.246.596.491 |

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày 29 tháng 02 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | | 7.653.692.325.777 | 7.669.729.160.697 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01) | 10 | 25 | 7.653.692.325.777 | 7.669.729.160.697 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | | 6.679.293.388.147 | 6.654.451.869.419 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11) | 20 | | 974.398.937.630 | 1.015.277.291.278 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 47.778.061.156 | 73.337.270.543 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 28 | 168.157.004.139 | 192.478.641.344 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 87.817.040.732 | 104.764.750.280 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 86.799.874.992 | 101.406.946.078 |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | 767.220.119.655 | 794.728.974.399 |
| 9. Thu nhập khác | 31 | 30 | 39.339.930.354 | 30.903.698.331 |
| 10. Chi phí khác | 32 | | 9.171.800.550 | 1.803.847.025 |
| 11. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 30.168.129.804 | 29.099.851.306 |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 797.388.249.459 | 823.828.825.705 |
| 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 31 | 47.154.581.167 | 40.506.485.956 |
| 14. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (3.937.045.171) | 1.164.052.104 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 754.170.713.463 | 782.158.287.645 |
| 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 2.540 | 2.638 |

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
 Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

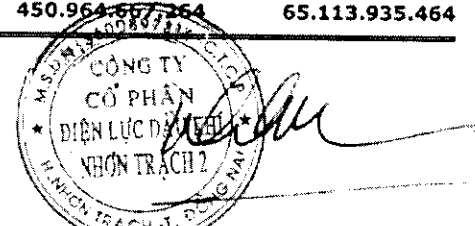
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------------------------|----------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 797.388.249.459 | 823.828.825.705 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 690.277.501.502 | 694.042.769.081 |
| Các khoản dự phòng | 03 | - | (23.281.042.069) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 04 | (16.003.726.985) | (12.822.497.822) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (18.046.486.394) | (42.143.534.344) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 87.817.040.732 | 104.764.750.280 |
| Các khoản điều chỉnh khác | 07 | (37.000.000.000) | (1.101.102.307) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 1.504.432.578.314 | 1.543.288.168.524 |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 1.100.798.748.286 | (727.604.239.184) |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (41.176.480.413) | (1.566.199.774) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | (626.681.228.397) | 692.396.258.693 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 132.632.920.743 | 163.526.704.679 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (91.566.389.412) | (105.410.443.590) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (38.974.379.485) | (24.574.028.176) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (21.987.445.618) | (20.034.081.981) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 1.917.478.324.018 | 1.520.022.139.191 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (5.194.567.488) | (1.636.439.392) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 | 732.541.363 | - |
| 3. Tiền chi cho vay | 23 | (200.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay | 24 | - | 899.509.209.584 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay | 27 | 17.058.172.096 | 45.206.208.111 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (187.403.854.029) | 943.078.978.303 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | 330.000.000.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (1.085.339.662.689) | (1.064.433.339.303) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (258.884.073.690) | (1.809.522.609.727) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.344.223.736.379) | (2.543.955.949.030) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 385.850.733.610 | (80.854.831.536) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 65.113.935.464 | 145.968.678.560 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.810) | 88.440 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 450.964.567.264 | 65.113.935.464 |


 Lê Văn Tú
 Người lập biểu


 Lê Việt An
 Kế toán trưởng


 Ngô Đức Nhân
 Giám đốc
 Ngày 29 tháng 02 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 31 tháng 05 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 614/TB-SGDHCM vào ngày 03 tháng 6 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là NT2.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 là 186 người.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

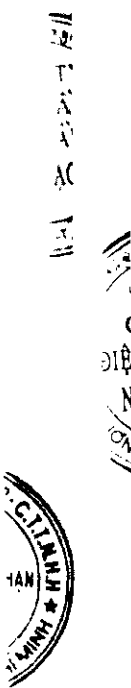
Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm. Thu nhập từ lãi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

108/2014/TT-BTC

TR/CS/01/11



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--------------------------|---------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 05 - 20 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 14 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 08 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và có thời hạn phân bổ trong vòng một năm.



Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư và phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Công ty và được các cổ đông phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông.

Tạm ứng cổ tức trong năm được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến của từng năm đã được Đại hội Cổ đông Thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

122
G1
H
D
R
13



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 3.835.407 | 10.797.915 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 60.831.857 | 103.137.549 |
| Các khoản tương đương tiền | 450.900.000.000 | 65.000.000.000 |
| | 450.964.667.264 | 65.113.935.464 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,5%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5,1% đến 6,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Công ty Mua Bán Điện (EPTC) | 1.358.804.846.752 | 2.418.123.045.545 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 19.014.216 | 12.111.400 |
| | 1.358.823.860.968 | 2.418.135.156.945 |

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 chưa xuất hóa đơn là 1.286 tỷ đồng được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ thu được toàn bộ số tiền nói trên.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| - Các khoản trả trước cho người bán khác | 6.303.423.954 | 78.835.704 |
| b. Trả trước cho các bên liên quan | | |
| - (Chi tiết tại Thuyết minh số 35) | 49.466.276.435 | 59.576.165.651 |
| | 55.769.700.389 | 59.655.001.355 |

8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| - Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) (*) | 42.153.554.457 | 42.153.554.457 |
| - Lãi dự thu | 1.935.023.498 | 272.886.927 |
| - Ký cược, ký quỹ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Phải thu khác | 102.282.082 | 51.726.425 |
| | 44.205.860.037 | 42.493.167.809 |
| b. Dài hạn (tương tự các khoản mục ngắn hạn) | | |
| - Tiền đền bù giải phóng mặt bằng (**) | - | 37.652.707.000 |
| | - | 37.652.707.000 |

(*) Khoản lãi trả chậm dự thu của Công ty Mua bán Điện (EPTC) theo điều khoản của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và EPTC phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty đang chờ hướng dẫn từ các Cơ quan có thẩm quyền cho việc xử lý và hạch toán các khoản lãi trả chậm phát sinh từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến nay.

(**) Ngày 04 tháng 6 năm 2019, Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã có thông báo số 510/TB.CT.QLCKTTĐ về việc nộp tiền thuê đất, theo đó Công ty cần trừ số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 với tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng trước được phê duyệt. Số tiền còn lại được ghi nhận ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để tiếp tục phân bổ vào chi phí trong năm trong suốt thời gian thuê.

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | VND Dự phòng | Giá gốc | VND Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 302.063.823.913 | - | 260.716.162.124 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 57.039.687 | - | 228.221.063 | - |
| | 302.120.863.600 | - | 260.944.383.187 | - |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tổng VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.971.486.895.389 | 8.303.289.960.853 | 10.492.258.143 | 36.339.888.588 | 11.321.609.002.973 |
| Tăng trong năm | 801.804.547 | 3.610.909.089 | - | - | 4.412.713.636 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | (2.268.645.232) | (2.268.645.232) |
| Số dư cuối năm | 2.972.288.699.936 | 8.306.900.869.942 | 10.492.258.143 | 34.071.243.356 | 11.323.753.071.377 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.073.503.600.754 | 4.678.102.820.337 | 8.009.086.091 | 24.397.522.655 | 5.784.013.029.837 |
| Khấu hao trong năm | 148.201.281.713 | 536.748.000.001 | 933.208.299 | 3.318.017.263 | 689.200.507.276 |
| Giảm khác | - | - | - | (2.268.645.232) | (2.268.645.232) |
| Số dư cuối năm | 1.221.704.882.467 | 5.214.850.820.338 | 8.942.294.390 | 25.446.894.686 | 6.470.944.891.881 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.897.983.294.635 | 3.625.187.140.516 | 2.483.172.052 | 11.942.365.933 | 5.537.595.973.136 |
| Tại ngày cuối năm | 1.750.583.817.469 | 3.092.050.049.604 | 1.549.963.753 | 8.624.348.670 | 4.852.808.179.496 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị 24.718.891.197 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 15.028.177.037 đồng).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Số dư đầu năm | 21.602.554.546 | 9.345.662.875 | 30.948.217.421 |
| Tăng trong năm | - | 390.000.000 | 390.000.000 |
| Số dư cuối năm | <u>21.602.554.546</u> | <u>9.735.662.875</u> | <u>31.338.217.421</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư đầu năm | - | 6.350.126.058 | 6.350.126.058 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.525.335.227 | 1.525.335.227 |
| Số dư cuối năm | - | <u>7.875.461.285</u> | <u>7.875.461.285</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày đầu năm | <u>21.602.554.546</u> | <u>2.995.536.817</u> | <u>24.598.091.363</u> |
| Tại ngày cuối năm | <u>21.602.554.546</u> | <u>1.860.201.590</u> | <u>23.462.756.136</u> |

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán FAST và website công ty.

Tài sản cố định vô hình liên quan đến phần mềm máy tính bao gồm phần mềm SAP BUSINESS ONE đã hết khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: tài sản vẫn sử dụng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Nghiên cứu hệ thống giảm thiểu CO ₂ lỏng | - | 1.406.363.636 |
| Chi phí lập báo cáo điều chỉnh quy hoạch trung tâm điện lực Nhơn Trạch | 1.416.854.546 | 1.416.854.546 |
| | <u>1.416.854.546</u> | <u>2.823.218.182</u> |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí lập báo cáo dự án, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập trên các cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty và theo các quy định kế toán hiện hành. Cơ sở mà Ban Giám đốc dùng để tính toán và trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018.

22
 27
 14
 7A
 10
 11
 21
 G
 PT
 10
 11
 11

002-C/...
 NH
 Y
 JUNAN
 TE
 M
 CHỈ NH

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|--|------------------------|------------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| - Phí bảo hiểm nhà máy và các khoản bảo hiểm khác | 3.721.303.771 | 352.281.290 |
| | 3.721.303.771 | 352.281.290 |
| b. Dài hạn | | |
| - Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng | 91.200.943.015 | 155.588.455.977 |
| - Phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và thuế nhập khẩu thiết bị hợp đồng bảo trì thiết bị | 114.477.558.023 | 148.349.903.840 |
| - Chi phí đại tu nhà máy điện | 36.738.443.719 | 87.396.512.987 |
| - Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng | 19.374.384.552 | - |
| - Chi phí bồi hoàn trạm bơm nước làm mát Nhà máy điện | 4.093.634.255 | 8.807.124.802 |
| - Các khoản khác | 504.983.556 | 2.249.892.738 |
| | 266.389.947.120 | 402.391.890.344 |

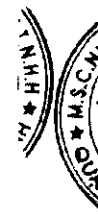
Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các khoản bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay dài hạn: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.
- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 - PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH) cho mỗi tổ máy. Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 50.000 giờ vận hành EOH (25.000 cho mỗi tổ máy) và Công ty phải thực hiện việc đại tu theo yêu cầu kỹ thuật. Giá trị quyết toán chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 50.000 giờ EOH là 161,3 tỷ đồng. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy.
- Chi phí bồi hoàn trạm bơm nước làm mát Nhà máy điện Nhơn Trạch 2: Công ty đã nhận bàn giao diện tích đất 10.906,8 m² của khu đất trạm bơm nước làm mát Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và bồi hoàn cho Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch khoản chi phí là 14.153.385.314 đồng, khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 03 năm kể từ thời điểm ghi nhận giá trị bồi hoàn (ngày 13 tháng 11 năm 2017).
- Chi phí thuê đất đã được Công ty trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê. Công ty đã kết chuyển từ khoản phải phải thu dài hạn khác sang chi phí trả trước để tiếp tục phân bổ vào chi phí trong năm trong suốt thời gian thuê đất.

11/01/2018

11/01/2018



15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a. Các khoản phải trả người bán là bên thứ ba | | | | |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 5.864.582.766 | 5.864.582.766 | 11.741.423.618 | 11.741.423.618 |
| | 5.864.582.766 | 5.864.582.766 | 11.741.423.618 | 11.741.423.618 |
| b. Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| - Tổng Công ty Khí Việt Nam | 72.996.825.509 | 72.996.825.509 | 471.792.639.868 | 471.792.639.868 |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 111.227.827.158 | 111.227.827.158 | 88.558.206.867 | 88.558.206.867 |
| - Công ty bảo hiểm PVI Phía Nam | 4.399.134.458 | 4.399.134.458 | - | - |
| - Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam | 454.403.426 | 454.403.426 | 454.403.426 | 454.403.426 |
| - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | 122.971.800 | 122.971.800 | 62.343.225 | 62.343.225 |
| | 189.201.162.351 | 189.201.162.351 | 560.867.593.386 | 560.867.593.386 |
| | 195.065.745.117 | 195.065.745.117 | 572.609.017.004 | 572.609.017.004 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Số cuối năm |
|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 150.950.122.626 | 179.080.876.216 | 188.359.609.783 | 141.671.389.059 |
| Thuế nhập khẩu | - | 283.113.046 | 283.113.046 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 16.828.929.657 | 47.154.581.167 | 38.974.379.485 | 25.009.131.339 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 326.215.875 | 7.371.269.443 | 6.999.593.864 | 697.891.454 |
| Thuế tài nguyên | 3.317.130.990 | 48.912.605.160 | 48.471.142.830 | 3.758.593.320 |
| Các loại thuế khác | 5.346.738.811 | 19.473.153.580 | 20.973.510.954 | 3.846.381.437 |
| | 176.769.137.959 | 255.121.017.445 | 304.061.349.962 | 174.983.386.609 |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhiên liệu | 761.569.541.610 | 995.935.139.125 |
| Chi phí bảo trì | 97.556.035.947 | 78.227.659.761 |
| Lãi vay trích trước | 3.994.848.018 | 7.416.980.997 |
| Thuế đất | 35.740.220 | 10.525.498.569 |
| Các khoản trích trước khác | 681.167.605 | 1.799.368.804 |
| | 863.837.333.400 | 1.093.904.647.256 |

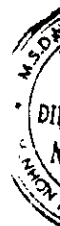
Chi phí phải trả ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán chủ yếu bao gồm các chi phí:

Chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tháng 11 và tháng 12 chưa xuất hoá đơn tại ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận theo thông báo trước tiên khí từ Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ.

Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd Viet Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam | 39.278.284.374 | 39.278.284.374 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả (Xem Thuyết minh số 22) | 294.625.234.611 | 265.633.279.301 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 495.171.300 | 333.400.000 |
| | <u>334.398.690.285</u> | <u>305.244.963.675</u> |



2024-2025
NHƠN TRẠCH 2

1500-
NHÀ
NG T
HIỆN H
DIT
I NA
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VAY NGẮN HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|--------------------------|---|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ khoản vay dài hạn | Chênh lệch tỷ giá | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai | 330.000.000.000 | 330.000.000.000 | - | 990.000.000.000 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa | - | 168.193.162.882 | - | 168.193.162.882 | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 33) | 1.060.766.996.596 | 1.060.766.996.596 | (12.502.341.302) | 1.055.339.662.689 | 1.049.778.209.321 | 1.049.778.209.321 |
| | 1.390.766.996.596 | 1.390.766.996.596 | 2.185.046.379.598 (12.502.341.302) | 2.213.532.825.571 | 1.349.778.209.321 | 1.349.778.209.321 |

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng vay tín chấp ngắn hạn số 44106.19.720.2453041.TD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai với tổng hạn mức vay là 300.000.000.000 đồng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn khoản vay này được tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2019 tới ngày 31 tháng 01 năm 2020 với lãi suất được áp dụng là 5,1%/ năm. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng và nợ gốc sẽ được trả vào cuối kỳ của khoản vay.

20. VAY DÀI HẠN

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|-------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Chênh lệch tỷ giá | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn | 1.558.084.380.674 | 1.558.084.380.674 | - | (8.896.960.719) | 1.056.853.216.716 | 492.334.203.239 |
| | 1.558.084.380.674 | 1.558.084.380.674 | - (8.896.960.719) | 1.056.853.216.716 | 492.334.203.239 | 492.334.203.239 |

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mỗi với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 33.455.416 đô la Mỹ and 29.774.985 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 55.932.197 đô la Mỹ and 50.310.391 Euro).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 2.878.760.290.000 | (457.500.000) | 137.294.913.354 | 1.969.624.367.294 | 4.985.222.070.648 |
| Phân phối từ lợi nhuận | - | - | - | (13.500.000.000) | (13.500.000.000) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 782.158.287.645 | 782.158.287.645 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (2.070.404.400.568) | (2.070.404.400.568) |
| Số dư đầu năm nay | 2.878.760.290.000 | (457.500.000) | 137.294.913.354 | 667.878.254.371 | 3.683.475.957.725 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 754.170.713.463 | 754.170.713.463 |
| Phân phối từ lợi nhuận năm 2018 | - | - | - | (22.832.000.000) | (22.832.000.000) |
| Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 | - | - | - | (287.876.029.000) | (287.876.029.000) |
| Số dư cuối năm nay | 2.878.760.290.000 | (457.500.000) | 137.294.913.354 | 1.111.340.938.834 | 4.126.938.642.188 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-CPNT2 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Công ty, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018. Trong đó chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ 24%/mệnh giá (tương ứng số tiền 690.902.469.600 đồng) và trích lập Quỹ Khen thưởng - phúc lợi, thưởng Ban điều hành với số tiền 22.832.000.000 đồng. Phần cổ tức với tỷ lệ nói trên đã được công bố chỉ trả bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2018. Trong năm 2019 Công ty cũng đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi, thưởng Ban điều hành với số tiền 22.832.000.000 đồng. Cũng theo Nghị quyết nói trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019, trong đó chia cổ tức với tỷ lệ 25% mệnh giá một cổ phần và trích Quỹ khen thưởng - phúc lợi, thưởng Ban điều hành với số tiền 22.832.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019.

Theo Nghị quyết số 20/NQ-CPNT2 ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương đương 1.000 đồng/1 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo đó, một khoản tiền tương ứng là 287.876.029.000 đồng đã được ghi giảm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty cũng đã hoàn tất việc chi trả cho khoản tạm ứng cổ tức này vào ngày 31 tháng 01 năm 2020.

Số cổ tức còn phải chi trả từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 và việc trích lập Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi và thưởng Ban điều hành sẽ được chi trả và phân phối khi có được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------|--------------------|-------------------|
| Đô la Mỹ | 39,79 | 194,18 |
| Euro | 0,04 | 8,4 |

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2019 và giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo giá bán điện được quy định trong Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 11 năm 2019 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa xuất hóa đơn, được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn theo quy định của hợp đồng.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 5.406.690.922.806 | 5.386.908.653.872 |
| Chi phí nhân công | 81.692.713.322 | 81.514.154.258 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 690.277.501.502 | 694.042.769.081 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 518.526.410.637 | 521.191.866.866 |
| Chi phí khác bằng tiền | 68.905.714.872 | 72.201.371.420 |
| | <u>6.766.093.263.139</u> | <u>6.755.858.815.497</u> |

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi | 18.720.308.667 | 42.556.011.703 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 29.057.752.489 | 30.781.258.840 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 13.054.025.504 | 17.958.761.018 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 16.003.726.985 | 12.822.497.822 |
| | <u>47.778.061.156</u> | <u>73.337.270.543</u> |

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền vay | 87.817.040.732 | 104.764.750.280 |
| Phí bảo hiểm khoản vay | 64.387.512.962 | 64.387.512.962 |
| Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay dài hạn | 5.795.680.745 | 8.483.657.705 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 4.355.321.635 | 11.422.865.102 |
| Chi phí tài chính khác | 5.801.448.065 | 3.419.855.295 |
| | 168.157.004.139 | 192.478.641.344 |

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 36.946.604.882 | 35.691.402.274 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.601.804.048 | 2.213.996.051 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.486.633.981 | 9.602.164.369 |
| Thuế, phí và lệ phí | 332.344.693 | 693.582.758 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28.848.513.653 | 39.276.023.273 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 9.583.973.735 | 13.929.777.353 |
| | 86.799.874.992 | 101.406.946.078 |

30. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Hoàn nhập dự phòng phải trả dài hạn | - | 27.885.881.426 |
| Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2015 | 37.000.000.000 | - |
| Điều chỉnh giá trị còn lại của tài sản dùng cho mục đích kinh doanh được sử dụng từ Quỹ Khoa học Công nghệ và phát triển | - | 1.101.102.307 |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 732.541.363 | - |
| Thu nhập khác | 1.607.388.991 | 1.916.714.598 |
| | 39.339.930.354 | 30.903.698.331 |

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 40.800.594.884 | 40.506.485.956 |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 6.353.986.283 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 47.154.581.167 | 40.506.485.956 |

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

| | Năm nay | | Tổng VND | Năm trước | |
|--|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-------------|
| | Hoạt động chính VND | Hoạt động khác VND | | Tổng VND | Tổng VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 804.220.119.655 | (6.831.870.196) | 797.388.249.459 | 823.828.825.705 | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - | - | (23.281.130.509) | |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 4.085.691.845 | 8.758.391.739 | 12.844.083.584 | 4.552.332.730 | |
| Thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 808.305.811.500 | 1.926.521.543 | 810.232.333.043 | 805.100.027.926 | |
| Thuế suất | 5% | 20% | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 40.415.290.575 | 385.304.309 | 40.800.594.884 | 40.506.485.956 | |

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ chín Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ năm được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 754.170.713.463 | 782.158.287.645 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) | 22.832.000.000 | 22.832.000.000 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 731.338.713.463 | 759.326.287.645 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 287.876.029 | 287.876.029 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.540 | 2.638 |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính toán và trình bày lại căn cứ dựa trên Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Chi tiết trình bày lại các chỉ tiêu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu như sau:

| Chi tiêu (1) | Số đã báo cáo (2) VND | Số trình bày lại (3) VND | Chênh lệch (2)-(3) VND |
|---|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế | 782.158.287.645 | 782.158.287.645 | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 28.400.000.000 | 22.832.000.000 | 5.568.000.000 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 753.758.287.645 | 759.326.287.645 | (5.568.000.000) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 287.876.029 | 287.876.029 | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.618 | 2.638 | (19) |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi dùng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2019 theo Nghị quyết số 07/NQ-CPNT2 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua. Theo Nghị quyết này, Công ty dự định trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 22.832.000.000 đồng.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết bán hàng

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các Hợp đồng, sửa đổi bổ sung có liên quan. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 25 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011. Giá bán điện được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Cam kết mua hàng

Công ty đã ký kết với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVGAS) bằng Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KTTT-PVPower NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng mua này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 1.842.112.412.560 | 2.948.851.377.270 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 450.964.667.264 | 65.113.935.464 |
| Nợ thuần | 1.391.147.745.296 | 2.883.737.441.806 |
| Vốn chủ sở hữu | 4.126.938.642.188 | 3.683.475.957.725 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 0,34 | 0,78 |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 450.964.667.264 | 65.113.935.464 | 450.964.667.264 | 65.113.935.464 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.403.029.721.005 | 2.498.281.031.754 | 1.403.029.721.005 | 2.498.281.031.754 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 200.490.790.416 | 490.790.416 | 200.490.790.416 | 490.790.416 |
| | <u>2.054.485.178.685</u> | <u>2.563.885.757.634</u> | <u>2.054.485.178.685</u> | <u>2.563.885.757.634</u> |

Công nợ tài chính

| | | | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Các khoản vay | 1.842.112.412.560 | 2.948.851.377.270 | 1.842.112.412.560 | 2.948.851.377.270 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 529.464.435.402 | 877.853.980.679 | 529.464.435.402 | 877.853.980.679 |
| Chi phí phải trả | 863.837.333.400 | 1.093.904.647.256 | 863.837.333.400 | 1.093.904.647.256 |
| | <u>3.235.414.181.362</u> | <u>4.920.610.005.205</u> | <u>3.235.414.181.362</u> | <u>4.920.610.005.205</u> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Tài sản | | Công nợ | |
|------------------|-------------|------------|-----------------|-------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đô la Mỹ ("USD") | 919.547 | 4.496.238 | 773.154.656.365 | 1.295.110.095.367 |
| Euro ("EUR") | 1.033 | 221.017 | 770.645.978.402 | 1.325.408.058.302 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

TÀI CHÍNH NHƠN TRẠCH 2



125C
 CHI NI
 CÔNG
 INH
 ELO
 IỆT
 TP.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá theo biến động tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------|----------------|------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Đô la Mỹ ("USD") | 7.731.537.368 | 12.951.055.991 |
| Euro ("EUR") | 7.689.577.552 | 13.254.078.373 |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm/tăng 30.842.248.251 đồng (năm 2018: 52.377.027.545 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách ký hợp đồng bao tiêu và mua khí dài hạn để hạn chế ở mức thấp nhất việc thay đổi giá bán khí gas nguyên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC) - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 01 năm phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Công ty chỉ có một khách hàng duy nhất là EPTC và không phát sinh các khoản công nợ quá hạn liên quan đến tiền điện từ khi Công ty hoạt động cho đến nay. Do đó, Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản phải thu từ EPTC. Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

15/11/2019
C
C
N
B
/S//
0-00
ANH
TY
HUU
TTE
AM
16C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | <u>Dưới 1 năm</u> VND | <u>Từ 1 - 5 năm</u> VND | <u>Tổng</u> VND |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 31/12/2019 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 450.964.667.264 | - | 450.964.667.264 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.403.029.721.005 | - | 1.403.029.721.005 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 200.490.790.416 | - | 200.490.790.416 |
| | 2.054.485.178.685 | - | 2.054.485.178.685 |

| | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| 31/12/2019 | | | |
| Các khoản vay | 1.349.778.209.321 | 492.334.203.239 | 1.842.112.412.560 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 529.464.435.402 | - | 529.464.435.402 |
| Chi phí phải trả | 863.837.333.400 | - | 863.837.333.400 |
| | 2.743.079.978.123 | 492.334.203.239 | 3.235.414.181.362 |

| | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (688.594.799.438) | (492.334.203.239) | (1.180.929.002.677) |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|

| | <u>Dưới 1 năm</u> VND | <u>Từ 1 - 5 năm</u> VND | <u>Tổng</u> VND |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 31/12/2018 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 65.113.935.464 | - | 65.113.935.464 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.460.628.324.754 | 37.652.707.000 | 2.498.281.031.754 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 490.790.416 | - | 490.790.416 |
| | 2.526.233.050.634 | 37.652.707.000 | 2.563.885.757.634 |

| | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 31/12/2018 | | | |
| Các khoản vay | 1.390.766.996.596 | 1.558.084.380.674 | 2.948.851.377.270 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 877.853.980.679 | - | 877.853.980.679 |
| Chi phí phải trả | 1.093.904.647.256 | - | 1.093.904.647.256 |
| | 3.362.525.624.531 | 1.558.084.380.674 | 4.920.610.005.205 |

| | | | |
|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (836.292.573.897) | (1.520.431.673.674) | (2.356.724.247.571) |
|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------------|
| Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP | Chủ sở hữu |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Công ty cùng Tập đoàn |
| Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần PVI | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL | Công ty cùng Tập đoàn |
| Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí | Công ty cùng Tập đoàn |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") | Công ty mẹ của Chủ sở hữu |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | Công ty cùng Tập đoàn |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | Công ty cùng Tập đoàn |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí | Công ty cùng Tập đoàn |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Mua hàng | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 5.537.729.629.0235 | 123.729.157.388 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 44.818.833.106 | 41.598.110.240 |
| Công ty Cổ phần PVI | 35.647.493.379 | 47.408.605.809 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 8.238.288.257 | 8.534.388.665 |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | - | 641.327.273 |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | 1.028.658.125 | 987.626.125 |
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | - | 145.853.158 |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 1.649.859.199 | - |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | - | 304.924.059 |
| Trường Cao đẳng Dầu khí | 277.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí | - | 20.000.000 |

Doanh thu tài chính

| | | |
|---|--------|--------|
| Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam | 17.064 | 30.374 |
|---|--------|--------|

Chi trả cổ tức

| | | |
|---|-----------------|-------------------|
| Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 153.833.472.000 | 1.075.466.895.360 |
|---|-----------------|-------------------|

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lương và các khoản phúc lợi khác | 9.397.682.223 | 10.178.870.198 |
| | 9.397.682.223 | 10.178.870.198 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|---------------------------|--------------------------|
| Trả trước nhà cung cấp | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 49.466.276.435 | 59.576.165.651 |
| Phải trả thương mại | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 72.996.825.509 | 471.792.639.868 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 111.227.827.158 | 88.558.206.867 |
| Công ty bảo hiểm PVI Phía Nam | 4.399.134.458 | - |
| Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam | 454.403.426 | 454.403.426 |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | 122.971.800 | 62.343.225 |
| Chi phí phải trả | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 761.569.541.610 | 995.935.139.125 |
| Phải trả khác | | |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 39.278.284.374 | 39.278.284.374 |

36. TÀI SẢN, CÔNG NỢ TIỀM TANG

Theo Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ngừng áp dụng Nghị quyết số 1827/NQ-DKVN ngày 19/3/2013 của PVN về việc chấp thuận phương án hạch toán kế toán đối với các khoản doanh thu/chi phí liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí. Theo đó, Công ty sẽ phải tiến hành ghi nhận khoản thu tiền lãi trả chậm phát sinh từ Công ty Mua Bán Điện EPTC và ghi nhận khoản phải trả cho PV Gas dựa theo ngày chậm trễ/quá hạn thanh toán theo đúng quy định của hợp đồng nguyên tắc và các phụ lục bổ sung được ký giữa PVNT2 và PV Gas (Hợp đồng mua bán khí) và giữa PVNT2 và Công ty Mua Bán Điện EPTC (Hợp đồng mua bán điện). Công ty đã làm việc với Công ty Mua Bán Điện EPTC thuộc EVN, PV Gas về tình hình thực hiện hợp đồng mua bán điện/khí và đang trao đổi lại với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về phương pháp cụ thể, về tính hiệu lực của Nghị Quyết số 1944/NQ-DKVN có được áp dụng cho các khoản lãi chậm nộp có số dư phát sinh từ những năm/kỳ trước hay không để làm cơ sở cho việc hạch toán chính xác và đầy đủ các khoản lãi phạt/chi phí, phải thu/phải trả liên quan đến việc chậm thanh toán tiền điện/tiền khí đã phát sinh trong thời gian tới. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được hướng dẫn cụ thể, quyết định xử lý của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về các khoản dự thu/dự trả nói trên nên chưa có cơ sở chắc chắn để ghi nhận bất cứ điều chỉnh nào trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty đang tiến hành đàm phán với Tập đoàn Điện lực Việt Nam thông qua Công ty Mua bán điện để ký kết các Phụ lục Hợp đồng và ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do mua ngoại tệ thanh toán các khoản vay có gốc ngoại tệ phát sinh trong các năm 2016 và 2017 theo các Quyết định của Bộ Công thương. Ngoài ra, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam cũng đang chờ các Quyết định của Bộ Công thương hướng dẫn việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá tương tự phát sinh trong năm 2018 và 2019. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá từ năm 2016 đến năm 2019 nêu trên do việc đàm phán với Tập đoàn Điện lực Việt Nam chưa hoàn tất.

02
3
H
D
K
1.3

11/01/2020 11:11

1500
NHÀ
NG T
KIỂM
DIT
NA
P. HỒ

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 1.935.023.498 đồng (năm 2018: 272.886.927 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 3.994.848.018 đồng (năm 2018: 7.416.980.997 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 294.625.234.611 đồng (năm 2018: 265.633.279.301 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể các tài khoản được trình bày lại như sau:

| | Số đã báo cáo VND | Phân loại lại VND | Số sau phân loại lại VND |
|--|----------------------|----------------------|-----------------------------|
| Thay đổi khoản phải trả người bán ngắn hạn | 1.568.544.156.129 | (995.935.139.125) | 572.609.017.004 |
| Thay đổi khoản chi phí phải trả ngắn hạn | 97.969.508.131 | 995.935.139.125 | 1.093.904.647.256 |

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Giám đốc

Ngày 29 tháng 02 năm 2020

